

THƯ GỎI ĐỨC THẦY TỪ MINH ĐẠT

Kính bạch Đức Thầy,

Chúng con được học hỏi và áp dụng vào thực hành với sự dẫn dắt của Đức Thầy nên có cơ hội ghi chép lời Đức Thầy dạy: Từ các buổi sinh hoạt đạo, từ lời thỉnh hỏi pháp của các vị pháp hữu, từ việc làm của Đức Thầy trên đường hoằng pháp.

Được sự trợ giúp của các vị pháp hữu trong thọ nhận và thực hành lời giáo huấn, chúng con góp lại thành Khai Tâm Điện Pháp tập 4. Đồng thời, chúng con xin phép viết lại - sửa chữa và bổ túc, một số bài đã đăng trên Tạp Chí Quy Nguyên.

Khai Tâm Điện Pháp tập 4 trình bày về Tu Là Phải Khai Tâm - Tu Là Phải Hành, góp phần khai sáng Vô Vi Quy Nguyên Pháp đi vào Đời Đạo Song Hành.

Khả năng thọ nhận lời giáo huấn đem vào thực hành của chúng con có giới hạn nên phần trình bày chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Chúng con thành tâm kính Đức Ngài Pháp Chủ - Đức Thầy Từ Minh Đạt từ bi ân xá ban dạy cho những lỗi lầm thiếu sót của chúng con.

*Nam Mô A Di Đà Phật.
Ban Biên Tập TCQN kính bạch.*

*Khai Tâm Niễn Phaùp taăp 4
trang 2*

THỌ PHÁP VỚI ĐỨC THẦY.

hay **Chuyển Tâm Thọ Pháp** .

Ban Biên Tập TCQN.

1. Mở đầu câu chuyện:

1.1. Thành quả tu học của một vị Do Thái Giáo:

Một vị đệ tử trong số các vị đệ tử thuộc hàng chức sắc của Do Thái Giáo là bà Sara Weber, hiện định cư tại miền Nam tiểu bang California, Hoa Kỳ. Bà có vị thầy là bà Z. hiện định cư tại Canada, được coi là vị Thầy của Do Thái Giáo.

Qua quá trình tu học theo Do Thái Giáo, bà Sara nghe được tiếng nói của đá, cây cỏ, các phần âm, nhiều phần lực khác và thấy hào quang cùng nhiều hiện tượng huyền linh thuộc vô vi, nhưng tự bà không thể giải đáp các hiện tượng huyền diệu siêu nhiên này. Bà trình vị Thầy đạo Do Thái của mình nhưng không được giải đáp thỏa mãn. Bà tham vấn các vị thuộc hàng chức sắc của Do Thái Giáo nhưng không ai đưa ra lời giải đáp giúp bà hiểu rõ hơn. Bà đi nhiều nơi, trong đó có Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhưng đều không giúp bà giải tỏa thắc mắc trên đường tu học và hướng tiến tu thích hợp cho trường hợp của mình.

1.2. Đến với Vô Vi Quy Nguyên Pháp:

Cách đây hơn một năm, vào một ngày lễ lớn của người Do Thái, Đức Thầy Từ Minh Đạt bảo Thầy Từ Long Ngọc đến khu vực đông đảo người Do Thái sinh sống,

*Khai Tâm Niễn Phaùp taăp 4
trang 3*

thuộc thành phố Los Angeles, miền Nam California, thấy cửa hàng nào mở cửa kinh doanh thì vào. Hôm đó, chỉ duy nhất một cửa hàng vẫn còn buôn bán, đó là cửa hàng của bà Sara, vì nhân viên của bà là người ngoại quốc, không là người Do Thái, nên họ vẫn mở cửa. Thầy Từ Long Ngọc là người đầu tiên đến với bà Sara và là người tạo duyên như nhịp cầu bắc nối cho bà bước tới Vô Vi Quy Nguyên Pháp.

Lần đầu tiên, bà Sara gặp Đức Thầy Từ Minh Đạt trong vô vi, bà đặt ra 3 câu hỏi và được Thầy giải đáp ngay lúc đó.

Lần thứ nhì, khoảng một tuần sau, đích thân bà Sara đến ngôi Đức Thầy Từ Minh Đạt tại Northridge. Phút gặp gỡ đầu tiên, bà cảm nhận như có quen quen với Đức Thầy lâu nay. Bà nhận hiểu ra sự quen quen này khi Đức Thầy giải thích mối quan hệ trong một tiền kiếp. Hôm ấy, bà nhắc lại ba câu hỏi trong vô vi vừa rồi. Đức Thầy nói với bà rằng Đức Thầy đã trả lời câu hỏi này trong vô vi cho bà rồi. Bà im lặng trong sự ngạc nhiên, rồi mới hỏi thêm một câu hỏi. Đức Thầy bảo bà quay lại sau lưng, lấy một mẫu giấy màu vàng được kẹp trong quyển sách có ghi sẵn câu trả lời cho bà. Bà hết sức ngạc nhiên với phần trả lời trước, đúng vào câu hỏi của bà:

Tự bản thân, bà biết tiền kiếp của mình là người Trung Hoa, nam giới, tu học Phật Pháp, nhưng không hiểu vì sao nay lại chuyển làm người Do Thái, nữ giới, tu theo Do Thái Giáo?

Trong lúc đang đàm đạo, Đức Thầy nhã ý ban thanh điền cho bà nhưng bà ngại vì khác pháp đạo của bà.

Đức Thầy ban thanh điện cách không qua vô vi cho bà khi đang đàm đạo và hỏi bà có cảm thấy một luồng điện nóng chạy sau lưng không? Bà ngạc nhiên vì đang ngồi đối diện cách khoảng với Đức Thầy, đồng thời cảm nhận dòng thanh điện nóng sau lưng.

Sau buổi gặp gỡ, một số thắc mắc lâu nay được hóa giải thỏa đáng. Từ đó, thỉnh thoảng bà viếng thăm ngôi Đức Thầy, tìm hiểu học hỏi thêm.

1.3. Phản ứng từ vị Thầy Do Thái:

1.31. Đến gặp Đức Thầy Từ Minh Đạt:

Trong khi đó, tại Canada, thầy của bà Sara biết người đệ tử chuyển tâm. Bà Z. đến Đức Thầy Từ Minh Đạt bằng vô vi, nhưng chỉ đứng ngoài cửa không vào Ngôi Đức Thầy được. Bà Z. nói vọng vô với sự giận dữ:

- Tôi có một căn nhà duy nhất mà tại sao chiếm?

Ý là bà chỉ có một người đệ tử xuất sắc nhất trong hàng các đệ tử mà Đức Thầy Từ Minh Đạt cũng chiếm lấy.

Đức Thầy Từ Minh Đạt trả lời:

- Tôi đến từ chỗ Không, tôi về với cái Không, của vị là của vị!

Bà Z. trở về!

1.32. Phóng điện đánh người đệ tử:

Có lần, Thầy Từ Long Ngọc đang trò chuyện với bà Sara tại cửa hàng của bà. Bỗng nhiên, bà Z. từ Canada phóng điện đánh bà Sara khiến cho nhiều vật dụng trong phòng bay tung lên khoảng không. Thầy Từ Long Ngọc nhận biết và nói:

Thôi nhé, nếu không tôi đánh đó!

Sau lời nói đó, mọi việc trong phòng trở lại bình thường.

Ngoài trường hợp điển hình có sự hiện diện của pháp hữu Vô Vi Quy Nguyên, bà Z. còn phóng điện đánh đẽ từ mình vào buổi họp mặt của bà Sara với các bạn bên Do Thái Giáo.

1.4. Đức Thầy Từ Minh Đạt thọ ký và ban Thiên Linh Bảo Pháp:

Trải qua thời gian tìm hiểu, học hỏi khi diện kiến với Đức Thầy Từ Minh Đạt và tham dự sinh hoạt với các pháp hữu Vô Vi Quy Nguyên tại hải ngoại, bà Sara quyết tâm bước vào Vô Vi Quy Nguyên Pháp tu học.

Đức Thầy Từ Minh Đạt làm lễ Thọ Ký và ban Thiên Linh Bảo Pháp cho bà Sara tại Ngôi thờ phụng của bà.

Với Thiên Linh Bảo Pháp, bà an tâm hơn và tránh được những lần người thầy của bà phóng điện quang đánh. Giá trị về phương diện vô vi của Thiên Linh Bảo Pháp được thể nghiệm thực sự qua hữu vi với chính bản thân bà chứng nghiệm.

Từ hóa giải thắc mắc về huyền linh đến chứng nghiệm Bảo Pháp qua hữu vi nơi chính bản thân khi đối diện với vô vi và thấy được hướng đi mở ra, bà Sara không ngần ngại giới thiệu và hướng dẫn nhiều người Do Thái đến Vô Vi Quy Nguyên Pháp.

Đến đây, chúng tôi xin phép tạm dừng với phần mở đầu câu chuyện có liên quan đến số đông pháp hữu chúng ta.

2. Bài học liên quan đến pháp hữu chúng ta:

2.1. Đứng vững vị trí của mình:

Vì sự đối xử không đẹp của vị Thầy của mình, bà Sara muốn dứt khoát tình nghĩa Thầy Trò với vị đó. Đức Thầy Từ Minh Đạt khuyên:

Thầy của bà dạy một, đó cũng là công ơn. Người thầy của mình dù chỉ dạy cho mình ở bậc mẫu giáo, tiểu học thì muôn đời người đó vẫn là thầy của mình, dù chỉ ở bậc mẫu giáo, tiểu học. Không có người đó thì không có những bậc kế tiếp. Vì vậy, phải luôn luôn ghi nhớ công ơn của Thầy.

Đức Thầy nhắc nhở các vị pháp hữu vào buổi sinh hoạt hàng tuần với câu châm ngôn:

“Một chữ cũng là Thầy, nửa chữ cũng là Thầy.”

Phải giữ một lòng tôn kính người Thầy dù cho mình có đổi hướng chuyên tâm hay dù cho người Thầy đối xử với mình như sao đi nữa.

Vào bước đầu, bà Sara dự định hướng dẫn một số tín đồ Do Thái và bạn hữu đến Vô Vi Quy Nguyên Pháp. Đức Thầy Từ Minh Đạt khuyên:

Bà cứ từ từ, không nên vội vàng! Bà nên lo cho mình vững vàng trước! Khi đứng vững nơi vị trí mà mình đang đứng thì các vị sẽ từ từ đến cũng không muộn.

Một khi xác định vững vị trí trên đường tu học thì dù có gặp nghịch cảnh hay bước vào nơi bùn lầy vẫn vững bước và không dính mắc bùn lầy.

2.2. Tinh thần hòa đồng với các pháp đạo:

Mỗi pháp đạo đều có nghi thức và cách phụng thờ các Đấng tôn kính. Đức Thầy Từ Minh Đạt làm lễ Thọ Ký và ban Thiên Linh Bảo Pháp ngay trước ngôi thờ của Do Thái Giáo.

Trong những lần bà Sara đến dự lễ tại Northridge hay tại Đại Hùng Linh Điện, Đức Thầy tạo duyên giúp bà thoát ra khuôn khổ nghi thức của pháp đạo với nét tự nhiên.

Một bài học cho chúng ta về tinh thần hòa đồng!

2.3. Tiếp tục thực thi tâm nguyện:

Trong một buổi tham dự sinh hoạt cùng các pháp hữu tại Đại Hùng Linh Điện vào ngày thứ Bảy, đi theo bà Sara là người bạn. Ngoài ra, trong vô vi còn có nhiều vị tín đồ của Do Thái Giáo cùng tháp tùng và đặc biệt là sự hiện diện của vị Z., Thầy của bà Sara.

Bà Sara hỏi Đức Thầy Từ Minh Đạt:

Khi thọ pháp với Do Thái Giáo, tôi có tâm nguyện một lòng phục vụ cho Giáo Hội Do Thái Giáo. Nay, tôi bước vào Vô Vi Quy Nguyên Pháp, như vậy tôi có làm trái với tâm nguyện Thiên Liêng không?

Đức Thầy giải thích:

Không! Bà không có làm trái với tâm nguyện của mình. Bà đang phục vụ cho Giáo Hội Do Thái Giáo.

Sự tu học của bà bây giờ là sự lợi ích cho tôn giáo và dân tộc của bà mai sau.

2.4. Vì sao người Thầy lo ngại mất đệ tử?

Mỗi vị đều có nhiệm vụ riêng. Các vị lập hạnh, hoằng khai pháp đạo vì chúng sanh vào giai đoạn cuối. Có vị chú trọng đến số lượng đồng đệ tử, cố gắng thu nhận càng nhiều học trò càng tốt. Có nhiều đệ tử và lập nhiều công đức để khi về trình Ôn Trên là mình được như vậy, như vậy. Cho nên, một đệ tử ra đi, nhất là vị đệ tử xuất sắc, là một mất mát lớn cho vị thầy và cho pháp đạo. Có vị thầy xem người đệ tử ra đi là phản thầy, phản đạo! Đúng như vậy không?

Các pháp môn, các pháp đạo nơi mọi tầng lớp chúng sanh như nấc thang, như lớp học dành cho chúng sanh với căn cơ thích hợp vào học. Học xong, lên lớp hay chuyển lớp tiếp tục tu sửa như một hành trình tiến hóa của chúng sanh.

Với Đức Thầy Từ Minh Đạt, số người theo học nhiều hay ít không có ý nghĩa quan trọng. Điểm cần là đức hạnh của người tu học, sự quyết tâm từng bước cởi bỏ điểm kẹt vướng mắc nơi tâm. Từng bước mở tâm vướng kẹt trở về phần Chơn Linh nơi cõi Thượng, từng bước tiến mở rộng tâm hòa nhập Điện Linh Quang của Thượng Đế.

Một người thầy có số lượng đệ tử đông từ hàng trăm, hàng ngàn đến hàng triệu; điều đó không có ý nghĩa với vô lượng chúng sanh trong thế giới.

Điểm cần là người thầy đủ khả năng dẫn dắt đệ tử đến nguồn cội. Dù cho người đệ tử chuyển tâm, qua nhiều

đời nhiều kiếp, lạc bước nơi hồng trần hay lạc vào các cõi khác, người thầy có trách nhiệm bằng mọi phương cách đưa đệ tử lạc đường trở về. Một người thầy khi thọ ký một đệ tử vào pháp phải có trách nhiệm với người đệ tử cho đến khi người đệ tử tu học thành quả.

Các vị lập hạnh xong cũng về trình với Ôn Trên, trình với Đức Long Hoa Giáo Chủ! Tất cả đều quy về một mối! Không có gì khác biệt!

Khi hiện diện tại trần thế, mọi hoạt động của các vị đều được vị Nam Tào ghi và chấm điểm, nhất là chấm về mặt tâm thức. Khi trở về trình diện với thành tích là một nghi thức mà thôi.

2.5. Căn cơ do Đức Hạnh, do Tâm Từ trải rộng!

Bà Sara thành đạt khả năng tu tập như vậy, tại sao vị Thầy không thể tiếp tục hướng dẫn bước tiến tu cho đệ tử?

Những thần thông như đến các nơi bằng vô vi, hoặc phóng điện quang theo ý muốn là do khả năng công phu thì tự nhiên mà có, không phải do căn cơ. Thần thông không phải là mục đích của sự tu học.

Tuy là đệ tử, căn cơ bà Sara cao hơn vị của vị thầy, bà Z. Căn cơ do đức hạnh, do khai mở điểm vương kẹt của tâm, do Tâm Từ trải rộng đến chúng sanh chứ không do công phu.

Hào quang rộng lớn do Tâm Từ rộng mở. Đức Vua Cha với hào quang phủ khắp là tiêu biểu: Ngài vì chúng sanh!

Do đó, Bà Z. tự hiểu vì sao:

- Không thể vào ngôi Đức Thầy Từ Minh Đạt được.
- Phải thu hồi điện quang sau lời nói của thầy Từ Long Ngọc.
- Với Thiên Linh Bảo Pháp mang trong người bà Sara, bà Z. không thể phóng điện tạo bất an cho bà Sara như trước đây.

Đó cũng là một phần trong các lý do, mà trong vô vi, bà Z. theo người học trò đến với VVQN Pháp.

2.6. Làm sao được học trong vô vi?

Trong pháp hữu chúng ta, có vị được học trực tiếp trong vô vi, có vị chưa được học trong vô vi. Một số vị chưa được học, mong muốn được học, mong muốn được Ông Trên chỉ dạy để thật sự là tự mình sống về mặt vô vi thể nghiệm qua bản thân, đồng thời hiểu thâm sâu hơn phần giáo pháp mà Đức Ngài đã truyền dạy.

Một vị pháp hữu trình Đức Thầy:

- Làm sao chúng con được học trong vô vi?

Đức Thầy dạy:

- Muốn được học trong vô vi, trước phải lìa bỏ ngã tướng! Đã mang hình tướng thì chuyện đầu tiên muốn được học là học trong hữu vi.

Tóm lại: Việc làm của bà Sara là biểu hiện một bước tiến chuyển tâm trên đường tu học. Vô Vi Quy Nguyên của chúng ta thực quả là một ngôi nhà mát cho tất cả chúng sanh, các pháp môn, giáo phái, dân tộc quay về và đồng nêu cao tinh thần: Kính Thầy Trọng Pháp!

BƯỚC ĐẦU MỞ HƯỚNG KHAI TÂM.

Ban Biên Tập TCQN viết lại.

Thưa quý vị,
Thanh lọc điểm kẹt đã trồng vào tâm thức thường phải mất hàng chục năm, hàng trăm năm, hàng ngàn năm, thậm chí hàng triệu năm, hàng tỉ năm mà vẫn còn lưu giữ và tái diễn. (Trong những buổi học về vô vi, chúng ta đã có nhiều cơ duyên chứng kiến nhiều Chư Vị, phân lực đã trải qua hàng triệu triệu năm tu luyện mà điểm kẹt của họ vẫn còn khó khăn để khai mở).

Bước Đầu Mở Hướng Khai Tâm trình bày vài điểm vướng mắc nơi tâm thức, vài điểm kẹt thông thường hằng lưu diễn trong tâm thức mỗi chúng ta. Bài viết có thể phần nào làm phật ý người đọc, chúng tôi mong các vị hoan hỉ bỏ qua!

1. Vị trí trên đường tu học:

1.1. Thọ nhận đặc ân:

Chúng ta thọ nhận nhiều pháp công phu tu tập của các Đấng Thế Tôn mà lẽ ra chưa được phép học như: Long Hổ Pháp, Vận Chuyển Huyền Quang, Khiêu Đuốc Huệ, Khai Hoa Kiến Phật, ...

Chúng ta thọ nhận nhiều Bảo Pháp như:

- Thiên Linh Bảo Pháp giúp người thọ nhận có cơ hội trở về, có phương tiện trợ lực tu học.
- Hồng Ân Bảo Pháp giúp người thọ nhận có thêm phương tiện lập hạnh, hoằng khai Pháp Đạo.

- Kim Cang Bảo Pháp và nhiều Bảo Pháp cao quý khác giúp người thọ nhận đi vào hành pháp tiếp tay cùng Đức Ngài - Đức Thầy đến với chúng sanh.
- Pháp Hộ Bệnh, Lệnh Pháp Tối Thượng,.... và những gì cần thiết, giúp người thọ nhận làm hành trang đi vào các nẻo đường thể nhân trên khắp thế giới.

Chúng ta thọ nhận các pháp công phu và các Bảo Pháp là thọ nhận đặc ân, thọ nhận Hồng Ân và có bốn phận công phu tu tập, trau dồi phẩm hạnh, truyền lại cho người kế tiếp bằng khả năng của bản thân. Đây là vị trí như nhịp cầu cho người kế tiếp đến với VVQN Pháp.

1.2. Định thế đứng để mở hướng đi bằng thật hạnh:

- Phương tiện công phu Đức Ngài - Đức Thầy ban cho chúng ta đi.
- Bảo Pháp Đức Ngài - Đức Thầy dành sẵn cho chúng ta đến.
- Hướng đi Đức Ngài - Đức Thầy mở sẵn cửa chờ đón chúng ta và chúng sanh về.

Con đường được xây đắp sẵn cho mỗi chúng ta. Đi và đến do mình, không do nơi phương tiện, cũng không do nơi Bảo Pháp có trong tay. Thế nên, đừng quá dựa vào Pháp Công Phu, Bảo Pháp và con đường được xây đắp sẵn.

Phải nhận biết khả năng hiện có của mình và tận lực tinh tấn. Phải xác định cho mình một thế đứng vững. Dù gần Thầy hay xa Thầy luôn vững tâm, vững tiến vì lợi ích bản thân và nhân sanh. Đây là một cách nhìn lại

bản thân, mở hướng đi khai tâm trí bằng thật hạnh tri và hành làm căn bản tiến tu.

2. Bước đầu mở hướng nhận ra điểm kẹt:

2.1. Một vài điểm kẹt do nhân sinh quan:

Mỗi nhân sanh chuyển thế đều có phần Chơn Linh nơi cõi Thượng. Mỗi vị đến thế gian đều mang ít nhiều điểm kẹt vào tâm do Chơn Linh chuyển xuống để học hỏi, đi vào cuộc sống thế gian mà mở thông để tiến hóa. Trên thực tế:

Nếu nhìn qua nội dung tác phong trong cuộc sống chúng ta thấy:

- Có vị nặng lễ giáo, phép tắc như một khuôn khổ phải theo.
- Có vị thích khép mình vào giới luật, giữ giới đức, làm điều gì cũng sợ phạm vào giới luật.
- Có vị thích thi ân, làm phước giúp người để tạo thêm âm đức.
- Có vị nặng về tình nghĩa, thực thi nghĩa cử hay dễ mềm lòng trước cảnh khổ của tha nhân.
- Có vị trọng danh vị, trọng hình thức, ...

Nếu nhìn theo hướng sống cho bản thân chúng ta thấy:

- Có vị hướng tinh thần sống về quá khứ.
- Có vị hướng tinh thần sống cho hiện tại.
- Có vị hướng tinh thần sống vì tương lai.
- Có vị hướng tinh thần sống nghiêng về nội tâm.
- Có vị hướng tinh thần sống theo ngoại cảnh nhiều v.v...

Tất cả đều là vướng mắc của tâm thức do Chơn Linh đem xuống đi vào sự sống với nét đặc thù đó, cũng là thể hiện bản tánh hiện có. Để từ đây:

- Một là có điều kiện thấu hiểu tâm thức đã từng làm chủ mình qua môi trường sống.
- Hai là nhận diện điểm vướng mắc nơi tâm, nhận diện điểm kẹt mà mình bị sống vì nó. Từ đó, tu sửa dần dần mà thoát ra.

2.2. Vị thế, hoàn cảnh, gia đình, xã hội là môi trường giúp nhận ra điểm kẹt:

Môi trường hoàn cảnh trong từng kiếp luân hồi:

Mỗi chúng ta đều trải qua nhiều kiếp luân hồi để học hỏi, như:

- Có kiếp là người cùng khổ để học tâm biết đủ, tâm xả bỏ.
- Có kiếp là viên chức nhiều đặc quyền đặc lợi để học chỗ thanh liêm, trung chính.
- Có kiếp thì quanh quẩn vào đường tình ái để học ái dục là gốc của đau khổ.
- Có kiếp là loài vật, côn trùng, mà cũng là một cách trả quả do tiền kiếp làm nên nghiệp xấu, để học “nhân quả là định luật tuyệt đối đúng” mà thức tâm sửa mình. v.v...

Mỗi kiếp của hiện tại, thường bị ảnh hưởng nhiều bởi “kiếp sống vừa rồi” hay “một số kiếp sống vừa trước đó”. Hiện kiếp được chuyển vào môi trường hoàn cảnh sống thích ứng để học nghiệp lực nhân quả. Nhân quả là định luật mà!

Trong tương quan giữa người và người:

Đi vào vị trí mỗi kiếp sống và sự tương quan với tiền kiếp, chúng ta thấy:

- Có kiếp là cha con, có kiếp là mẹ con, có kiếp là vợ chồng để học tình phụ tử, tình mẫu tử,

đạo vợ chồng hay hóa giải nợ nần oan nghiệt từ tiền kiếp.

- Có kiếp là bạn bè thâm giao để học tình bằng hữu, học hạnh tín.
- Có kiếp là thầy trò để học tình nghĩa thầy trò,...

Thí dụ: Có trường hợp đặc biệt trong tương quan từ tiền kiếp như: Hai vị có địa vị cao trong xã hội, do bất đồng ý kiến mà giết hại nhau, khởi sanh “thức oán hận”. Kiếp sau, hai vị gặp nhau với tình anh em trong gia đình, nhưng do “thức oán hận” còn sâu nặng chưa hóa giải được nên kiếp kế tiếp hai vị gặp nhau trong tình mẫu tử, Đây là một cách dùng tình mẫu tử để hóa giải.

Từ sự sống trong mỗi tương quan đi từ kiếp này sang kiếp khác và từ sự sống do môi trường hoàn cảnh đem đến, tâm ý hiện lên trong tương quan liên hệ với nhau, tâm ý hiện lên khi đối diện sự việc, tánh tình hiện lên qua sinh hoạt, giúp tự soi lại bản thân, soi lại tâm hạnh, để thấy được các hạnh của mình; đồng thời là cơ hội nhận diện điểm yếu kém tái diễn lập đi lập lại, làm bài học quý của mỗi chúng ta.

Cho nên, môi trường sống - hoàn cảnh sống - cách sống - tâm ý hay tánh hành động hiện lên khi đối diện sự việc mở ra điểm kẹt mà mình phải tự ý thức ra. Thức để thanh lọc cho sạch, là một cách mở tâm, mà cũng là trường dưỡng thiện căn.

3. Vài thí dụ về bước đầu mở hướng khai tâm thường gặp:

3.1. Mở tâm theo hạnh bình thường:

3.1.1. Thí dụ 1: Lời hứa.

Một người thiếu thôn cần sự giúp đỡ, mình liền hứa giúp, nhưng qua thời gian không thể hiện thực hiện được. Kiếp người rồi cũng chấm dứt, mọi việc tướng chìm theo kiếp chấm dứt đó. Không! Lời hứa vẫn tồn tại theo nhiều kiếp đến khi mình làm tròn. Nếu không thực hiện được lời hứa, trải qua nhiều kiếp, người được hứa đến người hứa như một con nợ. Một điểm kết từ lời hứa là “tâm hứa” chưa được mở bỏ và là bài học về nghiệp khẩu.

- Từ khẩu nghiệp do lời nói, Đức Thầy nhắc nhở chúng ta: Lời nguyện càng nặng hơn nhiều!
- Từ “Lời hứa - Lời nguyện” mở ra một phương diện thực thi hạnh tín mở tâm bằng hành động

3.12. Thí dụ 2: Hiếu với Thầy.

Người học trò mong Thầy được khỏe, trụ thế lâu dài để được học hỏi đạo pháp. Tuy mang tâm lành cầu đạo nhưng là tâm lành chưa mở. Chưa mở vì mong Thầy trụ thế lâu dài như vậy chỉ làm khổ thêm Thầy vì mình.

Mong Thầy trụ thế lâu dài để mình có cơ hội phụng sự Thầy mang Đạo Pháp đến nhân sanh có hay hơn không? Phụng sự Thầy là có cơ hội học hỏi và đem sự học hỏi này phụng sự cho nhân sanh. Đây là hiếu với Thầy bằng hạnh lành mở ra vì nhân sanh.

Như vậy, dù Thầy trụ thế hay hồi vị, người học trò luôn mở rộng tâm vì nhân sanh, vì Đạo Pháp mà đến Thầy học đạo và mong Thầy trụ thế lâu dài.

Đức Ngài dạy thêm: “Thực hiện đạo hạnh làm người, trọn hiếu Tổ Tiên, Trời, Phật, Thầy. Giữ lòng cung kính phụng dưỡng. Lấy cái vui, cái buồn của Thầy, cha

mẹ làm cái vui, cái buồn của mình. Phải hiểu biết như vậy ta mới làm tròn đạo nghĩa.” (QNP. 370) .

3.13. Thí dụ 3: Chúc thọ cha mẹ.

Cha mẹ đến tuổi lục tuần, bát tuần, người con làm lễ chúc thọ. Cha mẹ khỏe và sống lâu là điều vui mừng của các con. Vui mừng đây không phải chỉ vì cha mẹ sống thọ mà là cơ may cho người con được phụng dưỡng cha mẹ lâu dài, được đền đáp phần nào công sanh thành dưỡng dục.

Phụng dưỡng cha mẹ phải lấy tâm làm chính: Tâm phụng dưỡng, tâm hiếu dưỡng, tương tự như tình thương của cha mẹ dành cho con. Phụng dưỡng cha mẹ “không ở lời nói, không ở nhớ nhung” mà ở hành động - ở tâm hạnh phụng dưỡng bằng hành động.

Đức Ngài dạy: “Không phải lo cho cha mẹ chén cơm cho là hiếu, lo cho Thầy một ly nước hay một công việc gì gọi là công. Phải minh tâm cảm hóa lòng sanh diệt, xa lìa ngã tướng, nuôi dưỡng bản tánh, làm chủ sự hành động. Như vậy chén cơm, ly nước này trong tình thương kính mà hành đạo là thực thi được Tánh Trời.” (QNP. 322).

(Thí dụ: Người con lo cho cha mẹ chén cơm ly nước, lo cho cha mẹ thuốc men khi bệnh mà trong lòng còn kể lể hay còn phân bua với các anh em trong gia đình, như vậy là lòng sanh diệt làm chủ sự hành động của người con. Việc lo cho cha mẹ là bổn phận của người con hiếu, nhưng trong chỗ hiếu hạnh xuất phát từ lòng sanh diệt (vọng khởi) là hiếu hạnh hiện hành ngã tướng. Như vậy, chánh tâm thành ý của người con đi

vào hiếu hạnh chưa có, bản tánh chân thật của người con nhường cho lòng sanh diệt dẫn.)

Về phương diện thực hành mở rộng đến các hạnh bình thường như: Trung - Lễ - Nghĩa - Liêm - Sĩ..., người học nên hành bằng tâm hạnh, nhìn vào tâm hạnh của mình hiện lên qua sự việc hay sinh hoạt, thời nhận diện mức độ mở tâm hạnh - mở tánh hành động mà tu sửa trau dồi, mở rộng ra. Càng tận lực tu sửa, càng trau dồi tinh tấn càng có dịp nhận ra điểm kẹt hay các vi tế vướng mắc của tâm ý (hay tâm hạnh).

3.2. Mở tâm theo hoàn cảnh sống:

Mỗi vị trưởng thành trong mỗi hoàn cảnh khác. Hoàn cảnh đó là phương tiện pháp để học những gì mà bản thân đang vướng mắc. Mỗi bước ngoặt, mỗi giai đoạn đổi thay của cuộc đời là bài học thức tâm, đánh thức điểm kẹt - điểm vướng mắc của mình. Như:

Một người nghèo khó, phương tiện sống tối thiểu không đủ. Đó là dịp để học tâm xả bỏ và thông hiểu người cùng duyên cảnh mà mở tình thương.

Một người từng sống với danh vị và thế lực, với quyền uy do địa vị tạo nên, rồi gặp việc không may hoàn cảnh đưa vào hàng thấp của xã hội và phải sống trong cảnh khốn cùng này. Từ đó, sống với những gì mình có, lòng tham danh vị quyền thế trôi đi, tâm ý cũng không mản đến nữa.

Trên thực tế cho thấy: Thanh lọc điểm kẹt dù nhỏ thường trải qua nhiều hoàn cảnh thích ứng, nhiều thành phần xã hội hay nhiều kiếp chuyển thế để khai thông. Tất cả hoàn cảnh sống, dù biến chuyển đổi thay như

thể nào, đều xoay hướng trong điểm kẹt làm bài học. Cho nên, bài học thật đa dạng cho kiếp người đi trong luân hồi là phương tiện mở tâm.

4. Vài thí dụ mở hướng đi ban đầu cho tha nhân:

4.1. Nghiện rượu - thuốc:

Các vị luôn say rượu, luôn điều thuốc trên môi, nay đến với pháp đạo tu học mà bảo bỏ rượu, bỏ hút thì các vị chắc chắn không thể làm ngay được, và sẽ bỏ cuộc quay về đường cũ. Người hướng dẫn phải từ từ, tùy duyên, tùy cơ hội thuận tiện chỉ ra giúp các vị tự gỡ. Không vội!

Các vị ý thức bỏ thuốc, bỏ rượu, siêng năng tu tập là một bước chuyển mở tâm hướng đạo.

4.2. Nghiệp lực hoành hành:

Các vị thường bị tai ương, bệnh tật không dứt, đến với pháp đạo mà mình quả quyết là do nghiệp lực từ tiền kiếp nay phải trả và cần tu tập để giải nghiệp. Làm sao các vị tin hiểu được?

Bước đầu cần hướng dẫn tu tập. Từ tu tập, sức khỏe khá lên, tâm trí thoải mái hơn, cuộc sống có phần ổn định hơn với hướng đi được mở ra và tự bản thân sẽ nghiệm ra nghiệp lực có phần tiêu giảm so với cuộc sống trước đây khi chưa tu tập. Vài hữu ích thực tế là yếu tố đem lại tin hiểu vững vàng hơn!

Tâm ý chung của người đời là như vậy, chúng ta nên nương thuận theo đây - hòa theo nhịp sống của người, đi cùng người mà từ từ mở dần ra, không vội, không ép.

Tuy nhiên, trong một vài trường hợp đặc biệt, Thầy trực tiếp trợ giúp giải oan nghiệt hay nợ nần, lúc đó người thọ nhận (hay người trong cuộc) mới thật sự nhận ra sự vay trả của mình, không có tính mơ hồ hay dị đoan lồng vào. Các vị tin hiểu (dù ít), không mơ hồ, và có phần an vui tu học là bước đầu chuyển mở tâm hướng về đạo.

4.3. Mệt mỏi, bận bịu vì việc làm ăn:

Các vị thường mệt mỏi vì công việc làm ăn hay vì lòng tham dành thời giờ vào việc kiếm tiền. Các vị bôn ba nay đây mai đó bề bộn trăm việc làm ăn không đủ giờ nghỉ ngơi hay chăm lo sức khỏe cho bản thân. Lần đầu tiên đến với Pháp Đạo mà bảo nửa đêm thức dậy công phu, chắc chắn các vị sẽ rút lui.

Nên nhớ, vào thời Mạt Pháp chúng sanh còn tồn đọng lại đến ngày nay, đại đa số đều mang phải tâm linh và căn cơ “không được khá” so với các thời kỳ trước. Phần đông trọng đời sống vật chất hơn là trọng khai mở tâm linh, trọng những lợi ích trước mắt cho cuộc sống như “danh lợi tiền tình” nhiều hơn.

Chúng ta phải đi vào sự sống như người đê có thể hiểu và cảm thông người. Từng bước cảm hóa người bằng cách đem đạo vào đời và từ đời mà mở sáng lý đạo cho người thức giác. Phải có ý chí và kiên nhẫn không biết mệt mỏi, không nhàm chán, mà yếu tố quyết định là đạo hạnh của mình và năng lực linh hoạt đáp ứng theo từng diễn biến trong đời sống tinh thần của người. Mỗi một bước thức tâm về sự vô thường của cuộc đời, của đời người và người đời, của những danh - lợi - tiền - tình, mà buông xả dần là mỗi một bước mở tâm hướng đến con đường đạo.

4.4. Vừa được chuyển kiếp:

Các vị từ tiền kiếp là các loài cầm thú đã được Đức Ngài phóng sanh nay chuyển làm người. Căn cơ các vị ấy như người học lớp 1, lớp 2, không thể ép học trung học hay đại học. Qua thời gian tu học, có thể các vị sẽ ra đi là lẽ thường. Cần nhiều kiếp tiến hóa!

4.5. Các pháp môn như khí công - nội lực:

Các vị từ các pháp khác như: Võ thuật, Yoga, Thiếu Lâm, Khí Công,... đến với pháp đạo. Các vị rất tự tin vào các pháp mình đang tập đem lại sức khỏe tốt. Chúng ta cứ để tự nhiên! Các vị cần thời gian tìm hiểu!

Sức khỏe cần cho một kiếp sống nhưng sống khỏe để làm gì? Với sức khỏe đó có đem lại hữu ích cho tiến hóa tâm linh không? Có làm chủ được sự sống, có thoát được sanh tử không? Nên hướng về đạo pháp và trọng đạo pháp hơn vì: Đạo Pháp là con đường có thể đưa đến giải thoát vĩnh viễn!

4.6. Đem sự học hỏi đến tha nhân:

Người mới vào pháp và thật tâm tu học; đồng thời, tuy bước đầu nhưng biết đem hiểu biết của bản thân truyền lại tha nhân, mặc dù trong tu tập của bản thân còn nhiều thiếu sót. Người hướng dẫn nên chăm sóc lòng vị tha cho người có cơ hội mở rộng; không nên vì chỗ thiếu sót mà không dạy thêm hay không trình Đức Ngài - Đức Thầy ban Bảo Pháp trợ lực hay trợ lực.

Tâm người ta mở vì tha nhân là điểm quý, dù là mở ít! Đừng chờ đến chỗ hoàn toàn theo ý người hướng dẫn, mà nên hiểu mỗi bước chuyển tâm, mỗi bước mở tâm của người, dù nhỏ, thật là phần thưởng đáng khích lệ và cần quan tâm dẫn dắt.

4.7. Các pháp đạo đến với Vô Vi Quy Nguyên:

Các pháp đạo nhiều nơi lần lượt đến Vô Vi Quy Nguyên vào giai đoạn cuối của mật pháp. Không nên quan tâm sự khác pháp, khác tôn giáo. Cứ tự nhiên!

Các vị vẫn tiếp tục học theo các giáo pháp đã thọ nhận! Các vị cần tìm hiểu thêm con đường sống Đạo của VVQN! Các vị cần thời gian thâm nhập đạo pháp, chuyển dần hiểu biết giáo pháp đã tích lũy được thành thực tế thể hiện qua đức hạnh hay thực tế thể nghiệm huyền diệu của đạo pháp qua bản thân, qua tha nhân.

Những cái hay nơi pháp đạo của các vị, những cái hay nơi Vô Vi Quy Nguyên mà các vị thọ nhận được cần đi vào thân tâm bằng thật hạnh, để nhận chân những tinh hoa thường còn của giáo pháp.

Đây là lúc chuyển lớp theo bước tiến tu, các vị cần bước từng bước lên nấc thang tiến hóa cho bản thân, vì pháp đạo mà các vị đang đứng, hoặc vì chúng sanh và phụng sự thiên cơ. Vô Vi Quy Nguyên đón nhận tâm cầu pháp và tâm hành pháp của các vị!

4.8. Đi theo hướng đi của tha nhân:

Có vị không biết tu sửa theo các giáo pháp là gì. Có vị chưa từng có tâm ý hướng hành vi vào việc làm phải, sống phải. Có người thả cuộc sống đi theo dòng đời thỏa mãn những gì thích. Các vị cảm thấy an vui, hạnh phúc với những gì các vị đang có.

Các vị đều có cái lý đúng, cái hiểu đúng và cái sống đúng theo quan niệm của các vị. Người hướng dẫn:

- Không nên bảo các vị phải làm như vậy, như vậy, ...

- Không nên bảo các vị nên tập như mình.
- Không nên đặt các vị vào vị trí của mình mà chính người hướng dẫn phải đứng vào vị trí của các vị, để thấu hiểu tâm ý của các vị, quan sát hướng đi của các vị, rồi từ đó dần dần chỉnh bớt những lầm lạc của các vị theo chiều hướng của người hướng dẫn, dần cái hiểu của người hành giả theo cái hiểu của người hướng dẫn.

Cho nên, hướng dẫn phải tùy duyên, lúc dễ - lúc khó, lúc cần kíp - lúc rảnh rỗi, không cần thiết phải vội vàng mà gặt hái những hậu quả không tốt.

Xã hội có nhiều thành phần, tư tưởng, ... đều là thành phần hay tư tưởng gì đi chăng nữa cũng là con người. Vì vậy, con người nào cũng biết được và ẩn tàng cái lẽ sống phải. Ai cũng có cái lẽ sống phải và ai cũng có thể quy hướng về lẽ phải của họ. Tuy nhiên, dù là “đa dạng sống phải” như thế nào đều có thể quy về “điểm sống phải” căn bản là Bát Chánh Đạo làm nền tảng đạo đức của con người nơi cõi thế này.

5. Vài hướng mở tâm căn bản:

5.1. Mở tâm theo hành trang sẵn có:

5.1.1. Đón nhận bài học:

Trong công phu, tâm ý dễ đi vào an định. Xả công phu, trạng thái an định trong công phu không còn. Gặp sự việc dồn dập đưa đến, thanh tịnh trở thành vọng động, điểm kẹt (điểm vướng mắc) của tâm thức chìm theo công phu nay lại hiện lên.

Từ hình ảnh này cho thấy pháp công phu mà các vị học, giáo pháp sửa mình mà các vị học là hành trang. Dụng hành trang vào đời là trực tiếp đối diện sự việc, đón nhận bài học cho bản thân:

- Tâm ý hiện lên do đối diện sự việc, là cơ hội nhận diện điểm kẹt nơi tâm thức, là cơ hội nhận diện điểm tâm thức còn vướng mắc, là cơ hội nhận chân lòng vị tha - bác ái hiện có.
- Hành vi thể hiện lên qua hành xử sự việc là cơ hội nhận diện tánh hành động mà mình tu sửa lâu nay.
- Mức độ khai mở tâm linh hiện qua tâm ý lành, tánh hành động lành cùng sự trong sáng chính đại của nó ngay trong mọi trạng thái sinh hoạt.
- Từ bài học ban đầu, chúng ta tiếp tục đón nhận bài học mới bằng cách đi vào sự việc, hiện diện cùng sự việc mà vượt qua các khó khăn trở lực, là từng bước mở tâm học hỏi, là từng bước học kinh nghiệm bằng thật hạnh, là từng bước nhận thêm hành trang mới, là từng bước khai mở điểm kẹt - điểm vướng mắc nơi tâm thức.

5.12. Hành là chìa khóa mở tâm!

Mở tâm đón nhận bài học và tiếp tục thanh lọc dần những thắc buộc mà mình vẫn còn mang lấy nơi tâm thức. Còn vướng mắc là còn tu sửa:

- Môi trường sống là duyên lành giúp tu sửa.
- Hành trang là phương tiện trợ lực.
- Mở tâm do mình không do nơi phương tiện, mà hành là chìa khóa.

Đi vào thực hành cho thấy:

- Dụng hành trang sẵn có là “vấn thân vào thử thách” qua khả năng hiện có của mình với sự việc. Từ đó mà mở tâm. Vì sao? Nội dung ẩn chứa (hay tiềm ẩn) trong tích tắc phóng tâm, khi đối diện sự việc, là chìa khóa nhận diện

mức độ mở tâm, nhận diện mức độ thức tâm của mỗi chúng ta.

- Với thức tâm mà nhiều động loạn (vọng khởi), thời đi vào sự việc với tánh hành động u mê. Với thức tâm mà không động (không vọng khởi), thời đi vào sự việc với tánh hành động sáng suốt. Mức độ u mê hay sáng suốt đều nằm trong tầm tay của các vị: Duy có hành hay phát tâm hành dụng mới có thể phát huy năng lực trí huệ - từ bi - dũng khí và định lực.

Cho nên, hành là hạnh, hành là đạo. Hạnh đạo thật hành là hạnh thật của người tu học hiện có được, tự nó hiển thị mức độ khai tâm.

5.2. Mở tâm qua hành dụng:

5.21. Thí dụ 1: Mở rộng Tâm Hiểu với Cửu Huyền Thất Tổ:

Nhiều vị trong lời nguyện độ Cửu Huyền Thất Tổ thường tự giới hạn 5 đời, 7 đời mà không mở rộng ra các đời (nhiều đời nhiều kiếp). Sự giới hạn này thể hiện tâm chưa mở rộng. Không nên nói (hay đổ thừa) là mình chưa hiểu, bởi vì tâm chưa mở nên chưa thấy.

Chúng ta nên học Đại Nguyện Thứ 3 của Đức Tôn Sư: “.....tất cả Cửu Huyền Thất Tổ, cha mẹ nội ngoại hai bên nhiều đời, nhiều kiếp của con”

5.22. Thí dụ 2: Mở rộng Tâm Cho:

- Khi làm xong một việc cho người lại mong cầu sự đáp trả từ người thọ nhận, như một lời khen, một nghĩa cử, một tác phong hay sắc thái tỏ lòng cảm ơn.

- Khi làm một việc giúp người lại nghĩ đến phước báu hay tích lũy âm đức cho mai sau.
- Khi đối đãi tốt với tha nhân lại mong tha nhân đáp trả tương xứng, hay mong tha nhân có “một chút gì đó” nghĩ đến mình, dù chỉ là ý nghĩ thôi.

Những mong cầu sự đáp trả, nghĩ đến phước báu, mong tha nhân đáp trả,... đều là một dạng phản ứng của nội tâm, có nội dung ẩn chứa tâm hạn lượng đi vào sự việc hiện lên bản tánh hạn lượng. Nên học mở tâm ra, như:

- Làm mà không cầu sự đáp trả.
- Làm mà không cầu phước.
- Làm xong rồi thôi, buông hết nơi tâm trí.
- Làm bằng tình thật.
- Làm một cách tự nhiên, không để tâm đến âm đức, cầu phước, đáp trả... thời cõi lòng tự nó rộng mở mà chính mình cũng không hay biết.

Đó là một vài hướng mở rộng tâm cho. Hạnh cho với tâm trí buông xả hết tự nó mở sáng vị tha - tình thương đến với người, mà cũng là một cách trở về vị tha - tình thương với chính mình trong trọn lành vậy.

Đức Ngài dạy: “Gặp cơ hội làm lành thì làm, xong rồi thì thôi. Không còn tưởng nhớ gì đến, như mảnh gương trong, hoa đến thì soi, hoa đi không luyến tiếc. Như thế mới gọi tâm thanh tịnh.” (QNP. 161 - 162).

5.23. Thí dụ 3: Mở Tâm Công Bằng và Từ Bi:

Một nhân sanh tạo nhiều nghiệp lực trong tiền kiếp, nay đến lúc phải trả, các phân lực từ các nơi đến đòi

mạng. Giờ lâm nguy đến trong giây phút, vị này đến Thầy Từ Minh đạt mong sự cứu giúp.

Thầy phân xử công bằng:

Với vị trí người Thầy, Đức Thầy không xử ép phần lực mà bênh vực người gặp nạn. Đức Thầy luôn mở rộng sự công bằng bằng cách đón nhận mọi ý nghĩ hay đòi hỏi của các phần lực và lần lượt giải quyết theo hướng thức tâm tu học cho cả đôi bên. Các phần lực vui vẻ đồng ý. Qua hướng ứng sử của Đức Thầy cho thấy “công bằng” là một chìa khóa đánh động tâm thức phần lực chuyển đổi.

Thầy đem tâm từ bi đáp lại:

Đối với những phần lực nào nhất quyết đòi mạng, tỏ ra hung dữ, xem thường Lệnh ban ra, tự xưng là Phật, Như Lai, Đức Thầy vẫn nhẹ nhàng dùng lời từ ái khuyên bảo. Lời từ ái và tâm từ bi của Đức Thầy đã cảm hóa các phần lực thức tỉnh chuyển tâm quý trước Đấng Thiêng Liêng xin thọ pháp. Qua hạnh ứng sử của Đức Thầy cho thấy “từ bi” là gốc tạo hạnh lành cho phần lực, là chìa khóa thức tỉnh phần lực kính phục mà hướng về pháp đạo.

Bên cạnh công bằng và từ bi, chúng ta nên hiểu thêm: Hiện nay, các cửa ở địa ngục đang mở rộng cho các phần lực lên: Một là lập hạnh, hai là đòi nợ.

Từ hình ảnh của Đức Thầy mở ra cho chúng ta thấy được: Đứng ra phân giải và mở hướng tu cho các phần lực cùng người đang bị các phần lực đòi, Đức Thầy luôn giữ công tâm và tuyệt đối không nhận bất cứ một sự báo đáp nào dù thật nhỏ như nước uống chẳng hạn. Từ điểm này, các phần lực thấy được sự phân minh,

công bằng và liêm chính của một vị Thầy. Về sau này, khi mọi việc được phân giải xong, các phần lực quy tâm kính phục, có phần lực tìm mọi cơ hội phụng sự pháp đạo để lập hạnh.

Đây là bài học về công bằng và từ bi cho các vị pháp hữu và là gương sáng về uy dũng cho các vị hành pháp.

5.3. Mở tâm qua ý niệm:

5.31. Dụng ý niệm tốt, một khởi điểm của hạnh lành.

Trong trường hợp bất chợt gặp người cần sự giúp đỡ:

- Minh khởi ý nghĩ giúp người này một ít phương tiện, thời ý niệm tốt được thể hiện qua việc làm lành.
- Hoặc, mình khởi ý nghĩ không giúp người này, hay làm lơ đi, thời ý niệm lành và hạnh lành không có.

Ý niệm tốt là bước đầu chuyển ý bước vào lập hạnh; một khởi điểm mà đa số thể nhân thường hành. Đó là hạnh lành của người đang trên đường tu tập nhờ duyên tạo, do môi trường hoàn cảnh tạo, do lý trí vận dụng mà nuôi dưỡng tư tưởng tốt, tâm thức tốt. Đây là hạnh lành theo chỗ nhìn bình thường của người đời.

5.32. Dụng ý niệm không ý niệm: Phát tâm dụng hạnh lành!

Cũng trong trường hợp tương tự như trên: Bất chợt gặp người cần sự giúp đỡ, liền đi vào hạnh lành một cách thân nhiên, đem lại sự giúp đỡ cho tha nhân mà không do dự, không đắn đo suy nghĩ, giúp xong rồi thôi. Ngay đây không phải là ý nghĩ (vọng khởi) làm lành, mà là “sự phát tâm” hay phát tâm dụng hạnh lành. Phát

tâm dụng hạnh lành là thể hiện của định lực mở ra hạnh lành linh hoạt đem lại lợi tha mà chúng ta nên học:

- Học làm hạnh lành mà không ôm trụ vào hạnh lành.
- Không ôm trụ vào hạnh lành thời không vướng bận vào phiền não, nên làm mà không biết nhàm chán
- Đây là một phương diện mở ra công đức vô lượng.

Qua hai trường hợp, ý niệm và phát tâm, cho thấy: Chỉ trong tích tắc ý niệm hiện lên đủ điểmlên ra mức độ gọi rửa tư tưởng và tâm thức của chúng ta, chỉ trong tích tắc phát dụng hạnh lành đủ nói lên năng lực dụng hạnh của người trau dồi đức hạnh.

Nói cách khác: Từ chỗ dụng ý niệm tốt (khởi ý nghĩ tốt) trong bước đầu chuyển ý làm lành, đến phát tâm làm lành là bước chuyển hóa “ý niệm khởi” thành “thức tâm mà không ý” hay “phát tâm làm hạnh lành mà tâm không động”. Đây mới thật là hạnh lành bốn nhiên phát động từ tâm vị tha, bác ái, nhân từ của chính mình.

Trong quá trình tu học, Ôn Trên thử thách hay kiểm soát tâm thức chúng ta chỉ cần một tích tắc diễn ra là đủ rồi! Đại đa số chúng ta được thử thách đều rớt, vì phô bày tâm lượng hạn hẹp bởi các vọng khởi. Điểmlên này được Đức Thầy dạy: “Tâm thức là cái thực của người ta.”

5.4. Nhìn chung: Nhập thể khai tâm là phương tiên mở tâm!

Các bậc tiền nhân lưu lại cho hậu thế thứ tự ưu tiên chọn nơi tu hành: (1) tại chùa, (2) tại nhà, (3) tại chợ.

Ngày nay, VVQN Pháp mở đàn Quán Tâm Pháp của Đức Long Hoa Giáo Chủ Di Lạc Tôn Vương Phật cho chúng ta thấy hướng mở tâm là đi vào thế sự. Đi vào nhiều sự việc mở hướng khai tâm hơn là tìm tu nơi thanh vắng. Một hướng đi thích nghi cho nhân sanh ngày nay nghiêng về thực tế nơi đời đã được Đức Ngài dạy:

“Các chú phải lập hạnh bồi đức, như vậy ta phải chấp nhận sự việc ngang trái, chua cay của đời. Mà con người hiền đức ở đây là sự trui rèn, mài giũa cái nhân, cái dưỡng khí của mình, cái trí nhờ đó được bồi dưỡng tốt. Mà chính nơi khốn khó này là thầy giỏi, là bạn tốt để rèn luyện ta giữ được lòng lạnh, nuôi dưỡng tánh thiện. Đó là: Đời Tròn - Đạo Hiện - Pháp Ứng.” (QNP. 370).

6. Thay lời kết luận: Tình thương cao cả!

Đức Ngài khai sáng VVQN Pháp mở đường cứu khổ chúng sanh trong hoàn cảnh hết sức khó khăn.

Qua các buổi sinh hoạt đạo, chúng ta học được tôn ý Đức Thầy Từ Minh Đạt dạy:

- Muốn độ một người phải đi vào hoàn cảnh sống và tâm trạng người mà độ.
- Nếu người chưa thức tỉnh, Đức Thầy vẫn tạo duyên lành cho người có cơ mang thức tỉnh, có thể qua nhiều tháng, nhiều năm, một kiếp hay nhiều kiếp kế tiếp.
- Nếu người chống đối, Đức Thầy nhận lấy và chờ thời điểm thích ứng cứu độ người.

- Nếu người đến rồi đi, Đức Thầy luôn mở rộng cửa chờ đón người trở về: Người lầm lạc vì chưa thấy sự lầm lạc; người chìm vào dòng đời và chưa thấy cái khổ trong sanh tử; người đang vui sống với sanh tử, đang hưởng hạnh phúc trong cái khổ!
- Nên thương người nhiều mới phải! Đức Thầy luôn mở rộng vòng tay chờ đón sự hồi tâm thức tỉnh của các vị!

Nhìn bước đường thử thách mà Đức Thầy đem đến các vị qua mọi phương diện trong sự sống hàng ngày, qua mọi hình thái nơi tâm trí, lắm lúc ngoài sức tượng tượng. Có vị thâm nghĩ sao Đức Thầy khó khăn với mình? Trải qua thời gian tu sửa, mới nhận ra khó khăn là phương tiện giúp mở điểm kẹt, đánh rớt tâm thức bản ngã mà thanh lọc tâm thức trong sạch. Cao cả thay tình thương vô biên Đức Thầy dành cho chúng ta!

Đức Ngài dạy: “Các chú có biết Tình Thương nào bằng: Cha Mẹ đối với con, Thầy đối với trò, Phật Trời đối với chúng sanh vạn vật, không đo không đếm được, như cát sông Hằng, hòa đồng vũ trụ. Tình thương bao la vô tận, mong mỗi các chú trở thành Thiện Tri Thức. Các chú chỉ cần đáp lại bằng sự hiếu thảo, vâng lời và tinh tấn.” (QNP. 326).

DỤNG PHÁP CHUYỂN TÂM.

Ban Biên Tập TCQN viết lại.

“Tu là sửa”. Có sửa mới có Chuyển Tâm trở nên lành mạnh. “Tu để tiêu trừ các nghiệp”. Có tiêu trừ các nghiệp mới có Chuyển Tâm trở nên thanh sạch - trong sáng trở về thiện tâm thiện tánh. Dưới đây chúng ta cùng tìm hiểu một vài phương tiện pháp trợ giúp Chuyển Tâm, gọi là Dụng Pháp Chuyển Tâm:

1. Bước đầu thức tâm hướng thiện trau dồi hạnh lành:

1.1. Bước đầu thức tâm hướng thiện:

Hành động với ý hướng thiện:

Ý thức hướng dẫn năm căn hoạt động. Như ý nghĩ phát sanh lời nói và hành động, ý nghĩ tốt phát ra lời nói tốt, đi vào hành động tốt. Cho nên, ý thức là nhân tố tạo Nhân để thành Quả, như chuyển đổi hành động xấu thành hành động tốt là gieo hạt giống tốt vào tâm. Do đó:

- Hành động với ý hướng thiện là tạo hạt giống thiện cho kết quả thiện (nghiệp quả lành). Hành động với ý hướng ác là tạo hạt giống ác cho kết quả ác (nghiệp quả xấu). Đây là hành động có tác ý thiện - ác, làm nên nghiệp quả thiện - ác tương ứng.

Điểm chính trong bước đầu thức tâm hướng thiện là ý hướng thiện đi vào hành động. Ý hướng thiện là tiềm

lực mở ra hành động thiện, hành động là ngọn mà ý là gốc định hướng, đồng thời hành động cũng là thật hạnh do ý hướng thiện mở ra.

Thức tâm hướng thiện làm chủ định mệnh của mình!
Bước đầu thức tâm hướng thiện là sự thức tỉnh của bản thân nhằm trưởng dưỡng hành động lành (ý lành- lời nói lành - việc làm lành) tăng trưởng hạnh lành, gieo hạt giống lành. Về điểm này, Đức Ngài dạy:

“Suốt cuộc đời thấy điều gì hay thì làm, dù nhỏ mấy cũng làm. Thấy điều gì xấu dù nhỏ mấy cũng không làm. Có như thế mới tiến bộ.” (QNP. 385).

“Như vậy, con người hoàn toàn làm chủ định mệnh của mình bằng cách tạo ra nghiệp lành để tiêu trừ nghiệp dữ.”

1.2. Vài bài học thực tế góp phần thức tâm tu học:

Trong thời gian vừa qua, nhằm xây dựng bước đầu cho người học, Vô Vi Quy Nguyên đã phổ biến:

- Những Mẫu Chuyện Về Đức Ngài.
- Ánh Sáng Mạt Pháp.
- Người Đệ Tử Điển Hình.
- Nổi Vòng Tay Lớn.
- Kim Cang Ký Danh.
- Đại Bi Luận Chứng Pháp,....

Tất cả đều là việc thực tế mà con người thành đạt với phạm thân hiện có. Từ đó, giúp nhiều người nhìn thấy mối quan hệ giữa Đời và Đạo, giữa Hữu Vi và Vô Vi, mà tự tâm khai mở sự hiểu biết, tự tâm khai mở niềm tin và tự chuyển tâm trau dồi hạnh lành.

Đức Thầy Từ Minh Đạt dạy: “Tất cả phải đi từ cái căn bản, nó bắt nguồn từ sự kiểm soát những hành động, ý nghĩ thường ngày theo một lẽ lối căn bản được định sẵn.” “Cái lẽ lối ấy đã từng có từ bao đời nay và nó được phát xuất từ những hành động do chơn tâm mà ra bởi những bậc đã chứng quả chỉ dẫn, ví dụ như giữ theo Bát Chánh Đạo chẳng hạn.”

Nhìn chung: Việc làm của Đức Ngài - Đức Thầy, và sự thật hành giáo pháp của các pháp hữu VVQN đã đem lại kết quả thực tế giúp chúng ta hiểu biết mà thức tâm tu sửa. Sự thức tâm do khả năng ý thức nơi mỗi chúng ta, còn giá trị của thức tâm có hay không là do nơi thực hành bằng thật hạnh của mỗi chúng ta. Cho nên bước đầu thức tâm hướng thiện trau dồi hạnh lành phải được đo bằng sự thức giác và thật hạnh.

2. Dung pháp chuyển tâm: Trừ Bệnh Căn!

2.1. Đức Ngài dạy về Trừ Bệnh Căn:

- “Còn việc Đạo trừ bệnh, phải trừ chỗ bệnh căn, tìmặng chỗ gốc thì cái bệnh chẳng khó trừ, bệnh phần nhiều chỗ tham muốn, giận hờn, ganh ghét, thương yêu, ái dục, mấy chùng ấy mà ra. Lại thêm Tửu - Sắc - Tài - Khí mà cảm vào ngũ tạng hết mấy phần; nên người tu hành trước phải trừ Tửu - Sắc - Tài - Khí, khử trừ ngoại cảm cho sạch, sau tuyệt chỗ Sân - Si - Ái - Dục cho hết nội thương. Hễ tìm được bệnh căn các vật chất đều hết, rồi mới tu trường sanh, tìm chỗ chẳng linh chứng thật là chơn linh chẳng chết, chớ không phải xác thân không chết, nếu không thì tính mạng và xác thân đều chịu trầm luân.”

- “Còn việc lỗi phải còn phải trừ. Như bệnh tại chỗ tư, phải lấy chỗ công tâm mà trừ; hoặc có bệnh tại chỗ ý dục (chỗ muốn), phải lấy Đạo tâm mà trừ chỗ muốn đó; bệnh chỗ tà vọng, phải lấy lòng ngay mà trừ chỗ chẳng ngay; còn bệnh kiêu ngạo, phải lấy chỗ nhún nhường mà trừ. Hễ bệnh khởi chỗ nào thì biện pháp trừ trị, chẳng đặng dung chế. Nếu cần việc công phu cũng vậy.”
- “Như bệnh căn chẳng dứt, do nơi mình tâm ý chẳng chánh vì chưa quyết thoát trần, nên tâm ý hay nường nấu theo hoại. Còn phát ra một niệm, tuy chưa muốn mà ý đã muốn. Ví như bóng trắng trong nước, lấy đá quăng động nước, bóng trắng cũng xao động.”
- “Sự Huynh ân cần nhắc nhở, khuyên dạy, dìu dắt từng bước một, từ đi chập chững đến trưởng thành giúp các vị thông đạt, khơi gợi rung chuyển tâm linh để các vị thức tỉnh, để nghe được tiếng dội thâm sâu của tâm, để giải tỏa cái tiềm lực thiêng liêng đã bị che mờ bởi thành kiến, bởi vô minh để tự sáng tỏ, để nhận thấy và nhận được để trở về với giác linh của mình, tức là quy về Đạo. Như con được trở về với mẹ.”

Nhìn chung: Đức Ngài đã vạch sẵn cho chúng ta pháp trừ bệnh căn và chỉ ra gốc tồn tại bệnh căn: “Như bệnh căn chẳng dứt, do nơi tâm ý chẳng chánh vì chưa quyết thoát trần, nên tâm ý hay nường nấu theo hoại”. Cho nên, dụng pháp chuyển tâm phải chuyển từ nơi tâm. Dù cho có hiểu biết về bệnh căn của mình, hiểu biết về

pháp trừ bệnh căn, nhưng hành động bằng thật hạnh không có thì những hiểu biết này đều không có giá trị thực tế và bệnh căn vẫn còn đó.

2.2. Trừ bệnh căn là trừ gốc bệnh. Gốc bệnh là Tâm!

2.21. Nhận diện hạt giống xấu - hạt giống tốt nơi tâm:

Hạt giống xấu:

Trong tâm của chúng ta có những hạt giống xấu như “tham - sân - ái - kiêu ngạo - ganh tị - so bì - nản lòng...” đều là bệnh căn. Những hạt giống xấu này là các chủng tử xấu tiềm tàng nơi tâm, nếu có cơ hội thì hiện hành qua ý thức (đi vào lời nói hay hành động) mà tạo nghiệp:

Một phóng ý tham hiện hành, một ý niệm tham phóng ra là làm nên ý nghiệp tham. Như vì lòng tham mà không kiềm chế được nên có hành động bất chánh là tạo nên nghiệp tham, mà ý tham là chánh.

Nghiệp tham mới hình thành góp phần gia tăng hạt giống xấu và gia tăng tiềm lực hạt giống xấu nơi tâm.

Hạt giống tốt:

Trong tâm của chúng ta cũng có những hạt giống tốt như từ - bi - hỷ - xả, giác ngộ, giải thoát,... đều là hạt giống tốt góp phần khai mở tâm trí trở về thiện tâm thiện tánh. Những hạt giống tốt này cần được vun bồi qua hạnh lành:

Một phóng ý lành hiện hành, một ý niệm lành phóng ra là mở ra ý nghiệp lành. Như vì chỗ ân nghĩa do mình đã thọ nhận nơi người, nên ngày nay vì ân nhân này gặp hoàn cảnh khó khăn mình hết lòng giúp đỡ mặc dù

mình vẫn có nhiều khó khăn, là hành động mở lòng và làm nên nghiệp lành với ý lành là chánh.

Nghiệp lành mới hình thành góp phần gia tăng hạt giống tốt và gia tăng tiềm lực hạt giống tốt nơi tâm.

Vọng tưởng phân biệt hạt giống tốt - hạt giống xấu:

Nhận diện hạt giống xấu - tốt như trên là do tâm phân biệt theo nhận định bình thường của người đời. Trong bước đầu thức tâm tu sửa chúng ta thường nhìn tốt - xấu qua lăng kính phân biệt này. Nhưng, dùng tâm phân biệt (ý niệm tốt - xấu, phóng ý tốt - xấu) như vậy để mở ra hành động lành là vô tình gia tăng thêm nghiệp lành (vì đều là vọng tưởng phân biệt tốt - xấu) đi trong nhân quả thọ hưởng nên chưa phải là cách tu sửa hoàn hảo. Do đó, nên tinh tấn thêm một bước nữa!

2.22. Đức Thầy Từ Minh Đạt dạy: “Bình thân mà nhìn sự việc!”

Áp dụng lời dạy của Đức Thầy chúng ta học được: “Bình thân mà nhìn sự việc” là nhìn sự việc diễn ra (từ nội tâm - như phóng ý, đến ngoại cảnh - như việc tốt xấu) một cách bình thân mà khách quan thấy biết. Khách quan thấy biết này nhận diện sự việc mà không có sự áp đặt của tâm phân biệt (tức là sự áp đặt của cái tôi bản ngã) lên sự việc. Chẳng hạn như không có khen - chê, không có chủ kiến, không có định kiến áp đặt lên chỗ thấy biết.

Thí dụ về nội tâm: Một phóng ý tham khi gặp vật quý (không phải của mình), liền nhận biết là mình có lòng tham và buông xả ra khi nó vừa chớm hiện. Liền nhận biết đây là “sống một cách có ý thức” nhìn nội tâm tham khởi một cách bình thân (khách quan nhìn) nên

không vương vấn vào lòng tham mà buông xả một cách dễ dàng.

Thí dụ về ngoại cảnh: Gặp người có hoàn cảnh khó khăn liền hết lòng giúp với khả năng sẵn có mà không hề nghĩ đến ân nghĩa đã thọ nhận của người, cũng không cần đáp trả. Như vậy, hành vi giúp đỡ chứa lòng vị tha, tự nó giải trừ phân biệt ân nghĩa hay không ân nghĩa, và có thể mở rộng đến nhiều đối tượng mà không có so bì phân biệt trong đó.

Cho nên, “bình thản mà nhìn sự việc” thời không dùng đến tâm so đo phân biệt, không vận dụng cái tôi chủ quan, mở ra thấy biết khách quan, đồng thời không mắc phải gieo thêm hạt giống nghiệp lực để thọ hưởng theo luân hồi.

2.23. Đi vào lời dạy của Đức Ngài: “Tu là sửa!”

- “Tu là sửa!” còn có nghĩa là chuyển hạt giống xấu, gieo trồng hạt giống tốt:
- Chuyển hạt giống xấu là sửa ngay nơi bệnh căn - như bệnh chỗ nào thì sửa ngay chỗ đó, làm việc thẳng với tâm - như tâm có điểm vướng mắc nào thì sửa thẳng vào điểm vướng mắc đó.
- Gieo trồng hạt giống tốt là trau dồi hạnh lành, trưởng dưỡng chủng tử tốt cho tâm.

Việc tu sửa hay trau dồi hạnh lành phải lấy tâm làm chánh, như sửa ở tâm - tu dưỡng ở tâm - hành động chân thiện mỹ ở tâm là gốc. Việc tu sửa hay trau dồi hạnh lành phải đi song song với “công phu là phương tiện đi vào thanh tịnh”, thời hành động tu sửa - trau dồi hạnh lành giải thoát khỏi tác ý tạo nghiệp, là một

phương diện Dụng Pháp Chuyển Hóa Tâm bằng thật hạnh.

2.3. Áp dụng vào thực hành trong sinh hoạt thường ngày cho thấy:

Vừa bình thân mà nhìn, thấy biết bệnh căn phát sanh mỗi khi có dịp để tu sửa chỗ bệnh căn nhưng không dụng tâm so đo phân biệt; vừa thức tâm hướng thiện bằng thật hạnh một cách bình thân (không có cái tôi bản ngã áp đặt vào). Dần dần, chúng ta thấy được tiềm lực hạt giống xấu tiêu mòn cho đến không còn nữa, song song là vun bồi thiện hạnh dự phần trường dưỡng vị tha - từ bi hướng đến lợi ích và an vui cho nhân sanh cùng thức tâm tu học.

Nói cách khác: Từ bệnh căn mở ra cho chúng ta thấy một phương diện trừ tận gốc bệnh: Vừa chuyển hóa tâm, vừa mở tâm, vừa gieo hạt giống vô lậu (không vướng mắc vào luân hồi thọ hưởng).

3. Dụng Pháp trừ bệnh căn: Đạo Hạnh nơi tâm mở ra!

3.1. Trừ bệnh căn mở ra Tự Giác!

Từ thức tâm hướng thiện trau dồi hạnh lành và trừ bệnh căn mở ra cho chúng ta thấy 2 điểm:

Thứ 1 là tích cực hành hạnh lành: Không hợp tác với bệnh căn bằng con đường hướng thiện, hướng thượng, hướng đạo. Nói cách khác là làm hạnh lành - vun bồi hạnh lành, góp phần trau dồi phẩm hạnh. Đây là một cách “tích cực hành hạnh lành”, đồng thời là “tiêu cực” trừ bệnh căn vì bệnh căn không có cơ hội hiện hành.

Thứ 2 là tích cực trừ bệnh căn: Nhìn thẳng vào bệnh căn mà tu sửa. Gốc bệnh là ở tâm, nên phải sửa thẳng nơi tâm bệnh. Nói cách khác là: “Sửa lại tâm mình cho lành. Sửa lại tánh mình cho thanh”. Đây là một cách tích cực giải trừ bệnh căn.

Hạnh lành - trau dồi phẩm hạnh thể hiện qua thân khẩu ý được hướng dẫn bởi ý thức. Ý thức tuy bị ảnh hưởng của giác quan nhưng thật ra nội dung của ý thức do tiềm lực chủng tử (hạt giống) nơi tâm tác động. Hạt giống nơi tâm lành thì tư tưởng - lời nói - hành động lành. Như vậy, muốn làm cho đạo pháp nơi tâm mở ra phải chuyển hóa bệnh căn nơi tâm, tức là chuyển hóa hạt giống xấu - chuyển hóa hạt giống ma chướng.

Nếu như bệnh căn được nuôi dưỡng, được tiếp tục đáp ứng thỏa mãn thì tiềm lực tác động của bệnh căn lên hành vi của thân khẩu ý càng gia tăng, tức là tiềm lực cái tôi chấp ngã càng mạnh. Bằng như không thuận theo các bệnh căn, không hành động theo chiều hướng của bệnh căn thì các bệnh căn không có chỗ nương, nổi lên rồi mất; đồng thời tiềm lực cái tôi chấp ngã không có cơ hội phát triển. Từ đó, chúng ta thấy được phàm ngã mà lâu nay mình phụng sự cho nó như chàng kịch sĩ trên sân khấu mà thôi.

Nói cách khác: Các bệnh căn không còn là một cách cứu tâm. Tâm ý và ý thức của người tu học lúc nào cũng trui rèn trong sáng - chính đại, các bệnh căn không còn, thì đạo hạnh càng thanh cao. Tâm hạnh thanh thân nhẹ nhàng là hành Tâm Từ mở ra Tự Giác với chính mình!

3.2. Dụng Tâm Hòa Đồng đi vào Giác Tha!

Nhận thức phàm ngã như chàng kịch sĩ biểu diễn tài ba trên sân khấu làm nên cuộc đời mà bước vào mở trí tuệ giác. Trui rèn tâm ý và ý thức trong sáng - chính đại thì những gút mắc nơi tâm lần lượt tan hóa, lòng vị tha mở ra đến với nhân sanh thì tâm hòa đồng phát triển và mong nhân sanh thức giác quay về Đạo Pháp. Trên bước đường hành pháp vì nhân sanh, Đức Thầy Từ Minh Đạt dạy:

- “Người đời bình thường chưa chắc họ hiểu được họ, chưa chắc biết rõ về gia đình, người thân của họ ở chung quanh thì làm cách nào họ có thể hiểu được rằng, ở tuốt ở đâu đâu có ông Tiên, ông Thánh, ông Phật hay ông Trời hay sự chuyển vận của Thượng Đế.”
- “Vì vậy, muốn người ta thật sự tin ở Thiêng Liêng, tin ở Thượng đế, điều trước hết người ta phải tin ở các vị. Khoan! Không cần dạy đạo, không cần giảng Đạo gì cả. Vì giảng hay dạy cũng không ai hiểu đâu, mà điều trước tiên các vị cần làm là phải trau dồi cho chính bản thân mình. Có đầy đủ cái Bi, cái Trí, cái Dũng. Ở việc đời, trong cuộc sống hằng ngày, phải làm cho người tâm phục, khẩu phục.”
- “Lúc đó, các vị thiện, người ta cũng thiện, vì người ta theo các vị. Các vị cầu nguyện, người ta cũng cầu nguyện, vì người ta bắt chước theo các vị. Các vị lễ Phật, người ta cũng lễ Phật, vì người ta tin các vị. Các vị tu thì người ta cũng tu theo các vị. Từ hành động tin phục và làm theo như thế sẽ từ từ nhập tâm và con người trở về với vòng tay của Đấng Cha Lành cao cả lúc nào cũng không hay không biết.”

Mở rộng tâm hòa đồng đến với nhân sanh tạo môi trường cho nhân sanh hướng về Đạo Pháp, tự hiểu, tự tin và tự chuyển tâm tu học với niềm tin an vui nơi tâm hướng thượng là mở tâm hòa đồng đi vào Giác Tha. Đó là hành Tâm Từ mở ra Giác Tha.

4. Thay lời kết luận: Đạo hạnh nơi tâm mở ra qua hành dụng!

4.1. Nhìn chung:

Chuyển tâm là chuyển hạt giống xấu bằng cách trừ bệnh căn thẳng nơi tâm. Chuyển hạt giống xấu thì tiềm lực xấu nơi tâm tác động lên mọi hành vi của thân khẩu ý không còn; đồng thời là nhân tố chuyển dòng tâm thức lưu hành, cái tôi chấp ngã cũng chuyển theo. Hạt giống xấu tiêu trừ, trường dưỡng hạt giống lành khai mở vị tha - từ bi là nhân tố làm cho Đạo Hạnh nơi tâm mở ra.

4.2. Đi vào thực hành trong tu tập:

Trong bước đầu tu tập tất nhiên chúng ta khó tránh khỏi khởi niệm phân biệt tốt - xấu, thiện - ác đem vào sửa mình. Như vậy là còn dùng đến phẩm ngã (hay vọng tưởng) là còn tồn tại khuynh hướng vị ngã hiện hành trong phẩm hạnh, nên chưa phải là đạo hạnh của bậc thức giác.

Chúng ta cần tinh tấn trong công phu thanh lọc tạp niệm để tinh anh cái ý của mình minh xét sự việc, thời có đủ năng lực hành động biến quyền mà không vương vào nhân quả nghiệp lực như thế nhân, nên còn gọi là đạo hạnh của bậc thức giác học đạo và hành đạo.

4.3. Tóm lại:

Dụng Pháp Chuyển Tâm là dụng phương tiện pháp chuyển hóa bệnh căn, tức chuyển hóa chủng tử xấu nơi tâm, đồng thời gieo chủng tử lành bằng thật hạnh.

Nơi thường nhân, tình cảm thường hướng dẫn lý trí thỏa mãn cho tiềm lực chấp ngã. Nơi các vị thức tâm tu học, lý trí hướng dẫn tình cảm, đi dần đến chuyển hóa tình cảm thường tình thành vị tha - từ bi và mở tâm hòa đồng cùng thức giác nhân sanh tu học. Thức tâm khai mở tâm trí đi vào tự giác và giác tha là con đường các bậc Đại Từ đã đi và mở cho nhân sanh cùng đi.

DIỆU PHÁP

Ban Biên Tập TCQN viết lại.

Diệu Pháp chỉ thẳng tâm! Trình bày từ lý Giác Ngộ - Vô Niệm - Vô Sanh đến Diệu Pháp Chân Tình đi vào đời sống thực tế mà Đức Ngài đã vạch sẵn tiềm ẩn qua tiến trình tu tập mở ra Tối Thượng Vô Thừa.

1. Giác Ngộ!

Đức Ngài dạy: “Chỉ sợ giác chậm mà không sợ vọng khởi.”

1.1. Vọng khởi:

Nhận diện vọng khởi:

Người trúng số độc đắc lòng vui mừng, dự định nhiều việc nên ý nghĩ liên tiếp hiện. Đây là vọng khởi vì tâm ý động. Cho nên, sự vui mừng đến, nhận biết vui mừng đến và không thả tâm ý chạy theo, thời vui mừng tự mất vì không có chỗ dựa để tiếp tục. Như vậy, vui mừng đến và mất là hình ảnh tạm thời, không có gì là chân thật.

Hàng ngày, hiện diện cùng ngoại cảnh, vọng khởi, cứ tự nhiên thời nhận thức vọng khởi mà xưa nay mình phục vụ cho nó vốn không phải thật của mình.

Đức Ngài dạy:

“Các chú đừng sợ vọng động đến với các chú. Các chú cố xua đuổi nó, nó vẫn đến càng lúc càng nhiều hơn. Các chú đừng phí sức vô ích. Cứ để tự nhiên và đừng

nghĩ đến nó. Ta chỉ cần nhận ra vọng tưởng, không chấp trước, không tùy thuộc, cũng không cần xua đuổi, chỉ không tiếp tục thì vọng tưởng tự lìa.”

1.2. Giác Ngộ:

Vọng khởi đến, cứ tự nhiên! Tự nhiên là không đáp ứng cũng không xua đuổi, thời không bị ảnh hưởng - không bị đồng hóa theo. Như vậy là tâm ý an định.

Đồng thời, ngay nơi không bị ảnh hưởng bởi vọng khởi là năng lực thấy biết không do vọng khởi, gọi là năng lực thấy biết của trí giác. Mỗi chúng ta đều có năng lực thấy biết của trí giác, nhưng vì thường ngày sống với vọng nên chưa thấy biết đó thôi.

Qua đây cho thấy: Chạy theo vọng khởi là mê, không chạy theo vọng khởi là giác. Nhưng, mê và giác do phân biệt mà có (do vọng khởi phân biệt mê và giác). Tự nhiên thời mê cũng không mà giác cũng không, ngay lúc đó gọi là Thấy Tâm - Chứng Tánh. Vì sao?

“Tâm hiểu theo nghĩa đơn giản là tự nhiên. Khi nói thấy được Tâm của mình cũng như thấy được cái tự nhiên của mình, cái nguyên thủy của mình lúc không từng bị bụi trần hoen ố”. Cho nên, vọng khởi không, tâm an định là trở về tự nhiên.

Tánh là do hành động. Chứng Tánh là tự nhiên với vọng khởi, nếu có; tự nhiên trong mọi sinh hoạt động tịnh diễn biến đổi thay nơi thế sự. Trên thực tế, trong mọi sự việc, trong mọi hoàn cảnh sống, dù thuận hay nghịch, mà tâm luôn tự nhiên được gọi là chứng Tánh.

Tu học mà chưa chứng Tánh (hay thấy Tánh) thời mọi hành vi của thân - khẩu - ý vẫn còn bị chi phối bởi các vọng, nên việc tu tập vẫn tiếp tục đi trong tạo nghiệp và thọ hưởng theo luân hồi. Chứng Tánh, thoát khỏi ảnh hưởng của các vọng, mới thật sự là bước vào “trau dồi đức hạnh” dự phần hoàn thiện Tâm Tánh trong sáng.

1.3. Điều Pháp:

Vọng khởi! Diệt liền vọng khởi khi vừa nhen nhúm trong tâm, không phải là cách hoàn hảo. Vì khi diệt liền vọng khởi đó, nội tâm sẽ phát sanh vọng khởi khác. Cho nên, diệt vọng khởi là một cách tạo thêm các vọng tiếp tục phát triển không ngừng.

Học tôn ý lời dạy của Đức Ngài:

- “Mỗi khi vọng niệm nổi lên, các chú Vận Chuyển Thông Quang, các vọng niệm tiêu trừ.”
- “Pháp môn Vận Chuyển Thông Quang đưa vọng tưởng lìa xa. Khi đã thuần, pháp môn này trở thành Thông Quang Thường Chuyển, là pháp môn nhập định các chú đang học, để thanh lọc các thứ ô nhiễm nơi Tâm, để thấy rõ nơi Tánh.”
- “Thanh tịnh quá ít mà phiền não vô minh ngổn ngang trăm mối, làm sao thấy được Tánh?”

Áp dụng lời dạy của Đức Ngài vào bản thân:

Điểm cần là: Tinh tấn trong công phu Vận Chuyển Thông Quang đi dần đến Thông Quang Thường Chuyển tinh lọc tâm thanh sạch. Song song, tự bản thân nhận biết vọng khởi, nhận biết liền không thả tâm ý tiếp tục theo, thời không bị ảnh hưởng vì vọng khởi là tự giải thoát ngay nơi vọng khởi.

Nói cách khác: Tinh tấn trong công phu thanh lọc nội tâm và tự ý thức về vọng khởi mỗi khi chúng phát sanh, vọng khởi tự lìa và thói quen của tâm ý chạy theo vọng khởi cũng tan rã. Như vậy là tự thắng vọng và lìa bỏ được mọi ràng buộc do nội tâm khởi phát. Đây là một phương diện giải thoát với chính mình vì không còn vướng mắc vào vọng, thấy biết thẳng nơi mình từng phút từng giây, nên còn gọi là ngộ nhập trí giác.

2. Vô Niệm!

2.1. Vọng Niệm, Vô Niệm:

Vọng Niệm:

Nhìn quyển sách, thấy biết quyển sách rồi khởi ý khen đẹp và lòng ham thích. Khởi ý khen đẹp hay khởi lòng ham thích là ảnh hưởng của giác quan làm nên tạp niệm, còn gọi là Vọng Niệm hay Vọng Khởi.

Trở về Vô Niệm:

Nhìn quyển sách, thấy biết quyển sách liền khởi ý khen đẹp và lòng ham thích, tất cả đều là vọng. Nhận biết vọng liền không theo. Tức là, bản thân không để cho các vọng chuyển hóa theo khen hay chê, ham thích hay không ham thích. Đây là quy hướng nội tâm trở về bất nhiễm, trở về vô niệm, trở về an tịnh.

Vô Niệm:

Nhìn quyển sách, thấy biết quyển sách một cách thanh thản. Như vậy, những “khen đẹp hay ham thích” tan rã. Các vọng không chi phối là thể hiện của tâm ý bất nhiễm - không động. Tức là, tự tâm không vướng vào các vọng khởi, tự tâm bất nhiễm, tự tâm an tịnh - không động, tạm gọi là vô niệm.

Nhìn quyền sách, thấy biết quyền sách một cách thanh thản, tâm ý thoi thớt với mọi hình dáng - hình ảnh - màu sắc của quyền sách. Thấy biết này không bị ảnh hưởng bởi giác quan chi phối, không bị ràng buộc bởi khen chê - ham thích. Đây là năng lực thấy biết sáng suốt từ tâm ý an tịnh - không động.

Nói cách khác: Thấy biết sáng suốt diễn biến từ ngoại cảnh đến nội tâm một cách tự nhiên như chiếc gương phản chiếu ảnh ảo khi có vật đặt trước nó, như mặt nước của hồ phản chiếu ảnh ảo của cảnh vật trên không. Sự thấy biết không qua so đo phân biệt (như tốt - xấu), nhận định, suy luận, đánh giá, kết luận, là chỉ cho thấy biết từ tâm an tịnh - không động.

Nhìn chung:

Vô Niệm chỉ cho tâm không động - an tịnh. Nơi đây, tư tưởng, lời nói hay hành động (nếu có) đều là dụng hạnh từ tâm không động, còn gọi là an trú trong Chánh Niệm, mà chúng ta nên học để trở về chỗ tự nhiên của các căn vốn thanh tịnh, sống với tinh thần không ảnh hưởng giác quan.

2.2. Hạnh Vô Niệm:

Dụng hạnh từ tâm ý động:

Gặp sự việc, thấy biết sự việc với tâm ý động là có niệm khởi. Niệm khởi này là vọng niệm khởi (hay vọng niệm) vì tâm ý động, là có phân biệt tốt xấu (thiện ác) ngay nơi niệm khởi đó, như khen chê hay lấy bỏ quyền sách chẳng hạn:

- Niệm khởi này do tâm ý thọ nhận sự việc. Bởi vì, có thọ nhận sự việc mới có vướng mắc vào sự việc nên niệm khởi phát sanh.

- Niệm khởi này do tâm ý trụ chấp vào sự việc. Bởi vì, có trụ chấp vào sự việc mới vương mắc vào sự việc mà khởi niệm vì sự việc.

Tâm ý thọ nhận sự việc, trụ chấp vào sự việc thời niệm khởi phân biệt phát sanh (như khen chê quyền sách, chẳng hạn), có niệm khởi phân biệt liền có thất tình lục dục (như ham thích quyền sách chẳng hạn). Đây không phải là chỗ học của chúng ta.

Dụng hạnh với tâm ý thanh thản: Vô niệm - Không trụ chấp!

Gặp sự việc với tâm ý thanh thản thời không có chỗ thọ nhận sự việc nơi tâm, nên không bị giao động. Tâm ý thanh thản không bị ảnh hưởng bởi “những niệm khởi phân biệt hay thất tình lục dục”, nếu có. Cho nên, vô niệm nơi tâm thời nhận chân “những phân biệt hay thất tình lục dục” đều như nhau vì cùng một tâm phát sanh (như khen - chê - lấy - bỏ - tham - sân - ái đều như nhau).

Gặp sự việc, thấy biết với tâm ý thanh thản thời tư tưởng - lời nói - hành động không bị ảnh hưởng bởi giác quan, nên không có trụ chấp vào sự việc. Cho nên, dụng hạnh không trụ chấp nơi sự việc thời nhận chân các sự việc tuy có nhiều sai khác nhưng bình đẳng như nhau (như danh - lợi - tình đều như nhau).

Vô niệm nơi tâm và không trụ chấp nơi sự việc, thời tư tưởng - lời nói - hành động đi vào sự việc là hạnh bất nhiễm (hay tịnh hạnh), nếu có trụ vào sự việc chẳng là cái trụ tạm thời xong việc rồi thôi. Đây là chỗ chúng ta nên học.

Nhìn chung:

Tâm ý thanh thân thời dụng hạnh vào sự việc có thể đa dạng nhưng đều xuất phát từ tâm ý thanh thân. Đây là dụng hạnh tùy duyên ứng dụng vào sự việc, không có thành kiến, không có chủ kiến, không có dự kiến, mà cũng không trụ chấp vào mọi dụng hạnh.

Nói cách khác: Gặp sự việc, nhìn sự việc thấy biết sự việc mà tâm ý không động, thời thể nhập vô niệm mở ra không phân biệt tự tâm. Nơi đây, mọi hành dụng đều xuất phát từ vô niệm, không phân biệt, có năng lực quyền biến thích ứng tùy việc - tùy duyên, nên mọi dụng hạnh đều là hạnh giải thoát.

2.3. Diệu Pháp:

Học tôn ý lời dạy của Đức Ngài:

Đức Ngài đã truyền ban chúng ta pháp môn Vận Chuyển Thông Quang. Vận Chuyển Thông Quang, các vọng niệm tiêu trừ. Các lục mạch lần lượt khai mở, rồi tự nhiên Thông Quang Thường Chuyển và đi đến Vô Niệm. Cho nên, chỗ học của chúng ta không nhất thiết phải tìm nơi thanh vắng mà điểm chính là học vô niệm, trở về vô niệm, an trú trong vô niệm và sống trong vô niệm ngay nơi thế sự.

Cho nên, bất cứ lúc nào cũng giữ vững tình trạng công phu vì: “Công phu là phương tiện đi vào thanh tịnh”, và “Thiền Định là phương pháp giải thoát con người xa áp lực của luân hồi sanh tử, tức sống với tinh thần không ảnh hưởng giác quan, trở về với bản tánh thiên nhiên, tức tánh Trời.”

Áp dụng lời dạy của Đức Ngài vào bản thân:

Tinh tấn trong công phu, các vọng niệm tiêu trừ, thời không vướng bận vì niệm khởi, là giải thoát ngay nơi tâm.

Thật hành tinh tấn trong trau dồi đức hạnh, chúng ta không dừng lại nơi vô niệm để thọ hưởng giải thoát, mà là hành hạnh lành (hay hành hạnh nguyện độ sanh). Có hành dụng mới có dịp nhận diện các vi tế chấp phát sanh từ tâm hành dụng - từ tánh hành động mà lia bỏ, mới có dịp thật học vô niệm nơi tâm và không trụ chấp vào dụng hạnh (hay hạnh lành), mà đi vào thật hạnh bình đẳng - không phân biệt.

Nhìn chung: Chúng ta sống trong tục lụy, hiện diện cùng tham - sân - si - ái, hiện diện cùng danh - lợi - tiền - tình. Đồng thời, chúng ta học đạo từ nơi đời, đem đạo vào đời là dụng Giới - Luật - Hạnh ứng dụng vào thế sự. Nơi đây:

- Vô niệm thời không vướng vào tham - sân - si - ái, không trụ chấp thời không vướng vào danh - lợi - tiền - tình. Như vậy, tham - sân - si - ái hay danh - lợi - tiền - tình đều là phương tiện pháp giúp bản thân học giải thoát ngay nơi tục lụy - ngay nơi thế sự.
- Vô niệm, không trụ chấp thời không tham hành những Giới - Luật - Hạnh, cũng không đắm mình trong giải thoát.

Như vậy, chỗ học của chúng ta là hiện diện cùng thế tục mà không tham đắm thế tục, học giác ngộ giải thoát mà không tham đắm giác ngộ giải thoát; bởi vì mọi sự tham đắm đều là hoạt động của tư tưởng - của

tâm thức mà bản thân bị dính mắc vào đó. Đồng thời, tùy duyên - tùy việc, khi cần, mà dụng hạnh tham sân si ái, dụng hạnh danh lợi tiền tình, dụng hạnh Giới Luật Hạnh đem lại lợi ích cho tha nhân, giúp tha nhân thức giác tu hành. Đây là học bằng thật hạnh vô niệm cùng Đời Đạo Song Hành nơi mỗi chúng ta.

3. Vô Sanh:

3.1. Thí dụ 1: “Bất chợt có người dùng lời thô bạo với mình.”

Tâm bị động vì lời nói thô bạo:

Tâm bị động vì lời thô bạo thì cơn giận hiện lên. Sau đó, cơn giận có thể mất đi do được dàn xếp ổn thỏa, thậm chí hòa vui thông hiểu nhau. Đây là sự hiện lên và mất đi do tâm bị động (bị chuyển hay bị đồng hóa).

Tâm sanh diệt theo cơn giận:

Nếu thức tỉnh, vừa nhận biết cơn giận hiện lên liền thôi, cơn giận không chỗ nương để tiếp tục nên tự mất. Vậy cơn giận là hiện tượng nhất thời, do tâm sanh rồi cũng do tâm diệt, gọi là vọng tâm sanh diệt.

Tâm an tịnh: Vô sanh!

Với tâm an tịnh, thì không có chỗ thọ nhận lời nói, cũng không trụ chấp vào lời nói, nên lời thô bạo hay lời từ ái đều như nhau, làm gì có cơn giận hiện lên hay mất đi. Định tâm nhận chân chỗ này: “Cơn giận vốn không có”, sở dĩ có là do tâm bị động khởi sanh mà bản thân dính mắc vào - bị trôi lăn theo. “Cơn giận vốn không có” nên không có hết cơn giận. Nói cách khác:

- Không có chỗ hiện lên cơn giận: Không có chỗ có, nên còn gọi là không sanh (bất sanh).
- Không có chỗ mất đi cơn giận: Không có chỗ không, nên còn gọi là không diệt (bất diệt).

Như vậy, cơn giận hiện lên (hay sanh) và cơn giận mất đi (hay diệt) là cái sanh, cái diệt do tâm bị động. Tâm an tĩnh, không động, thời không vướng mắc vào “giận hay không giận” nên nhận chân cơn giận vốn không sanh cũng không diệt, còn gọi là vô sanh.

3.2. Thí dụ 2: Sóng và Nước tam hiểu như sau:

Nhìn vào mặt nước nơi sông - nơi hồ: Khi có gió (hay quăng viên đá vào nước), nước nổi lên làm thành sóng. Khi hết gió, sóng lặng yên trở thành nước. Tất cả đều cùng một thể nước. Cho nên, nước và sóng tuy 2 mà 1, tuy 1 mà 2. Vì sao?

Sóng từ nước mà có, sóng là tướng của nước, hậu quả từ nước động. Như vậy, sóng tượng trưng cho vọng khởi phát sanh, là hiện tượng do tâm động mà có. Vọng khởi là cái tướng của tâm động, là phương tiện hiện bày của tâm động khi tiếp xúc với cảnh vật.

Sóng trở về nước - sóng lặng trả lại cho nước, là do nước yên lặng. Như vậy, nước yên lặng tượng trưng cho vọng khởi lắng động (không phát sanh).

Như vậy, sóng có hay không là giả tạm, do nước động hay yên lặng, nên không thật có mà cũng không thật không. Tất cả do tâm động mà “có, không”: Do nhận xét của phạm trí - của phạm tánh mới có “có sóng, không sóng”. Những “có, không” này là nhận biết của vọng thức (hay vọng tâm). Do vọng thức phóng hiện lên sự việc (hay hiện tượng) mà thấy biết “có, không”.

Chỗ học của chúng ta là vượt lên nhận thức “có, không” này. Tức, lia bỏ hiện tượng “có sóng, không sóng”. Nói cách khác, tâm ý tự nhiên thì không vướng

mắc vào “có sóng, không sóng”, tạm gọi là hiện diện trong thực tại - sống trong thực tại với tâm ý an tịnh (vô sanh).

Từ hai thí dụ trên, chúng ta cùng tịnh nghiệm lời Đức Ngài dạy:

- “Lý thể Chân Như là nguồn gốc của giả có, vì nó sanh ra vạn pháp thì cái Lý Thể của Chơn Như thực không phải là không. Tuy không tịch diệt mà cũng như là có. Có với không tuy không khác gì nhau, mới thấy cái chỗ không chấp “có”, mà cũng không chấp “không”. Vì nhận xét của phàm tánh mới có “có, không”.
- “Nếu ta vượt lên trên các nhận thức ấy, tức là mới lìa bỏ được các hiện tượng, mà còn nhận thức được cái thực tại, đó là nhờ cái Trục Giác.”

3.3. Điều Pháp!

Thí dụ: Tuổi thơ với cuộc sống hồn nhiên!

Tuổi thơ với cuộc sống hồn nhiên - vô tư. Đến tuổi trưởng thành lẫn lộn vào cuộc đời với danh lợi rồi lòng tham phát sanh. Càng vấn thân vào danh lợi lòng tham càng tăng trưởng. Nhận thức được lòng tham trụ chấp vào danh lợi nên thường cảnh tỉnh mà từ bỏ dần. Tuy nhiên, đây chưa phải là cách tu sửa hoàn hảo. Vì sao?

Tuổi thơ với cuộc sống hồn nhiên - vô tư, lòng tham tự nó không có. Thức giác nhận ra ngay từ tuổi thơ không có tham, thì không phải bận tâm từ bỏ tham, mà trở về cuộc sống hồn nhiên - vô tư, ung dung tự tại.

Trở về nguồn cội con người là Điểm Linh Quang của Thượng Đế, chỉ vì đi vào cõi hồng trần đầy trọng trược

và tấm mình trong vô minh, trong đó có tấm mình trong tham danh lợi. Ngày nay, thức giấc trở về vô niệm, sống trong bất nhiễm - không sanh không diệt, thì “tham hay không tham” không còn đặt ra nữa.

Từ đây cho thấy: Tham vốn vô sanh!

Từ chỗ tham danh lợi nay từ bỏ tham danh lợi để trở thành người không tham: Ngay nơi đây, một ý nghĩ không tham là vô tình mở đường phân ra người tham - người không tham và sự thành tựu không tham. Một tâm ý không tham hiện là một tạp niệm khởi.

Danh lợi chuyển bản thân thành người tham, bản thân chạy theo danh lợi sa ngã vào tham dục mà quên đi sự sống bất nhiễm (không hề “có tham” hay “không có tham”). Bản thân thức tỉnh trở về tâm ý bất nhiễm thì “tham hay không tham” tự nó tan rã, nhận ra “tham hay không tham” vốn không sanh không diệt, còn gọi là vô sanh, nên bản thân không vướng vào mê lầm và tham dục cũng không còn đặt ra nữa.

Chúng ta cùng nghiệm tôn ý lời dạy của Đức Ngài:

- “Đừng phá và chấp vào sắc tướng người khác, chấp phá nơi mình, tìm thanh tịnh mới đúng”.
- “Duy chỉ có nhất tâm, tâm tịch mà tu, chơn vọng đều lìa cả, tức là Tự Giác Thánh Trí”.
- “Nhất tâm, không hình không tướng cứ như như tự tại, tịch nhiên mà chiếu, không sanh không diệt”.

4. Chân Tình!

4.1. Toàn cảnh bức tranh “Chân Tình - Bước đầu xa rời phân biệt”:

*Khai Tâm Niễn Phaùp taăp 4
trang 56*

“Làm thế nào tâm mình thực sự không có sự phân biệt một cách tự nhiên. Phá chấp nhưng không vướng vào vòng chấp phá. Tôi đã thấy được qua hình ảnh của một người ăn xin, một hình ảnh thật bình thường và quen thuộc mà từ Việt Nam đến Hoa Kỳ nơi đâu cũng có”.

“Cách đây hơn 2 năm, tôi còn nhớ mãi hình ảnh của một ông già người Á Đông đang tần ngần, lê từng bước xin ăn giữa đường phố sang trọng của thành phố Santa Monica. Ông bỗng lúng túng và cố bước những bước thật nhanh khi thấy bóng của một vài cảnh sát viên, chuyên làm nhiệm vụ đuổi những người vô gia cư xuất hiện tại những khu phố sang trọng. Gần đó, một anh Mỹ đen đồng cảnh đến nắm tay ông lão chạy thẳng.”

“Xa xa bóng một già, một trẻ, một đen, một vàng đang nắm tay nhau mà chạy. Người thanh niên đã không ngại dẫn theo một ông già lui cui và ông già này cũng không ngại cái màu da đen. Cái hình ảnh ấy chỉ xảy ra trong vài phút ngắn ngủi nhưng đã diễn tả thật đầy đủ cái tình không nhà đối với nhau. Tôi đứng lặng nhìn cái hình ảnh thật dễ thương ấy chìm dần” (Lời Đức Thầy Từ Minh Đạt).

4.2. Diệu Pháp Chân Tình!

“Từ đó, mỗi lần hướng dẫn cho các pháp hữu mới, tập xa rời cái chấp, bản ngã,... Tôi không chỉ dẫn suông là phá chấp, hoặc đừng phân biệt này nọ mà thường khuyên các vị nên dùng cái chân tình và áp đặt chân tình vào sự việc. Chỉ có cái tình thật, con người ta mới không còn những sự phân biệt. Chấp, phá tự nhiên mất. Không cần phải chấp và phá chấp.”

“Ngoài ra, với chân tình, tâm Từ Bi mới mở rộng, tâm mở rộng thì trí phát sanh và do tình thiết mà hành động nên không còn những sự vị nể, sợ sệt nên cái Dũng cũng liền theo đó.”

“Hãy xem nhau như người trong nhà, lấy tình thiết mà đối đãi với nhau, thì cái chấp ngã, chấp pháp và sự phân biệt thường tình cũng tự tan biến.” (Lời Đức Thầy Từ Minh Đạt).

4.3. Điều pháp lặng nhìn!

“Lặng nhìn hình ảnh thật dễ thương ấy chìm dần....”. Lặng nhìn một cách khách quan, không thọ nhận cũng không trụ chấp mà nhận chân bức tranh chân tình và trực nhận mọi diễn biến cùng bình đẳng như nhau: Những già trẻ, vàng đen, sang hèn, những diễn biến từ nội tâm và ngoại cảnh. Lặng nhìn tự nhiên mà rõ thông diễn biến hoạt động của toàn cảnh, thường thức trọn hình ảnh dễ thương về tình người chân thật hiện diện trong toàn cảnh.

Qua đây cho thấy: “Chân Tình - Bước đầu xa rời phân biệt” hiện bày chỗ trực giác nhìn thực tại toàn cảnh từ thân chứng lý vô ngã - thể ngộ pháp vô sanh với chân tình hòa đồng thông suốt diệu lý bình đẳng.

5. Thay lời kết luận: Thâm thâm điều pháp!

- “Khi nào tai ta vẫn nghe, mắt ta vẫn thấy, nhưng tâm ta vẫn dừng đọng không vương víu bận bịu vào cái thấy cái nghe ấy. Ta vẫn làm việc thật nhiều, nhưng vẫn không thấy mình làm cái gì cả. Đây mới đúng là Pháp Tối Thượng Vô Thừa.”

- Tai ta vẫn nghe, mắt ta vẫn thấy: Thể hiện thấy - nghe - hay - biết sáng suốt của mỗi chúng ta, còn gọi là đặc tính chiếu soi, chính là Chân Ngã.
- Tâm ta vẫn dừng đọng không vương víu bận bịu vào cái thấy cái nghe ấy: Thể hiện thấy - nghe - hay - biết bất nhiễm của mỗi chúng ta, còn gọi là đặc tính bất nhiễm, chính là Chân Tịnh.
- Pháp môn Vận Chuyển Thông Quang khi đã thuần trở thành Thông Quang Thường Chuyển là pháp môn nhập định mà chúng ta đang học để thanh lọc các thứ ô nhiễm nơi tâm, để thấy rõ nơi tánh. Thanh lọc các thứ ô nhiễm nơi tâm mà trở về tâm tịch nhiên bất nhiễm. Để thấy rõ nơi tánh là hiện bày bản tánh chiếu soi. Cho nên, thường tịch nhiên mà thường chiếu soi chính là Chân Thường.
- Ta vẫn làm việc thật nhiều, nhưng vẫn không thấy mình làm cái gì cả. Để thật hành chỗ này, Đức Ngài dạy hành hạnh lành, hành lục độ, hành xứng pháp hạnh - bi nguyên hạnh - chỉ quán hạnh... là tập cho chúng ta học tự tại, an nhiên vô ngại nơi thế sự mà sống với thật tánh. Đồng thời, dụng thật tánh vào các hạnh mà giải thoát ngay nơi sự việc (hành dụng), chính là Chân Lạc.
- Chân Ngã - Chân Tịnh - Chân Thường - Chân Lạc. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tạm gọi là Đại Niết Bàn và Đức Ngài dạy: “....nào ai biết Pháp Tối Thượng Vô Thừa là đây!”

PHƯƠNG DIỆN CỨU KHỔ TRÊN ĐƯỜNG HÀNH PHÁP!

Đức Ngài Pháp Chủ dạy: “Nếu thấy chúng sanh có khổ ta dùng tài thí, còn tâm chúng sanh có khổ ta pháp thí!” (QNP. 333)

1. Vài hình ảnh khơi dậy tình thương cứu khổ!

1.1. Phương diện y khoa:

Đức Ngài dùng thuốc giúp người bệnh!

Sau năm 1975, với sự khó khăn chung, Đức Ngài cho phép dùng nhiều loại dược thảo được bào chế - đóng thành gói và phát cho bệnh nhân. Ngoài ra, thỉnh thoảng, Đức Ngài lấy thuốc mà Đức Ngài dùng cho các pháp hữu hay nhân sanh có bệnh. Các bệnh nhân này rất cảm động và kính mến Đức Ngài.

Thi dụ như: Một vị bị bệnh về gân - cơ - khớp, được hộ bệnh theo VVQN Pháp. Trong thời gian được hộ bệnh, các vị huynh trưởng hướng dẫn thêm về thể dục như một phương diện vật lý trị liệu và khuyên dùng vài thức ăn có tác dụng như thuốc trị bệnh. Đồng thời, Đức Ngài dạy dùng thêm thức uống thanh lọc bớt trược trong cơ thể qua đường tiểu tiện và cho phép tập công phu theo sự hướng dẫn của vị huynh trưởng. Người bệnh tập theo lời dạy và thấy có kết quả tốt. Sức khỏe khá dần, tạo thêm niềm tin vào sự hướng dẫn tu học.

Đức Thầy bốc thuốc - chế thuốc giúp người bệnh!

Chúng ta được biết tại phòng lab., nơi Đức Thầy thí nghiệm và bào chế thuốc, có rất nhiều dược thảo Đông y. Đức Thầy làm thuốc với nhiều dạng để giúp các bệnh nhân.

*Khai Tâm Niệm Pháp tập 4
trang 60*

Thí dụ như: Cách đây vài năm, một ông cụ bị bệnh ung thư đến gặp Đức Thầy xin được hộ bệnh. Sau vài lần điểm bệnh, Đức Thầy tự tay bốc thuốc thang trao cho ông cụ dùng. Ông cụ thật là kính mến Đức Thầy, hàng tuần thường đến dự sinh hoạt cùng các pháp hữu và thọ pháp tu học.

Từ vài hình ảnh này cho thấy: Một vị hành pháp cần có hiểu biết về Đông y - Tây y trong trợ giúp người bệnh. Người bệnh khỏe - khỏi bệnh, thường dễ tin tưởng và hành theo những gì được hướng dẫn. Đồng thời, người bệnh đón nhận lòng vị tha qua việc chăm lo sức khỏe cho họ nên cảm mến và tin tưởng hơn. Như vậy, bệnh là duyên lành giúp thức tâm đến với pháp đạo.

1.2. Phương diện truyền đạt giáo pháp:

Sách và tạp chí phát hành rộng rãi khắp nơi, được các vị cùng truyền tay đón nhận là nhịp cầu tạo duyên lành cho nhân sanh đến với pháp đạo. Như: Nhiều vị trước đây thường tìm đọc kinh sách có dịp xem qua Ánh Sáng Mặt Pháp đã tìm đến và thọ pháp tu học.

Trung Tâm Trị Liệu và Thiền Định thỉnh thoảng mở ra các khóa học đón nhận các vị tìm đến giáo pháp Vô Vi Quy Nguyên. Sau khóa học có nhiều vị thật sự trở thành đệ tử Từ Tôn và tự nguyện làm việc cho pháp đạo. Qua đây, thể hiện tình thương cứu tâm luôn mở rộng đón nhận tất cả nhân sanh!

2. Thấy biết và cảm thông nỗi khổ của người!

2.1. Thí dụ 1: Thấy biết điểm gốc làm nên nỗi khổ!

Một vị từng tìm thầy học đạo nhưng “nỗi khó khăn chưa lời giải đáp” của bản thân từ lâu nay vẫn còn đó. Vị này đến với pháp đạo, Đức Thầy lần lượt chờ đợi,

lắng nghe nhiều câu hỏi từ phương tiện tu tập đến tâm sự kín đáo. Sau khi đi một vòng các thắc mắc và “khó khăn không biết tâm sự cùng ai” thì vòng trở lại những câu hỏi na ná như ban đầu. Gom lại điểm then chốt trong các câu hỏi, Đức Thầy chỉ ra cái gốc làm nên vướng mắc trong các câu hỏi. Từ đây, những thắc mắc, những “câu hỏi chưa lời giải đáp” lần lượt tự nó giải bày.

Nhân đây, Đức Thầy mở ra cho thấy: Hầu hết những vướng mắc trong tâm thức tuy có vẻ muôn mặt nhưng đều xoay quanh - đều bắt nguồn từ điểm gốc, tức điểm kẹt bản năng mà ra. Mở điểm gốc thì thông sáng. Cái còn lại là bản thân có đủ dũng lực gội rửa hay luyện tiệt các vướng mắc làm nên khô tâm khô trí.

2.2. Thí dụ 2: Mở lòng cảm thông nỗi khổ của người!

Các con ở tuổi thanh niên dồi dào sức khỏe, năng hoạt động và làm việc gì cũng nhanh nhẹn. Các bậc cha mẹ ở tuổi về chiều sức yếu, đi đứng chậm chạp và lẫm tai - lẫm trí - dễ quên. Nếu như các con không biết đặt mình vào hoàn cảnh của cha mẹ thì không thể thấy hết nỗi khổ tâm ở tuổi già về đời sống vật chất và tinh thần cần sự chăm sóc. Lòng người con chưa mở ra hòa cùng cha mẹ thì chưa thể cảm thông cha mẹ, có chăng là nhận định về nỗi khổ qua mắt thấy tai nghe.

Mở lòng cảm thông chia sẻ nỗi khổ cùng cha mẹ không có sự hiện diện của nhận định! Vì sao? Nhận định có thể chối bỏ nếu cần và nếu tình thương dựa vào nhận định thì không còn là tình thương nữa vì sẽ có ngày phai mờ theo năm tháng. Cởi bỏ nhận định về nỗi khổ mới có thể mở bày tình thương chân thật với sự cảm thông sâu sắc. Như, một hình ảnh khổ đau, dù

nhỏ, mới có thể có sự đón nhận chia sẻ và tận tình cứu giúp.

3. Vài hình ảnh cứu khổ trong thực tế hành pháp!

3.1. Thí dụ 1: Cứu khổ bằng tình thương và hành động!

Hoàn cảnh một gia đình:

Vừa biết được một vị pháp hữu có người thân là ông nội, lớn tuổi, bị bệnh bất ngờ vì té, Đức Thầy cùng vị pháp hữu này và một vài vị pháp hữu khác đang hiện diện quanh Đức Thầy, cùng đến nhà người bệnh. Vào nhà, nhìn lướt qua phòng khách, đối diện cửa chánh là bức tranh con ó đang tung cánh, trên hông tường treo bức tranh Hai Bà Trưng đang chiêu quân - ra trận, bên trong là ngôi Tam Bảo và bàn thờ cửu huyền thất tổ trông có vẻ “mờ mờ tối tối”. Đức Thầy liền nói với các vị pháp hữu là trong nhà có vẻ âm u và thường có chuyện bất an xảy ra luôn tạo nên không khí nặng nề.

Đến giường người bệnh ở phía sau: Đầu giường là một chiếc gương lớn hướng vào ông cụ đang nằm, bên cạnh giường là chiếc tủ cao mà trên nóc tủ có hai tượng, trong đó có tượng Đức Quan Công tay cầm gươm dài chỉ xuống ông cụ đang hấp hối nằm trên giường. Đức Thầy biết ngay lý do vì sao người bệnh té một chút mà nằm thở lấy hơi ra rất là không khỏe.

Đức Thầy dạy trong bước đầu cứu giúp:

Sau khi chăm sóc sức khỏe ông cụ, Đức Thầy hỏi bà cụ về lai lịch của tượng rồi xin phép lấy bỏ cây gươm này và cho người phủ kín chiếc gương lại. Đức Thầy trở lại phòng khách và với sự đồng ý của bà cụ: Chỉ định vị pháp hữu sửa sang lại ngôi Tam Bảo cho sáng sủa và lấy hai bức tranh ở phòng khách xuống. Ngay

sáng hôm sau, chính thân Đức Thầy và một vài pháp hữu theo Đức Thầy chở ông cụ đến Trung Tâm Trị Liệu và Thiền Định để khám và trị bệnh.

Bà cụ đang trong cảnh khổ tâm: Một phần vì tuổi già, một phần vì hoàn cảnh gia đình có nhiều chuyện không hay, các con có người bị tù - có người bị hại chết,... nhưng chưa biết phải làm sao. Nay được Đức Thầy chỉ ra một vài nguyên nhân và đích thân giúp nên rất vui mừng. Ít hôm sau, bà cụ đến Đại Hùng Linh Điện dự lễ hồi vị của Đức Ngài và được Đức Thầy thọ ký tu học. Tuy tuổi đã cao nhưng thỉnh thoảng bà đến dự sinh hoạt cùng với các pháp hữu.

Với chúng ta trên đường tu tập, đây là một phương diện thể hiện tình thương cứu khổ được Đức Ngài dạy: “Nghĩ đến chúng sanh chưa đủ mà còn phải hành cho chúng sanh”. (QNP. 61).

3.2. Thí dụ 2: Cứu khổ bằng khai tâm!

Khai tâm cứu khổ!

Trưởng thành trong hoàn cảnh sống từ gia đình và xã hội nên chịu ảnh hưởng phần nào bởi tập quán phong tục hay văn hóa dân tộc, cộng thêm tư tưởng và cá tính in đậm sâu vào tiềm thức. Cho nên, tuy được duyên may đến với Đức Ngài - đến với Đức Thầy thọ pháp tu học nhưng trải qua thời gian hiện diện trong pháp đạo không mấy tiến bộ! Vì sao? Khả năng ôm lấy tư tưởng và cá tính sẵn có nên chỉ đón nhận những gì hợp với mình cho là đúng!

Trong trường hợp này, Đức Thầy dạy: “Phủi đi!” Có phủi đi ôm lấy chấp nhất làm vốn sở hữu, có phủi đi sự áp đặt tư tưởng sẵn có vào sự việc mới có thể mở rộng

tâm đón nhận cái mới thích ứng với từng bước tiến hóa. Trong thực tế, không ít chúng ta tương đối khó “phủi đi!” để mở cửa cầu tiến vì tiềm lực bảo thủ thường chiếm vị thế chủ động tâm tánh nhiều hơn là “có ý thức”. Đây là một nguyên nhân trở lực trong khai tâm tiến hóa thoát cái khổ do tinh thần sở hữu!

Chuyển tâm cứu khổ!

Người thân trong gia đình với tư tưởng sống không đồng đôi khi dễ tạo bất hòa! Là “chủ nhà” thay vì thường ngày lẫn lộn vào chuyện gia đình, Đức Thầy khuyên nên “đi ra ngoài”, mở rộng sự hoạt động ra ngoài phạm vi gia đình như tạo sự lành hữu ích cho nhiều người. Vì sao? Chuyện trong gia đình của vị này là duyên nghiệp tái diễn theo luân hồi, “đi ra ngoài” lập hạnh cũng gặp chuyện tương tự nhưng là một cách mở rộng tâm hạnh, chuyển tâm trả duyên nghiệp. Như vậy, Đức Thầy mở ra một phương diện tu hạnh bồi đức và chuyện gia đình sẽ giảm tiêu dần theo tâm hạnh lành, tức “tâm chuyển thì hoàn cảnh sống cũng chuyển theo!”

Trong thực tế, không ít chúng ta tương đối khó chuyển tâm vì tinh thần ôm lấy những gì sẵn có qua tuổi trưởng thành đã đi vào tiềm thức trở thành quen thuộc và luôn cho là đúng với những gì hợp với quan điểm của mình. Đây là một nguyên nhân trở lực trong chuyển tâm tự cứu lấy cái khổ của bản thân!

Đức Thầy mở ra cho chúng ta thấy thêm:

Bên cạnh hai trường hợp vừa rồi, nhân thuyết phục khai tâm một phần lực quý, Đức Thầy mở ra cho chúng ta thấy thêm: Một vị từ cõi trên xuống và một vị

ở cõi này, hai vị đều gặp nhau ở chỗ là sanh ra làm người nhưng khác nhau ở điểm:

- Người ở cõi trên xuống: Cho dù họ quên hết, cho dù họ không còn biết gì cả nhưng có cơ hội được mở ra thì dễ mở lắm - mở nhanh lắm.
- Người ở cõi này: Bị nghẹt hết rồi! Một khi có cơ hội để mở nhưng khó lắm, mở lâu lắm!

Câu chuyện này giúp người hành pháp: Mở lòng đón nhận nỗi lòng của người để thấy biết tâm trạng khổ đau cùng nguyên nhân làm nên khổ đau. Từ đó dễ cảm thông - hòa theo nhịp khổ - hòa theo chuyển biến của tâm trạng mà dẫn bằng thiện ý - bằng lời từ ái - bằng tình thương và bằng trí hiểu biết đem lại lợi ích cho người.

3.3. Thí dụ 3: Cứu khổ bằng phương tiện pháp tu tập: **Bình thường trong sinh hoạt!**

Có vị thường dễ bị xúc động mạnh trước các việc không may nên tâm trạng thường bất an. Có vị hay lo mung lung vì chuyện gia đình, vì các con “phá của” nên thường bất an và mất ngủ. Thật là khổ tâm! Trong trường hợp này, chúng ta nên dùng chìa khóa mà Đức Thầy đã dạy: “Bình thường! Bình thường trong mọi sinh hoạt!”; đồng thời, hướng dẫn tập công phu làm phương tiện trợ lực lắng dần tâm ý bất an! Nơi đây, bình thường tự nó lắng bất an - lắng bất bình thường, thể hiện một phương diện “lấy tĩnh lắng động”, bởi vì tĩnh đến thì động tự lặng mà không phải diệt trừ.

Mở tâm thương người!

Chúng ta với tấm lòng nhỏ hẹp thường nghĩ phần lợi về mình nhiều hơn là nghĩ phần lợi cho người, làm việc gì cũng lấy so đo lợi hại cho bản thân làm mục

thước trong hành động hơn là làm vì người. Đây là hình ảnh của khuynh hướng vị ngã nên chưa thể có tấm lòng lợi tha rộng mở. Trong trường hợp này, chìa khóa thiết yếu mà Đức Thầy dạy chúng ta là: Mở tâm! Mở rộng tâm! Mở tâm thương người! Nơi đây, thể hiện một phương diện mở tình thương lợi tha thời cõi lòng vị ngã tự giảm tiêu dần.

Ngộ ý nghĩa của Thánh Danh!

Không ít chúng ta sau khi tìm hiểu lời Đức Thầy dạy về điềm kẹt bản năng trôi theo luân hồi sanh tử, rồi đối chiếu vào bản thân nhưng vẫn chưa thấy cái gốc vướng mắc của mình. Chúng ta thỉnh hỏi, Đức Thầy dạy là điềm kẹt tiềm ẩn trong Thánh Danh được ban. Ngay sau lời dạy của Đức Thầy tâm trí như sáng lên lời dạy của Đức Ngài:

- “Thánh Danh của mỗi vị còn liên quan đến cá tánh của vị đó trong tiền kiếp và công hạnh của tiền kiếp phối hợp vào nữa.”
- “Nó có ẩn ý đạo cao siêu mầu nhiệm trong đó có nhằm thức giác chính bản thân vị đó. Nếu ngộ được ý nghĩa của Thánh Danh mà mình đã được thọ ký theo đó mà hành sẽ đạt quả vị”. (QNP-110)

4. Tâm hạnh cứu khổ của người hành pháp!

4.1. Thí dụ 1: Làm với tâm hạnh bình thường!

Người thuê nhà và người chủ nhà đồng thuận ký một hợp đồng. Người thuê nhà thực hiện đúng hợp đồng nhưng người chủ nhà cứ để mặc nhà bị hư mưa ướt. Người thuê nhà thông báo nhiều lần nhưng chủ nhà vẫn để mặc nên đành phải nhờ đến công lý.

Nhờ đến công lý với tâm bình thường: Yếu tố cần trong hành động của chúng ta là làm với tâm bình thường, không tức giận bức bối - không “làm cho bỏ ghét”, không mắc phải phiền muộn vì người không thực hiện đúng theo hợp đồng!

Ngược lại: Việc làm vướng phải phiền muộn! Tức, Hành Động nhờ đến công lý với cái Dụng ở Tâm phiền muộn làm Nhân, thời Quả phiền muộn là đương nhiên. Bởi vì, bản thân chưa hóa giải phiền muộn thì mọi hành xử dù cho tốt đến đâu theo cái nhìn của người đời, vẫn là hành vi tạo nghiệp quả thuận luân hồi. Sự khác biệt giữa phạm nhân cứu khổ và minh sư cứu khổ là Dụng ở tâm hạnh và hành động!

Từ thí dụ này, mở rộng ra trên bước đường nhập thế sửa mình, người hành pháp nên lấy cái khổ - lấy sự việc - lấy hoàn cảnh sống làm phương tiện pháp tu tập cho cái học cứu tâm, ngõ hầu đi dần đến hành động mà không bị phiền muộn vì đối tượng, dù ở vào môi trường hoàn cảnh thuận nghịch tốt xấu. Chúng ta đang học mà! Chúng ta mượn môi trường sống làm phương tiện học trui rèn tâm tánh mà! Dần dần, mới có thể đón nhận tất cả các trường hợp đến với mình đều như nhau và hành động với sự thanh thản bình thường.

4.2. Thí dụ 2: Từ cảnh khổ của người làm phương tiện cứu tâm mình!

Từ vị ngã!

Giúp người thoát “thập tử nhất sinh” nhưng sau đó nương cơ hội này nhờ người giúp làm một vài việc, dù là việc hữu ích cho nhiều người: Vì ân nghĩa người ta luôn sẵn lòng! Nhưng nhì lại, tâm hạnh của người cứu khổ mang tính trao đổi thì đúng hơn. Cho nên, trong

tương lai, người được cứu nếu như không đáp ứng ý định hay không đáp ứng hướng đi của người cứu thì phiền muộn có thể hiện lên. Vì sao?

Dụng ở tâm hành động cứu giúp theo quan niệm cá nhân áp đặt lên, nó thể hiện sự hẹp hòi cho dù hành động cứu người thật là cao quý. Bởi vì, quan niệm cá nhân có thể đúng với tinh thần vị ngã nhưng chưa hẳn đúng với tinh thần vị tha - quảng đại.

Đến vị tha!

Nhờ “Thập tử nhất sinh” của người là dịp nhìn lại tinh thần vị ngã: Cảnh khổ của người là phương tiện cho cái học tháo bỏ dần tấm lòng giúp người mang tính trao đổi, đồng thời là phương tiện trui rèn - trau dồi lòng vị tha bằng cách cởi bỏ đi cứu giúp người kèm theo điều kiện dù là ý nghĩ hay dự kiến sâu kín tận đáy lòng chưa tỏ cùng ai. Đây cũng là một phương diện chuyển hóa tạp niệm nội thể thành trong sáng!

Nhờ soi lại bản thân mà nhận thấy được điểm yếu kém, mà điểm yếu kém của mình cũng có thể một phần là điểm yếu kém của người vì mình và người sinh ra nơi cõi thế này đều có tấm lòng vị ngã kia mà. Cho nên, biết được mình thời có thể một phần nào biết được người. Từ đây, tình thương người có dịp mở ra và là nguồn gốc của hạnh lành đến với người. Nơi đây, tấm lòng cảm thông thương xót nỗi khổ của người có cơ hội thể hiện tận tình cứu giúp, song song, lòng vị ngã sẽ từng bước tự nó chuyển hóa. Như vậy, cứu giúp nỗi khổ của người là một cách cứu tâm mình mở ra tinh thần vị tha vì người. Chính tinh thần vị tha vì người mới có thể đưa chúng ta đến tình thương cứu khổ rộng lớn hơn!

5. Kết luận: Tình thương là nguồn gốc của hạnh lành cứu khổ!

5.1. Kinh nghiệm sống khổ là bạn đồng hành trên đường hành pháp!

Chúng ta ai cũng có khổ: Từ cái khổ do bệnh tật đến cái khổ do bên ngoài như hoàn cảnh sống, chẳng hạn. Dù cứu khổ trên phương diện nào, điểm trước tiên là nhận diện sự có mặt và chấp nhận chúng đến với mình. Mức độ khổ nhiều hay ít còn tùy theo cái nhìn của mình mà căn bản cứu khổ là đối diện trực tiếp với chúng để tìm nguyên nhân và mở ra hướng đi. Thí dụ: Chúng tôi được biết có vị mắc 4, 5 chứng bệnh một lúc, kéo dài từ năm này sang năm khác. Thành ra, bệnh đối với vị này là bình thường. Những lúc tương đối khỏe một chút thì dành thì giờ làm nhiều việc hữu ích hơn là lo lắng cho cái bệnh. Như vậy, chỗ khổ tâm vì bệnh không đáng đặt ra với vị này.

Nhiều vị từng trải “thăng trầm vinh nhục nơi đường đời vạn nẻo gian nan” thì một vài khổ cực nơi dòng đời là bình thường. Với vị này, không ngại khổ, mà trái lại, là phương tiện rèn luyện ý chí vững chắc và tâm tánh trong sáng.

Có hiện diện trong cái khổ, có trải qua trong cái khổ với nhiều khó khăn, có vượt thắng trong cái khổ mà bản thân từng chịu đựng, mới có thể đón nhận - cảm thông - chia sẻ cùng cái khổ của người và chỉ dẫn cho nhau trên bước đường tu học. Đây là nhân tố phát triển tình thương đến với cái khổ của người và kinh nghiệm khổ của bản thân là bạn đồng hành trên đường hành pháp. Nơi đây, góp phần đi dần đến thông hiểu lời Đức Ngài dạy: “... biết được mình, biết được người, tình

thương xuất phát, thương mình là thương người, là nguồn gốc của hạnh lành”. (QNP. 327).

5.2. Đến đây, chúng ta cùng học lời Đức Ngài dạy:

- “Muốn giác tha phải tự giác, có như thế mới hóa giải được những phiền lụy của cuộc đời cho mình và cho người”. (QNP. 359).
- “Cuộc sống lành mạnh cho thân tâm để làm người đồng hành với thế nhân mà soi tỏ đường đi”. (QNP. 359).

Lời Đức Ngài nhắc chúng ta nhớ đến lời bậc Cổ Đức: “Bỉ, năng bạt nhất thể chúng sanh chi khổ”. Hay nói cách khác: Làm giảm bớt cái khổ cho người, cứu giúp cái khổ của người, mà căn bản là cứu cái tâm khổ. Muốn được như vậy, người hành pháp trước phải cứu lấy cái tâm khổ hay cái tâm phiền não của bản thân - phải trui rèn tâm tánh trong sáng và chính đại trong mọi hành vi. Như vậy, mới có thể soi thấy biết mình. Có soi thấy biết mình mới có thể thấy biết người mà cứu giúp và tình thương lợi tha mới có cơ hội nhân rộng ra. Nơi đây, chúng ta có dịp thấy thâm sâu lời Đức Ngài dạy: “Dù rằng các chú có lòng bi, nhưng cần tu tập, trau chuốt cái lòng bi ấy”. (QNP. 83).

Nói chung:

Lời dạy của Đức Ngài và bước đường độ sanh mà Đức Thầy Từ Minh Đạt mở ra giúp pháp hữu chúng ta thấy được: Tình thương cứu khổ đem lại sự an vui giải thoát, là tâm hạnh hành pháp hòa theo nhịp sống nhân sanh, đồng hành với nhân sanh mà soi đường thức giác bước lên pháp đạo tu học. Phần còn lại là khả năng tu tập của mỗi chúng ta!

PHƯƠNG DIỆN TÌNH THƯƠNG TRÊN ĐƯỜNG HÀNH PHÁP!

Đức Thầy Từ Minh Đạt dạy: “Phải biết thương mới làm Phật. Không phải đợi thành Phật mới biết thương!”

1. Vài hình ảnh khơi dậy tình thương nơi mỗi chúng ta:

1.1. Lời từ ái của Đức Ngài!

Được dịp ngồi quanh Đức Ngài nghe giáo pháp như quên hết lo âu, phiền lụy lúc nào không hay không biết! Lời Đức Ngài dạy cho tất cả nhưng mỗi chúng ta cảm nhận như được ban riêng mình mở đường về cõi lòng tĩnh lặng, phá tan hết những giam mình trong lo âu, phiền lụy vừa trước đó. Sự hiện diện của Đức Ngài là nguồn tình thương, nguồn điển quang bao lấy chúng ta trong niềm an vui thoát tục.

Lời từ ái thấm sâu vào mỗi chúng ta đồng thọ nhận như dây thiêng liêng vô hình nối liền với Ngài, đồng thời, thức tỉnh mỗi chúng ta đều có tiềm năng mở rộng tình thương đến mọi người như Đức Ngài! Tình thương hiện hữu trong mọi sự sống!

Các vị huynh trưởng đã đến với Đức Ngài:

“Đến khi con được duyên tìm được Đức Thầy vào ngày mùng 8 tháng 1 âm lịch năm 1981 thì nội thể con bảo rằng đây đích thực là Ngài rồi, vì Ân Điển của Ngài đã bao trùm lấy người con, chưa bao giờ con được một Latihan mạnh mẽ như thế. Thật sung sướng như lâng lâng thoát tục trở về cõi hư vô”.

Hay: “Thật là một cảnh đẹp đối với tôi! Thầy nghiêng xuống lắng nghe từng câu hỏi của đạo hữu và trả lời vắn gọn mà đầy đủ. Trong ấy, tôi cảm thấy được lòng thương yêu của Thầy đối với đệ tử như người cha đối với con mà ai ai cũng được nhận như một đứa con duy nhất”. (ASMP. Tập 3, 27 và 44).

1.2. Lời dạy độ sanh của Đức Thầy!

Vào tháng 5 năm 1996, tại Northridge, qua lời dạy của Đức Thầy mở ra cho pháp hữu chúng ta thấy được tình thương cao cả đối với chúng sanh:

- Mỗi một xã hội có những cách hướng dẫn khác nhau và tùy theo căn cơ mỗi người mà hướng dẫn lúc ban đầu. Sau đó, sẽ hướng dẫn lên thích hợp dần. Thí dụ như: Người ở trong tù ra, người thuộc băng đảng, người nghèo khó, người giàu sang, người bệnh tật, người khỏe mạnh,...
- Phải biết hòa nhập vào mọi hoàn cảnh, mọi thành phần để từ đó mà dẫn dắt họ theo hoàn cảnh của họ. Người bên trái mình hướng dẫn theo bên trái, người bên phải mình hướng dẫn theo bên phải, người ở sau mình hướng dẫn theo phía sau, người ở trước mình hướng dẫn theo phía trước. Phải hòa mình vào các hoàn cảnh để thấu hiểu mà độ!
- Học đạo vì lợi ích chúng sanh! Làm vì lợi ích chúng sanh! Tất cả vì lợi ích chúng sanh!

Với lời thỉnh hỏi của các vị pháp hữu nhân dịp thiên tai, động đất diễn ra nhiều nơi trên thế giới, Đức Thầy dạy thêm: Nếu biết ngày mai là tận thế, hôm nay Thầy vẫn tiếp tục làm, làm đến giây phút cuối cùng!

Lời Đức Thầy dạy thật cao cả! Tâm lòng trải rộng với tình thương độ sanh không hạn lượng, khơi dậy tâm nguyện học đạo nơi mỗi pháp hữu mở đường vào tình thương hành tâm nguyện!

2. Tình thương trên đường mở rộng tâm!

2.1. Tình thương trên đường mở rộng tâm qua tu tập:
Một trong những điểm cần tu tập của pháp hữu chúng ta là lìa bỏ tâm ý và ý thức, lìa bỏ hết nhất thiết ngoại tướng, lìa bỏ hết sự cầu vọng tướng cảnh giới!

Chúng ta có thể hiểu lầm lìa bỏ là loại bỏ hay diệt trừ hết mọi ý niệm vừa khởi để cho tâm thức nội thể được tĩnh lặng? Làm như vậy có khác nào khơi thêm các vọng vì một ý niệm buộc phải loại bỏ hay diệt trừ một ý niệm khác!

Chúng ta có thể hiểu lầm lìa bỏ là tạo cách biệt với ngoại cảnh hay các sinh hoạt ồn ào náo động vì tâm ý bị động, bị dẫn đi? Làm như vậy có khác nào tự cô lập, tự phân lập!

Chúng ta nên thấy rằng tĩnh lặng là do mình mà không do ngoại cảnh chung quanh. Dù ngoại cảnh chung quanh có tĩnh lặng, cũng có thể giúp mình thật, nhưng cõi lòng không tĩnh lặng thì vẫn là cõi lòng không tĩnh lặng, cõi lòng tĩnh lặng thì ngoại cảnh dù có náo động vẫn là cõi lòng tĩnh lặng. Cái quan trọng là mình trước đã! Cho nên, nếu như hiểu lầm là tự phân lập với tha nhân và ngoại cảnh, tự thu vào thể đứng theo chỗ thấy biết của bản thân, thỏa mãn những gì mình mong muốn hướng tới, đáp ứng những gì mình cảm thấy an ổn. Như vậy là đặt mình vào nơi an trú thu hẹp thì không thể có tình thương mở rộng!

Trong khi đó, tình thương thể hiện tiềm năng sống như dây vô hình nối với tha nhân, nối với sự sống mà Đức Thầy dạy là “sống cho tròn”. Sống cho tròn, tự nó xóa tan tự cô lập, tự thu mình, tự xa cách, đến với tha nhân hay sự sống bằng tình thương chân thật, không bị thu hẹp vì đối tượng, tức không vướng vào lớp áo tình thương vị ngã!

Hai hình ảnh trên đây, một là thu hẹp và một là mở ra, có phải trái ngược không? Thật ra, lìa bỏ không có nghĩa là không có gì hết hay không còn gì hết, mà là không dính mắc, không ôm lấy, không giữ lấy, không lưu vương, trở về với tĩnh lặng để thấy rằng cõi lòng vốn tĩnh lặng, nên không có gì ngăn cách, nên không có gì là trở lực cho cõi lòng trong sáng và mở rộng không giới hạn. Tạm lấy thí dụ về vật chất như: Nước bị đục vì cặn bẩn, được lắng đọng, gạn hết cặn bẩn, nước trở nên trong suốt. Nhân đây cho thấy nước trong suốt tự nó vốn trong suốt, dù khuấy động mạnh nước vẫn trong suốt, không phải đợi lắng đọng, gạn hết cặn bẩn mới gọi rằng trong suốt.

Với cõi lòng tĩnh lặng, chúng ta đến với tha nhân, đến với sự sống bằng tình thương không vị lợi, tình thương không phân biệt nối kết với tất cả như một. Như vậy, tình thương thể hiện qua lớp áo vị ngã nay là tình thương vị tha, trong sáng, chân thật hiện diện cùng sự sống. Điểm cần để sống với tình thương này là cõi lòng tĩnh lặng, trong sáng và mở rộng!

Vì sao? Nếu như không tĩnh lặng thời vọng sanh dù là vi tế, tất nhiên bị vướng vào phiền não. Mở rộng mà không vướng mắc vào một đối tượng nào mới có thể hòa cùng khắp cả! Nếu như vướng mắc vào một đối

tượng nào thời cỗi lòng quy hướng vào đối tượng đó, tất nhiên tình thương bị giới hạn và chưa thể có chân thật tự nhiên.

Đến đây, chúng ta cùng nghiệm lời Đức Thầy dạy: “Thầy không cầm giữ cái gì hết nên nơi đâu cũng có hình ảnh của Thầy!” “Khi tâm mình mở rộng đến các nơi thì nơi đâu cũng có hình ảnh của mình, không sợ mất!”

2.2. Tình thương trên đường mở rộng tâm qua sinh hoạt:

Chúng ta thường hiện diện bên cạnh Đức Thầy đều thấy rằng han ngày Đức Thầy giải quyết rất nhiều việc: Từ việc riêng mỗi cá nhân đến việc liên hệ nhiều thành phần trong xã hội, từ việc đơn giản đến việc phức tạp, từ việc đời đến việc đạo. Điểm này thể hiện lòng tin mà các vị đặt vào Đức Thầy – cầu cứu nơi Đức Thầy, đồng thời cũng là tình thương cứu giúp từ Đức Thầy mà các vị đón nhận!

Cho nên, lòng tin mà các vị đặt vào Đức Thầy là tình thương mà Đức Thầy đến với các vị, mở giúp phương tiện hướng đến con đường tu sửa để có thể gội rửa dần khó khăn vướng phải trong hiện tại và mai sau. Nhưng trong thực tế, chúng ta chưa đủ khả năng để thấy biết và đón nhận hết tình thương cứu giúp này. Vì sao?

Thí dụ 1: Thấy biết hạn hẹp về tình thương!

Chúng ta được Đức Thầy giúp tìm mua căn nhà tốt về mặt địa lý phong thủy, nhưng nhìn tổng quát căn nhà cảm thấy không hợp ý nên đánh giá thấp. Như vậy, tình thương mà Đức Thầy dành cho chúng ta bị giới hạn bởi quan niệm cá nhân.

Thí dụ 2: Đón nhận có giới hạn về tình thương!

Chúng ta bị chi phối nhiều vì nghiệp lực trong cuộc sống, Đức Thầy hướng dẫn sửa mình – tập hạnh lành là một cách vun trồng công hạnh và trả nghiệp. Qua thời gian tập theo lời chỉ dạy với khả năng hiện có của bản thân, cảm thấy không mấy dễ dàng:

Một phần do người thân trong gia đình không đồng ý, dễ tạo nên bất hòa. Nhưng, biết đâu đó là nhân duyên tiền kiếp nay gặp lại như cơ hội hóa giải tốt đẹp hơn là vay trả sòng phẳng!

Một phần do việc không may xảy đến làm ảnh hưởng đời sống bình thường. Tuy là việc xui nhưng biết đâu đó là một cách trả nợ nhẹ nhàng giúp vượt qua vài khó khăn nan giải khác!

Do đó, có thể dễ hiểu lầm về lời dạy hay nản lòng về kết quả đem đến, bởi vì “trọng thành tựu trước mắt” nên chưa đủ duyên phước hưởng hết tình thương lâu dài về sau mà Đức Thầy dành cho trên bước đường tinh tấn.

Từ đây cho thấy: Chúng ta đến với Đức Thầy là vì cảm thấy mình bé nhỏ, cảm thấy mình còn nhiều tối tăm chưa biết hướng đi cần sự chỉ dạy! Sự bé nhỏ, sự tối tăm do tự đặt mình vào lớp áo được bao phủ bởi quan niệm cá nhân, bởi thấy biết hạn hẹp hay các khuynh hướng vị ngã. Sự hiện diện các món này áp đặt lên bản thân làm nên cõi lòng thu hẹp vì đó là chỗ dựa thì làm sao có mở rộng mà đón nhận? Chúng ta thử cởi bỏ lớp áo được bao phủ này thì lòng mình mở rộng hơn, có phải không? Bởi vì, không giam mình trong lớp áo bao phủ nào thì có gì là ngăn trở đâu!

Với pháp hữu chúng ta trên bước đường tu học: Đây là dạng bài học chuyển cái nhìn hạn hẹp thành cái nhìn rộng lớn; đồng thời, cũng là dạng bài học cởi bỏ lớp áo bao phủ bởi các khuynh hướng vị ngã; trả lại sự lắng động, thanh tịnh, mở ra sự trong sáng tự nhiên của tâm. Nơi đây, chúng ta đến với Đức Thầy, tùy mức độ lắng động, thanh tịnh, tùy khả năng mở rộng tâm mà đón nhận tình thương tương ứng. Tâm mình càng lắng động, thanh tịnh, càng mở rộng thì đón nhận tình thương càng tràn đầy, mặc dù nguồn tình thương vẫn tràn đầy cho tất cả! Điểm cần để đón nhận tình thương vô biên này là cõi lòng tĩnh lặng, trong sáng và mở rộng!

Đến đây, chúng ta cùng nghiệm lời Đức Thầy dạy: “Tâm mình không cầm giữ cái gì hết nên nơi đâu cũng có hình ảnh của Thầy!” “Tâm mình mở ra, mở rộng ra, thì đi đâu cũng thấy Thầy!”

3. Trên bước đường mở rộng tình thương!

3.1. Một phương diện nâng tâm thức thanh cao mở rộng tình thương:

Nương theo lời Đức Ngài dạy, chúng ta có thể nâng tâm thức thanh cao bằng phương tiện công phu thiền định:

- “Lìa bỏ tâm ý và ý thức” vốn đã từng làm nên nội tâm giao động, xung đột; trở về sự sống tĩnh lặng, trong sáng và chân thật tự tâm.
- “Lìa bỏ hết nhất thiết ngoại tướng” vốn đã từng chi phối giác quan, đã từng làm nên tâm thức phân biệt chạy theo sắc tướng, trở về sự sống không bị ảnh hưởng bởi các hình ảnh đổi thay trong sinh hoạt để trực nhận “tự tâm không phân biệt” nơi mỗi chúng ta. Sống với “tự tâm

không phân biệt” thời không dính mắc vào các hình ảnh đối thay với vô số tướng trạng sai khác.

- “Lìa bỏ hết các suu cầu vọng tưởng cảnh giới” vốn đã từng hiện hành làm giao động nội tâm với vô số hình ảnh thiên biến vạn hóa, có đó rồi mất đó, hiện đó rồi chìm đó, trả lại sự tĩnh lặng tự nhiên của tâm thức trút sạch các vọng.

Chúng ta học các lìa bỏ này và đem cái học này vào sinh hoạt, được gọi là học: “Giữ vững tình trạng công phu trong mọi sinh hoạt”, học “tâm ý và ý thức lúc nào cũng phải trui rèn, chính đại trong sáng” hầu có thể thể hiện sự sống tự tâm tĩnh lặng, trong sáng và chân thật, thể hiện tự tâm không phân biệt hiện diện trong sinh hoạt muôn màu muôn vẻ; đồng thời, cũng là một phương diện cứu độ phiền não mở bày nguồn an vui tự tâm. Đem những gì mà mình thành tựu giúp tha nhân mở ra nguồn an vui cho chính họ, là một phương diện nâng tâm thức thanh cao mở rộng tình thương vị tha đến với tha nhân cùng an vui như mình!

Nói cách khác: Trợ lực học các lìa bỏ này là phương tiện công phu đã được Đức Ngài truyền ban mà pháp hữu chúng ta phải tu tập hầu trực thâm thiên khí tràn đầy nội thể đẩy lùi hậu thiên khí thời thanh tịnh đến. Cho nên, hiểu biết về lý pháp chưa đủ, hiểu biết về cuộc sống cũng chưa đủ, chúng ta phải công phu lắng đọng - thanh tịnh đi vào sinh hoạt mà trui rèn tâm tánh trong sáng. Tức, làm với sự sáng suốt mà không động mới có thể sống cùng tĩnh lặng - trong sáng trong mọi sinh hoạt với tình thương chân thật - rộng mở trên tinh thần vị tha bác ái đem lại niềm an vui thật sự cho tha nhân.

3.2. Từ phân biệt đến không phân biệt trên đường hành pháp mở rộng tình thương:

Mỗi chúng ta đều có tình thương như: Tình anh em, tình cha con, tình mẹ con, tình vợ chồng, tình bạn bè, tình đạo hữu,... Tình thương này, cần được rèn luyện vượt qua mọi ràng buộc của vị ngã – của tâm thức bản ngã.

Với pháp hữu chúng ta trên đường hành pháp, đây là dạng bài học về tình thương không phân biệt tự tâm! Không phân biệt tự tâm là cái gốc đi vào tha nhân mà không dính mắc vào những sai khác do tâm phân biệt khởi sanh vì các đối tượng đến với mình, thời có thể mở ra tình thương đồng đều như nhau đến với tất cả các loại chúng sanh hay các giới – các cõi mà Đức Thầy nhắc nhở trên đường hành pháp độ sanh. Như:

Thí dụ 1: Tình thương đồng đều!

Đối với một chúng sanh dù ở hữu vi hay vô vi mỗi khi có việc và tìm đến Đức Thầy cứu giúp, Đức Thầy nhìn vào điểm hạnh lành, nếu không có thì Đức Thầy tạo cơ hội làm hạnh lành. Từ đây, Đức Thầy mở hướng cứu giúp hay chuyển vận đi tu học mà tha nhân hay các chúng sanh khác nhìn vào không thể so đo phân bì được. Nơi đây, thể hiện tình thương đồng đều như nhau trong việc mở hướng đi cho chúng sanh biết hướng thiện hay lập hạnh lành.

Thí dụ 2: Tình thương không phân biệt!

Một vị nơi cõi nào đó có được cơ hội đến với Đức Thầy để được cứu độ, thì các vị khác cùng sống chung – cùng sống gần gũi nhau trong cõi đó với vị này, đều được Đức Thầy tạo dịp may hồi tâm thức tỉnh, tạo duyên lành hay tạo cơ hội lập hạnh – trau dồi phẩm

hạnh như vị này để được cứu độ như nhau. Nơi đây, thể hiện tình thương không phân biệt trong thức tỉnh – tạo duyên lành cho chúng sanh có cơ hội đến với pháp đạo.

Thí dụ 3: Tình thương cứu độ và dẫn độ các pháp hữu!

Vào ngày 2 tháng 2 năm 2002, tại Đại Hùng Linh Điện, trong buổi sinh hoạt tìm hiểu phần Chơn Linh của các pháp hữu, Đức Thầy lần lượt bốc ra phần Chơn Linh của hai vị pháp hữu đã được đặc ân ban Bửu Châu và Hồng Ân để làm bài học. Hôm đó, một vị đang dự sinh hoạt tại Đại Hùng Linh Điện và một vị đang bận việc không có đến dự sinh hoạt. Lúc này, phần Chơn Linh đã được bốc ra, không bị ảnh hưởng bởi bản thể vật chất của vị pháp hữu và cũng không bị chi phối bởi bất cứ phần lực nào khác trong vô vi, kể cả điển quang của Thiêng Liêng. Qua phần trình bày của từng vị Chơn Linh cho thấy mức độ tiến hóa tâm linh của mỗi vị còn rất thấp so với Bảo Châu, Hồng Ân được đặc ân ban.

Nhân trường hợp này, chúng ta được thấy thêm: Vì tình thương đối với người đệ tử tỉnh ngộ, thức giác bước lên pháp đạo tu hành, vì tình thương đối với người học trò có lòng thành và nhiệt tâm đến với Đức Thầy học đạo, Đức Thầy đặc ân ban Bảo Pháp giúp thêm phương tiện lực lập hạnh, tu đức. Trong thực tế, tuy lập hạnh, tu đức nhưng thật ra là hạnh lành trả nghiệp tiền kiếp thì đúng hơn, vì “nợ nần ngày xưa” hiện vẫn đang vây quanh chờ cơ hội hoành hành. Nơi đây, thể hiện tình thương cứu độ nghiệp lực quá khứ, ngưng tác nghiệp xấu trong hiện tại, trồng nhân lành cho mai sau và dẫn độ tiến tu hợp trình độ căn cơ của các pháp hữu thật tâm theo Đức Thầy học đạo.

4. Kết luận: Tình Thương là gốc tâm hạnh lành!

4.1. Tình thương đem lại sự an vui!

- “Hãy cứu giúp, cứu độ, tạo sự an vui chúng sanh!” (QNP. 348).
- “Hãy lấy Trí Huệ và Tài Đức của mình tạo nên sự an vui cho tất cả!” (QNP. 332).
- Các chú tu đi để trở thành bậc vĩ nhân, tạo sự an vui cho nhân loại! (QNP. 361).
- “Các Bồ Tát lúc nào cũng lấy khổ cực của mình tạo sự an vui cho chúng sanh, là niềm vui sướng của Bồ Tát”. (QNP. 377).
- “Sư Huynh rất lo lắng không an nghỉ, phải tạo thế nào cho các chú thấy được sự an vui, mà chính cái an vui này các chú mới lìa được khổ”. (QNP. 314).

Lời Đức Ngài dạy nhắc chúng ta nhớ lại lời của bậc Cổ Đức: “Từ, năng dữ nhất thế chúng sanh chi lạc”. Hay, Từ là ban vui, là cho vui, là đem lại niềm an vui đến với chúng sanh. Muốn được như vậy phải có tâm lành làm lợi ích cho chúng sanh, chúng sanh an vui là mình vui, mà cái gốc là tình thương mở ra tâm hạnh lành, tình thương mở ra tâm lành làm lợi ích cho chúng sanh!

Thí dụ: Trong bước đầu đến với pháp đạo, người học còn nhiều nghi vấn, có vị còn phân biệt pháp hay dở - cao thấp so với vài pháp môn khác mà bản thân được biết. Đức Ngài dần dần chuyển hóa hết tất cả các nghi chấp trong lòng người học, nhất là qua hạnh lành hay việc làm cụ thể trong Hoằng Khai Pháp Bảo cứu độ chính các vị đang có nghi chấp, đem lại nhiều lợi ích thức giác ngộ tử và chúng sanh vững lòng tin đến với

pháp đạo tu học. Điểm này, chúng ta đã thấy nhiều qua Ánh Sáng Mặt Pháp 1 - 2 và 3.

Từ đây cho thấy, tình thương mà Đức Ngài đến với chúng sanh trên đường hoàng pháp là Tâm Từ ban cho chúng sanh an vui tu học! Với pháp hữu chúng ta, khả năng tu tập được đến đâu thì hành với tâm hạnh lành tương ứng đến đó; đồng thời, phải nghiệm mới biết lòng Từ. Như thực hành lời dạy “thân người có khổ ta dùng tài thí, tâm người có khổ ta dùng pháp thí” là một phương diện thể hiện tình thương tạo sự an vui trong cứu khổ.

Bước thêm một bước: Trên đường thanh lọc toàn diện tâm thức bản ngã và ứng dụng vào cuộc sống về phương diện vi tế, chúng ta nên biết rằng: Tình thương mà lẫn một tí cõi lòng phân biệt, lẫn một tí khuynh hướng vị ngã thì chưa thể có tình thương mở rộng vô biên, thời chưa thể có tâm hạnh lành hoàn thiện, tất nhiên chưa thể có Từ Vô Lượng.

4.2. Tình thương mở rộng Tâm Từ!

Chúng ta cùng nghiệm và cùng học lời Đức Ngài dạy về tình thương mở rộng Tâm Từ:

- Các chú có biết Tình Thương nào bằng: Cha Mẹ đối với con, Thầy đối với trò, Phật Trời đối với chúng sanh vạn vật, không đo không đếm được, như cát sông Hằng, hòa đồng vũ trụ. Tình thương bao la vô tận, mong mỗi các chú trở thành Thiện Tri Thức. Các chú chỉ cần đáp lại bằng sự hiếu thảo, vâng lời và tinh tấn”. (QNP. 326).
- Tình thương bình đẳng, cha mẹ thương con, Thầy thương trò, Phật Trời thương chúng sanh

vạn vật. Đó là tình thương vô biên, không thể nghĩ bàn. Các vị đáp lại bằng lời nói lành và những hành động thiện. (QNP. 345).

- Nói thế cũng chưa đủ, các vị phải thực thi như tình thương của cha mẹ và Thầy để cho Tâm Từ được mở rộng hầu đáp lại phần nào tình thương yêu Người đã trao”. (QNP.345).

Nói chung: Vài nét về “Phương Diện Tình Thương Trên Đường Hành Pháp” góp thêm hiểu biết về Thánh Danh mang họ Từ của Đức Từ Thị mà Đức Ngài Pháp Chủ và Đức Thầy Từ Minh Đạt ban đệ tử Từ Tôn. Cho nên, sự tháo bỏ điểm kẹt bản năng dự phần khai mở tiến hóa tâm linh hay sự tiến tu trên đường “trau dồi đức hạnh là căn cơ” một phần do hành Thánh Danh được ban.

PHƯƠNG DIỆN QUẢNG ĐẠI TRÊN ĐƯỜNG HÀNH PHÁP!

Đức Ngài Pháp Chủ dạy: “Muốn được Chư Thiên, Chư Phật đến với mình, mình phải hành động, ý nghĩ lành, tâm quảng đại, Linh Quang mới sáng tỏ, mới gần các Ngài được” (QNP.328).

Trong bài này, chúng ta cùng tìm hiểu về Tâm Quảng Đại qua vài phương diện thường gặp trong sinh hoạt:

1. Vài ý niệm về quảng đại:

1.1. Thí dụ 1: Cha mẹ thương con!

Các em trẻ đôi khi cãi lời ân cần dạy bảo, làm điều sai trái, nhưng cha mẹ vẫn sẵn lòng tha thứ và hết lòng chấp nhận mọi khó khăn để chỉ dạy con nên người.

Cha mẹ thương con, rộng lượng tha thứ và hết lòng chỉ dạy là hình ảnh của tình thương hiện hành lòng quảng đại!

1.2. Thí dụ 2: Lòng bao dung!

Là vị huynh trưởng làm nhịp cầu hướng dẫn nhân sanh đến với pháp đạo: Đối với nhân sanh, bên cạnh việc hướng dẫn của mình, là lời khen - lời chê, lời tán thán - lời chỉ trích và cả lời vu khống nữa là chuyện thường. Người hướng dẫn không những sẵn lòng đón nhận mà còn sẵn lòng hướng dẫn cả người từng chê bai chỉ trích mình nếu như họ thức tâm tu học.

Tâm lòng bao dung này, vừa là hạnh nhẫn nhục vừa là tình thương độ sanh luôn rộng mở, thể hiện tính rộng

lượng cảm thông và tha thứ, là một phương diện của quảng đại!

1.3. Thí dụ 3: Đức Ngài hành Đại Nguyên!

Đức Ngài sống với thân phàm chịu đựng bệnh đau như thể nhân, hòa mình vào phiền muộn cuộc đời sống như thể nhân mà từng bước mở đường dẫn dắt thể nhân; đồng thời, cũng đón nhận biết bao nghịch cảnh trái ngang. Nơi đây, đủ nói lên tâm từ bi quảng đại trong hành Đại Nguyên và Đại Hạnh vì chúng sanh.

Đức Ngài dạy thêm: “Đối với người dưới quyền cư xử rộng lượng, giúp đỡ khoan dung, chỉ điểm sai trái của họ để sửa chữa trở thành con người tốt. Độ lượng to lớn bao nhiêu thì được phúc âm bấy nhiêu. Phải giữ chữ Tín đối với mọi người, đó là gốc của đạo”. (QNP. 371).

2. Phương diện quảng đại trong hướng dẫn:

2.1. Thí dụ 1: Rộng lượng tha thứ và ban dạy!

Có vị thọ pháp tu học và trở thành một huynh trưởng. Đức Ngài tin và ban Pháp Bảo cao quý giúp đủ lực hành pháp. Có được một vài “khả năng siêu phàm” và được nhiều người tin phục, đồng thời tánh tự cao cũng theo đây phô bày. Đức Ngài từ ái nhắc nhở, không những tha thứ lỗi lầm mà còn mong mỗi người học trò tiến tu. Thật là một tâm hồn quảng đại phi thường!

- “Đức Pháp Chủ nhấn mạnh: Các chú nên diệt trừ “Bản Ngã của Ta”. Cái ngã của ta, đưa các chú vào tánh tự kiêu, tự đại” (QNP. 31). .
- “Phải dẹp bản ngã, phàm tánh của mình, đừng tự cao tự đại. Danh hữu vi không đáng bao nhiêu, đạt được Hồng Ân ở vô vi mới là điều quan trọng”. (QNP.45)

- “Sur Huynh khuyên các chú nên ăn năn sám hối nếu thấy mình có lỗi, . . .”(QNP.43).
- “Nếu các vị này, vì tình thương nên cảnh tỉnh thức giác chúng sanh tu hành là quý, đó là hạnh của Bồ Tát đang đi”. (QNP. 89).
- “Sự mong mỏi của Sur Huynh: Tất cả là bậc giác ngộ!” (QNP. 89)

2.2. Thí dụ 2: Rộng lòng đón nhận nhân sanh tu học!
 Có vị tìm đến Vô Vi Quy Nguyên học hỏi một thời gian rồi ra đi. Sau khi đi một vòng nhiều nơi rồi trở lại: Có vị trở lại nhưng vui thì đến, buồn thì thôi. Có vị trở lại như người giữ chân với tâm ý phóng hướng tìm dò nơi khác có khá hơn không. Có vị thật tình ăn năn sám hối vì mình đã bỏ lỡ nhiều cơ hội trôi qua! Dù trong trường hợp nào, người hành pháp luôn mở lòng rộng lượng đón nhận và thật tình hướng dẫn dù chỉ là hướng dẫn trong vài giây phút thôi.

Vì sao? Về phương diện nhân duyên: Thí dụ như có vị đến để học một vài điểm nào đó, xong rồi ra đi là chuyện thường. Bôn phận của người hành pháp là gieo duyên lành, tạo duyên lành, bồi đắp duyên lành bằng cách mở rộng lòng đón nhận và cho tất cả những gì có thể cho được theo khả năng tiếp nhận của vị đó. Với sự mở rộng duyên lành này thì dù duyên có hết, vị đó cũng sẽ quay lại không sớm thì muộn, không ở đời này thì đời khác là chuyện bình thường và việc hết nhân duyên gặp nhau không còn là vấn đề nữa. Duyên đời thì có thể hết nhưng duyên đạo thì vô tận mà!

Những ngày được bên cạnh Đức Thầy, chúng tôi được dịp gặp nhiều trường hợp: Đức Thầy không những mở rộng lòng đón nhận mà còn đặt mình vào vị trí của các

vị để cảm thông, hòa đồng và dẫn dắt. Trên từng bước đi, nếu gặp khó khăn hay sai phạm thì Đức Thầy cũng không ngại chỉ thẳng ra cho thấy và mở hướng đi thích ứng. Đây cũng là một cách tạo duyên lành, bồi đắp duyên lành cho chúng sanh!

3. Phương diện quảng đại trong thức giác nhân sanh:

3.1. Thí dụ 1: Đạo hạnh bản thân là phương tiện!

Trong thời gian Đức Ngài còn tại thế: Nhiều vị từ các pháp môn khác đã tự đến với Đức Ngài tu học. Nhiều vị thường gần gũi với Đức Ngài, ngay cả người thân trong gia đình, cũng tự nguyện đến với pháp đạo. Điểm chính mà các vị đến là đức hạnh cao cả của Đức Ngài đã cảm hóa các vị tin phục. Nơi đây, thể hiện tình thương tình thức nhân sanh bằng phẩm hạnh hay công hạnh lành mà Đức Ngài ban cho nhân sanh.

Từ hình ảnh của Đức Ngài với tình thương thức giác nhân sanh ngay trong cuộc sống, ngay trong sinh hoạt đời thường, mở hướng nhân sanh tự bước lên pháp đạo tu học theo chiều hướng có thức tâm - có hiểu biết và tin phục, cho chúng ta thấy cánh cửa pháp đạo luôn rộng mở nhưng không ép buộc mà là quyền tự do lựa chọn có hiểu biết hay có thức giác. Cho nên, đối với người hành pháp, đạo hạnh bản thân là phương tiện mở rộng tình thương độ sanh.

3.2. Thí dụ 2:

Tạo cơ hội cho người tự học - tự hành - tự sửa!

Trên bước đường tìm học Thánh Giáo, đôi khi chúng ta hiểu không đúng lời Đức Ngài dạy nên lầm lạc trong tu tập. Đồng thời, đôi khi chúng ta tìm hiểu thêm giáo pháp của một vài pháp môn khác nên có vị “bị ảnh

hường - bị chi phối” và có thể đi lạc hướng, nhưng chính bản thân cũng không biết vì luôn thấy là đúng.

Qua các buổi học về vô vi chúng ta được biết là các Chư Vị thường nhẹ nhàng cho lời dạy như: Nên nghiệm lại, thấy sai thì sửa lại. Nếu như thấy cần thì các Chư Vị cho thêm một vài hình ảnh gợi ý giúp chúng ta tự phát huy khả năng của mình. Hay, các Chư Vị từ tốn cho lời khuyên như: Sao không tin vào khả năng sáng suốt của mình? Nên nghiệm tâm! Nếu cảm thấy không đúng thì nghiệm lại. Nếu thấy đúng hướng thì đi, nếu thấy lệch thì không theo! Qua đây cho thấy, lời từ ái và khiêm tốn của các Chư Vị tạo cơ hội cho chúng ta có dịp tự khai mở tâm trí; tức là tự học, tự hành và tự sửa với khả năng có được theo tiến trình tinh tấn.

Chúng ta với tâm trí phàm tục không sao tránh khỏi sai lầm. Ngày nay, với pháp đạo mở rộng đến các nơi trên thế giới, có việc cần hành sử ngay thì không phải lúc nào cũng thỉnh ý chỉ dạy của Đức Thầy được! Cho nên, theo chúng tôi nghĩ: Ngoại trừ trường hợp quá khó hay vượt khả năng cần phải cầu nơi Đức Thầy cứu giúp, thì một trong những cách hay là làm bất cứ một việc gì nên “lấy tâm linh làm chánh!” mà Đức Thầy đã dạy. Thấy đúng thì đi, thấy không đúng thì không theo! Có như vậy, từ từ mới có thể phát huy tự khai thông tâm trí ngày một tiến bộ hơn.

4. Phương diện quảng đại trong tình thương độ sanh:

4.1. Thí dụ: Rộng lượng trong tạo nghiệp xấu!

Trong buổi sinh hoạt ngày 23 tháng 3 năm 2002 tại Đại Hùng Linh Điện, Đức Thầy mở ra hướng đi chung cho

một số vị từng làm việc không mấy tốt đối với xã hội, nhân dịp một “đàn anh bị loại ra”: Một nhóm băng đảng đã từng một thời nổi danh, đến lúc cần giúp họ có cơ hội quay về đường thiện. Nếu như cho họ vào tù thì đây không phải là hướng đi hay. Vì sao? Đức Thầy dạy:

“Cho họ vào tù nhưng không diệt được cái “gốc băng đảng” trong tâm họ. Đẹp bỏ băng đảng, một cách hay là phải giáo dục cho người ta, phải đi từ từ, tạo cho người ta một vài cú “sốc” từ từ, nhất là “cái tự cao giả” của họ từng được tôn vinh bởi đàn em, sẽ từ từ hạ xuống.

Vấn đề chính là “bồi đắp sau khi tan rã”. Bởi vì, “rã đám nhưng chưa hẳn rã nghề!” Muốn rã nghề phải khai mở tâm linh, phải có hướng tốt cho người ta đi! Đàn anh ra đi, băng đảng rã đám dần, nhưng chưa hẳn là tan vỡ hết, có thể còn một số vị “vì ân nghĩa, vì nợ ân nghĩa” với đàn anh, vẫn còn. Người hành pháp phải tạo cơ hội cho người ta tan rã dần. Càng tan rã thế lực của băng đảng sẽ thu nhỏ lại. Tiếp tục tan rã để có cơ hội hoàn lương, chứ không phải diệt.

Nơi đây, Đức Thầy mở cho chúng ta thấy thêm: Tình thương độ sanh đến với tất cả thành phần, kể cả thành phần mà xã hội đặt ra ngoài vòng luật pháp cần phải dẹp bỏ. Song song, điểm quý mà pháp hữu chúng ta học được là: Dù phải hành xử như thế nào, Đức Thầy dạy phải lấy tâm linh làm chánh và người hành pháp làm theo cái tâm của mình để mở hướng đi “phát triển tâm linh tiến hóa tốt đẹp” cho người ta. Đây là một phương diện rộng lượng với người lạc bước từng tạo nghiệp xấu và mở đường thức tâm hướng thiện sống

dẫn với lẽ thật - lẽ phải hay sống với chân thật mà con người ai cũng có.

Từ thí dụ này chúng ta hiểu được phần nào lời Đức Ngài dạy: “Điều cốt yếu là cảnh tỉnh chúng sanh đến con đường Pháp Đạo để họ tự diệt các nghiệp của họ để chứng quả” (QNP.32), thể hiện một phương diện rộng lượng thức giác trong hành pháp độ sanh.

4.2. Thí dụ 2: Rộng lượng cứu khổ vì mê lầm!

Có vị được Đức Thầy cứu thoát tai ương nghiệp chướng, rồi ngay sau đó mở ra hướng tu sửa thân tâm lại, làm lại cuộc đời tốt đẹp hơn. Sau một thời gian đến với Đức Thầy lại chuyển hướng và có ý hại Đức Thầy. Nhưng, Đức Thầy vẫn mở rộng vòng tay đón nhận vị này hồi tâm! Cho đến ngày vị này lìa thế, Đức Thầy vẫn đến và mở hướng ân xá hầu chuyển đổi phần nào nghiệp lực xấu đã tạo nhằm đem lại tốt đẹp hơn trong kiếp lai sinh.

Hình ảnh làm vì chúng sanh của Đức Thầy mở ra cho chúng ta thấy hạnh nhẫn nhục phi thường với tình thương cứu khổ rộng mở đến với “chúng sanh tánh hay phạm tánh đổi thay” trong một con người. Nơi đây, thể hiện cái Dững với tình thương tế độ của người hành pháp cứu khổ vì chúng sanh mê lầm đi trong luân hồi.

5. Phương diện quảng đại trong phương tiện pháp hướng dẫn:

5.1. Thí dụ 1: Phương tiện pháp thanh nhã trong tiếp nhận và ban cho!

Trong thí dụ này, chúng tôi xin phép cùng các vị kể lại một câu chuyện có thật như sau:

Có lần, tình cờ chúng tôi được biết: Một vị học trò trình với thầy mình về ý kiến giải quyết một sự việc. Vị thầy nói rằng hướng giải quyết của anh như vậy là tốt, nhưng anh làm như vậy... thì tốt hơn! Rồi một lần khác, vị học trò khác đến, vị thầy cũng dạy tương tự như vị học trò vừa rồi: "... là tốt, nhưng anh làm như vậy... thì tốt hơn!"

Do đây, chúng tôi được biết: Vị thầy này thường khen, kể cả ý kiến chưa tốt, hướng giải quyết chưa đem lại đẹp đẽ hay cách hành xử chưa phải lẽ. Vị thầy thường nói tốt nhưng kèm theo là "nghĩ như vậy, nói như vậy, làm như vậy... thì tốt hơn! Ban đầu, chúng tôi tự nghĩ ông thầy "có quá lời" không mà sao cái gì cũng tốt cả?!

Nghiệm từ câu chuyện này, chúng tôi thấy rằng: Cái tốt mà vị thầy khen là thể hiện tâm ý hòa đồng vào khả năng sống của người học trò, nhận hiểu và cảm thông khả năng còn yếu kém hay với mức độ như vậy là tốt lắm rồi. Nơi đây, tiềm ẩn cả "lòng tha thứ sự nông cạn", nếu có; đồng thời, là nhịp cầu mở đường cảm hóa người học trò hướng về "nhưng... thì tốt hơn!" Chỗ "tốt hơn" thể hiện tấm lòng rộng mở đón nhận tất cả ý kiến dù tốt hay chưa tốt của người học trò; song song là mở hướng đi bằng cái nhìn đúng hơn, tốt hơn, hay hơn, rộng mở hơn dành cho người học trò!

Trong thí dụ này, chúng ta nên nhìn vào phương diện tâm linh rộng mở của vị thầy đón nhận tất cả để thấy được tấm lòng vị tha, lợi tha với tình thương hòa đồng và quảng đại vì nhân sanh. Trong thực tế cho chúng ta thấy: Hướng hành pháp này có thể đem lại nhiều tình cảm hay lòng thương mến đối với người học nhưng sự

tinh tấn thật sự về phương diện khai mở tâm linh không nhiều. Vì sao?

Thí dụ về điểm kẹt: Trong buổi sinh hoạt ngày 06 tháng 4 năm 2002, tại ĐHLĐ, qua lời thỉnh hỏi của các vị pháp hữu, Đức Thầy nhắc lại, mở ra cho chúng ta biết thêm: Nhận diện điểm kẹt thì không cần thiết phải đánh động tâm linh, nhưng tháo bỏ điểm kẹt thì tự nhiên phải có “stress” giao động mạnh nội tâm. Trong thực tế, chúng tôi nhận thấy rằng nếu không có “stress”, có tháo bỏ được chăng là phần thô tướng của điểm kẹt, phần vi tế điểm kẹt vẫn còn tiềm ẩn trong tiềm thức, trong vô thức và có cơ hội thì lộ diện. Như vậy, làm giao động mạnh nội tâm thì không thể có “thanh nhã” theo cái hiểu thông thường của người đời.

5.2. Thí dụ 2: Phương tiện pháp đánh thức khai tâm!

5.21. Từ suy cảm của các vị:

Có lần Đức Thầy hỏi các Chư Vị trong vô vi: “Các vị làm việc với Thầy có ngại không?” Các Chư Vị chậm rãi: “Cũng hơi ngán ngán, thưa Thầy!” Trong hữu vi, không ít vị rất ngại làm việc với Đức Thầy! Theo chỗ chúng tôi nghĩ có lẽ là đối với Đức Thầy:

- Về phương diện làm việc: Làm việc ra làm việc! Đời và Đạo không thể lẫn lộn nhau!
- Về phương diện sửa mình: Dù ở vào vị trí đời hay ở vào vị trí đạo đều là bài học sửa mình! Tất cả môi trường hoàn cảnh sinh hoạt thường ngày đều là phương tiện sửa mình!

Đức Thầy rất thẳng thắn, không quanh co, thấy học trò làm sai thì nói sai và chỉ thẳng, kể cả phương tiện chỉ dạy mạnh, nếu cần.

Thưa các vị! Từ sinh hoạt trong pháp đạo của các vị huynh trưởng nhiều nơi trên thế giới cho chúng ta nhận thấy: Một vị hướng dẫn với nhiều phương cách từ dễ đến khó một cách linh động và hoạt bát, tạo cơ hội người học tự thức tỉnh - tự hành - tự sửa, thì sự cố gắng của người học đem lại tiến bộ có phần khả quan hơn. Nơi đây, chúng ta nhận thấy câu nói “thầy khó trò mới nên” có phần đúng. Trái lại, một vị hướng dẫn mà thiếu tính năng động đa dạng, thiếu quyền biến thích ứng trong hành sử cũng như ứng dụng các phương tiện pháp nhằm đánh thức tâm linh người học, thì không ít người học cũng “nhàn nhã” trôi qua ngày và thiếu đi cố gắng để tinh tấn vượt qua các trở lực.

Về điểm này, Đức Ngài đã dạy thêm: “Thử thời vài ba tháng Sư Huynh làm thính, Sư Huynh không nói vấn đề tu học thì các vị thấy rằng lảng vảng, lắt phất rồi chìm chìm, lặng lặng, rồi thôi cũng như là thả trôi theo dòng nước chảy, rất phí, rất uổng”. (QNP.130-131). “Vì trong các đệ tử Từ Tôn, công phu lần lần biến dạng, hạnh đạo lần lần tan dần và đi vào trong vật chất của phù hoa nhiều hơn”. (QNP.130).

5.22. Đến khai tâm!

Những ngày được bên cạnh Đức Thầy, chúng ta nhận thấy Đức Thầy có khó thật! Chỗ “khó thật” là một phương tiện pháp chỉ dạy trong rất nhiều phương tiện pháp chỉ dạy khác mà Đức Thầy dành cho các vị. Chỗ “khó thật” là một phương diện thức tỉnh người học cố gắng tu hành, là một phương diện đánh động nội tâm thức tỉnh trước các gút mắc lưu hành từ nhiều đời kiếp đến nay. Song song, bên cạnh là “thử thách” trong sinh hoạt đời cũng như sinh hoạt đạo được Đức Thầy nhắc nhở mà người học phải vượt qua là thước đo tinh tấn.

Có lẽ, chính điểm này góp phần làm cho một vài vị “ngại ngại” hay “ngại khó”?

Với cái nhìn của người sửa mình thì chỗ “khó thật” của Đức Thầy dành cho các pháp hữu là viên thuốc trợ lực tinh tấn và lẽ ra chúng ta cảm ơn Đức Thầy mới phải, thừa các vị! Vả chăng, chỗ “khó khăn” mà Đức Thầy dành cho các pháp hữu, không đem lại lợi ích riêng cho Đức Thầy mà đem lại lợi ích cho người học là tiến bộ mà!

Thí dụ: Khi chúng ta phạm phải điều gì, Đức Thầy chỉ chỗ sai và mở hướng đi. Đức Thầy rầy rồi liền ngay sau đó là lời khai thị giúp chúng ta biết mà hành. Như vậy, theo chúng ta thấy, chỗ “khó thật” của Đức Thầy không phải là một dạng phiền não mà là đem lại thấy biết hướng đi và vững tâm tu học mà! Vì sao? Giả như bây giờ, nhìn vào thế nhân bình thường, khó mà tìm thấy một người vừa rầy mà không giận kèm theo - vừa rầy mà không vương phiền muộn áp đặt vào, vừa rầy lại vừa mở hướng chỉ dạy cho từng bước đi. Các vị pháp hữu từng ở vào trường hợp được Đức Thầy rầy thử tự nghiệm xem có phải như vậy không?! Trong chỗ “khó thật” vừa cứng rắn lại vừa mềm dịu với tình thương cảm hóa! Chúng ta “ngại ngại” hay “lo lắng buồn phiền” hay cảm thấy “giao động mạnh” chỉ vì cõi lòng còn mang nặng sự sống của phàm ngã mà thôi.

Từ đây, nghiệm ra chúng ta thấy rằng tất cả các phương tiện pháp mà Đức Thầy hành chỉ vì sự tinh tấn của người đệ tử. Ngay nơi đây, tự thể hiện hành vi chúng sanh với tình thương rộng lượng.

Kính thưa Đức Thầy! Chúng con kính xin Đức Thầy ân xá cho phép viết ra nơi đây một phương diện trong nhiều phương diện chỉ dạy mà Đức Thầy mở hướng khai thị tri hành cho đệ tử Từ Tôn.

Vấn tắt: Phương diện quảng đại trên đường hành pháp thể hiện đức tánh rộng lượng đi vào tình thương cứu khổ, mà người hành pháp cần vun trồng, góp phần thực hiện lời Đức Thầy Từ Minh Đạt dạy nhân ngày lễ Giáng Sinh năm 2001: “Mở tâm, mở rộng tâm!” và lời Đức Ngài Pháp Chủ dạy: “Khi các chú mở rộng tâm bao la trùm khắp chùng nào thì hào quang cũng rộng chùng ấy”. (QNP. 51).

PHƯƠNG DIỆN VỊ TẾ TÂM THỨC TRONG PHÁT TÂM

Buổi sinh hoạt hàng tuần tại ĐHLĐ vào ngày 01 tháng 06 năm 2002, Đức Thầy Từ Minh Đạt ban dạy pháp hữu chúng ta bài học về Phát Tâm cùng vài vị tế cân - đo - đong - đếm là trở lực mở rộng tâm trên đường tu học. Chúng tôi xin phép cùng các vị pháp hữu ghi lại Tôn Ý Đức Thầy dạy theo khả năng nhận hiểu được. Chúng con kính Đức Thầy ân xá ban dạy cho những lỗi lầm khi viết lại bài này. Nam Mô A Di Đà Phật!

1. Vài hình ảnh phát tâm cân - đo - đong - đếm:

1.1. Thí dụ 1: Một lời nói phô bày nội tâm cân - đo - đong - đếm:

Phần đong trong gia đình thường thì người vợ nhận phần nội trợ, hôm nào người vợ có việc đi vắng cả buổi không lo phần cơm nước, đến khi về thì người chồng thật tình nói với vợ mình: “Cả buổi sáng nay anh chưa ăn uống gì ...!”

Một câu nói dù là lời thanh nhã, vui vẻ, thể hiện tấm lòng thân thương trong tình chồng vợ đều là lời hàm chứa cái tâm đo đếm. Mặc dù người chồng không có ý như vậy nhưng tận đáy lòng phát ra đã tiềm ẩn cái tâm hạn lượng chưa rộng mở.

1.2. Thí dụ 2: Lời đáp trả của cõi lòng đi theo đối tượng:

Mẹ đi chợ mua quà về cho con. Người con đón nhận phần quà không một lời cảm ơn mẹ hay tỏ vẻ không thích lắm, người mẹ có phần không vui; trái lại, người

con đón nhận phần quà với lời vui mừng cảm ơn hay tỏ vẻ thích thú, người mẹ cảm thấy vui theo.

Vui hay không vui ở đây do cõi lòng người mẹ phát ra theo thái độ của người con đón nhận phần quà, tự nó thể hiện mức độ nhỏ hẹp. Mặc dù mua quà cho con, vì con mà mua về nhưng tấm lòng đáp lại của người mẹ qua sự đón nhận của người con chứng tỏ rằng người mẹ còn hiện diện tâm cân đo do đối tượng chi phối.

1.3. Thí dụ 3: Tình duyên thuận theo dáng vẻ bên ngoài!

Hai vợ chồng thương yêu nhau theo tình đời. Người vợ thương chồng đến nỗi phát ra lời: Dù hoàn cảnh hay sự việc như sao đi nữa anh cũng đừng bỏ em. Anh đừng bỏ em ở hữu vi, anh đừng bỏ em ở vô vi, v.v....

Ít lâu sau, Đức Thầy gọi đến con chim đà điểu nhờ hai vợ chồng vị này chăm sóc. Một vài ngày sau đó, người vợ không muốn chăm sóc nữa vì tiếng kêu của con chim làm cho chó sủa ảnh hưởng đến giấc ngủ vào ban đêm. Đức Thầy cùng vài vị pháp hữu liền đem về. Ngay lúc đó, Đức Thầy gọi người chồng của vị này đến cùng một số vị pháp hữu tại Đại Hùng Linh Điện, Đức Thầy mở ra cho các vị cùng thấy: Con chim đà điểu là vị tướng trong một tiền kiếp, chính là người tình của vị này (người vợ).

Từ câu chuyện này cho thấy: Một lời nói thân tình cho đến một phong cách xua đuổi, đủ nói lên tâm thức con người chạy theo hình ảnh ngoại thân, đủ nói lên bị sự việc bên ngoài làm chủ cả tâm tư tình cảm tận đáy lòng. Nơi đây, thể hiện chúng tử so đo phân biệt, thể hiện “chúng tử cân, đo, đong, đếm” từ vô thức hiện

hành chi phối mọi hành vi của tư tưởng (hay ý nghĩ), lời nói và hành động (hay việc làm) trong hiện tại mà chính bản thân cho là đúng. Tự nó nói lên vị thế thụ động của thân khẩu ý làm phương tiện phục vụ cho chủng tử vô minh.

Về điểm này, Đức Thầy dạy: Nói theo kiểu yếm thế, con người ta không có tình thương chân thật đâu, nếu có thì Chư Vị (Ơn Trên) không có xuống thế để chỉ dạy tình thương.

Cả ba thí dụ thể hiện sự hoạt động hạn lượng của tâm: Một lời nói cao đẹp vì người thân, một tấm lòng thương con đều là lời đáp trả phô bày sự phóng tâm gia tăng củng cố “tâm cân, đo, đong, đếm”.

2. Phát tâm ngay nơi “sự việc đã định sẵn”: Tâm không vướng bận!

2.1. Thí dụ 1: Chuyển đổi số phận cuộc đời:

Mọi việc đều được sắp đặt sẵn:

Trong cuộc sống, đôi khi có nhiều khó khăn dồn dập đến mà bản thân phải gánh chịu rồi tự nhủ đó là số phận như vậy nên vui vẻ chấp nhận hay số phận phải nhận lấy: Thật ra, trên đời này không có gì là “số phận phải nhận lấy” cả. Vì sao? Khi sanh ra đời, mọi việc tốt hay xấu, may mắn hay bất hạnh đều nằm vào “chương trình” (program) đã định sẵn, cả những cử chỉ, thái độ, phong cách hành xử trong các việc nó diễn ra là như vậy. Đức Thầy mở thêm cho chúng ta thấy:

Chỗ gọi số phận là do tư tưởng của con người gán cho! Đó là cái nhìn của tâm thức thuận theo hình ảnh sống nơi cuộc đời mà mình đang hiện diện.

Về phương diện tâm linh:

Không có số phận, mà là chương trình diễn ra như vậy đó thôi. Chương trình diễn ra này do chính mình tạo ra trước khi sinh ra đời. Thí dụ như trước khi sinh ra làm người ở hiện kiếp, phần chơn linh của mình đã đưa ra những điểm cần thiết để học hỏi tiến hóa nơi cõi trần, chẳng hạn. Tất cả mọi việc đều được sắp đặt sẵn.

- Làm sao ra khỏi chỗ gọi là số phận?
- Dù mình có muốn chấp nhận hay không đều phải đi vào chỗ gọi là số phận này. Như vậy làm sao có thể ra khỏi?

Đức Thầy dạy:

- Đón nhận hay đi vào chỗ gọi là số phận với cõi lòng không vương bận, với tâm không vương bận.
- Tâm không vương bận (tâm thoi thớt, thanh thản) là điem ra khỏi số phận, tự động đi ra ngoài vòng số phận. Dù cho nghiệp nợ nhiều nhưng tâm không vương bận mở ra thì không còn ảnh hưởng của nghiệp nợ nữa.

2.2. Thí dụ 2: Phát tâm ấn tống kinh sách!

Việc đến phải đến:

- Về phương diện hữu vi: Nhiều người thường nói in kinh sách hay “ấn tống pháp thí” lời dạy của Thánh Hiền - của Đức Phật là góp phần truyền bá giáo pháp giúp nhiều người biết mà tu hành nên được công đức vô lượng. Nhưng thật ra thì sao?

Đức Thầy dạy: Về phương diện vô vi, quyển Kinh này, đến ngày giờ này, nếu như vị này không ấn tống thì

cũng có vị khác ấn tổng. Đó là sự việc diễn ra như được sắp đặt, không có gì là công đức cả.

Công Đức do tâm phát ra:

Nhưng vì sao sách vở và dân gian thường nói đến công đức ấn tổng pháp thí? Đức Thầy mở ra cho pháp hữu chúng ta thấy:

Trong chương trình (program) thật sự khi sanh ra nơi cõi đời này không có chuyện làm công đức. Tất cả công đức là do tâm người ta phát ra. Chính tâm cho phát ra là điểm đi ra khỏi chương trình đã định sẵn.

Nói cách khác: Công đức do tâm phát ra! Vào ngày này, đến nơi này, gặp quyền kinh sách này, tự tâm phát ra in ấn mà không vướng bận nào, tự tâm phát ra - tràn ra không có giới hạn nào, đó là công đức.

Tự tâm phát ra không có một hạn lượng nào hết, thì dù ấn tổng một quyển hay ấn tổng một triệu quyển đều là công đức vô lượng.

2.3. Thí dụ 3: Duyên nợ hết thì hết tất cả. Tâm phát ra vô hạn là điểm đi!

Hai vợ chồng chung sống đầm ấm bên nhau dưới mái gia đình, chăm lo săn sóc cho nhau từ vật chất đến tinh thần. Trải qua thời gian, đến thời điểm hết duyên nợ thì dù một câu nói thân tình, một nụ cười duyên dáng, một cử chỉ thanh nhã dịu dàng, một phong cách cung kính cũng không. Bởi vì khi duyên nợ hết thì hết tất cả. Lúc đó, cả A Lại Da Thức của người ta cũng hết rồi. Tức là “cái chương trình như định sẵn” đã không còn nữa.

Giả sử như người chồng vẫn còn lưu luyến thương mến mà người vợ thì tuyệt nhiên dứt khoát thì sao? Tất nhiên, đối với người đời, vợ chồng sống bên nhau thì dù có chuyện gì cũng nên hàn gắn lại hơn là xa cách, nhưng mọi việc đều được sắp đặt sẵn như vậy thì sao? Lời dạy của Đức Thầy mở ra cho pháp hữu chúng ta thấy:

Điểm quan trọng là từ tâm mình phát ra! Tự tâm phát ra tình thương không hạn lượng, tình thương không vướng bận, đó là tâm rộng mở vô hạn cho người và vì người. Cái tâm rộng mở này là điểm đi ra ngoài quy luật của định số, là thoát ra ngoài vòng duyên nợ đã sẵn có.

Nói cách khác: Muốn đi ra khỏi chương trình như định sẵn phải bắt đầu từ tâm. Điểm chính là do tâm. Tâm không vướng bận phát ra, tâm rộng mở mở ra là điểm đi ra ngoài chương trình như định sẵn.

3. Phát tâm trên đường tu học:

3.1. Thí dụ 1: Vai trò của vị thầy trong chuyển đổi định số người đệ tử:

Đức Thầy có nhiều việc phải làm hàng ngày và một số vị pháp hữu phụ giúp Đức Thầy như một chương trình sắp đặt sẵn, diễn ra như vậy. Có vị tuy được đi với Đức Thầy làm việc hay được cùng làm việc với Đức Thầy nhưng Đức Thầy vẫn bạc bẽo. Vì sao? Sự bạc bẽo của Đức Thầy ở đây nhằm giúp cho vị này thức tỉnh bỏ bản ngã của mình xuống. Bỏ bản ngã xuống, chính lúc đó tâm chuyển đổi. Cái quan trọng là tâm chuyển đổi. Lời dạy của Đức Thầy mở ra cho pháp hữu chúng ta thấy thêm:

Có vị tuy làm việc cho pháp đạo, tuy thật tình làm theo khả năng thấy biết của bản thân, tuy sẵn sàng làm các việc mà Đức Thầy cần đến nhưng thật ra trong tâm các vị đang có sự “cân, đo, đong, đếm” mà đôi khi chính nơi các vị cũng chưa hay biết. Đó là “cái thức tiềm ẩn cân, đo, đong, đếm” từ tiềm thức, từ vô thức hiện diện vào cách làm, vào cách hành, vào cách phụ giúp, vào cách phụng sự. “Cái cách” tự nó thể hiện cõi lòng còn hạn lượng nhất định, chưa rộng mở.

Tâm thức là sự cảm nhận, không phải là số lượng hay “cân, đo, đong, đếm”. Đức Thầy tạo cơ hội cho các vị tự khai mở tâm - tự phát tâm rộng ra qua sự việc đang hiện diện bên các vị.

Với Thầy, không có gì lạ! Cái khác là tâm các vị chuyển đổi. Tâm các vị chuyển đổi phát ra là điểm mà các vị vượt qua “cái cách cân, đo, đong, đếm”.

Tâm phát ra lúc làm việc không có vương bận, là cái tâm không còn “cân, đo, đong, đếm”, thì không nằm vào qui luật của chương trình như định sẵn (program). Đó là yếu quyết chuyển hóa tâm thức, chuyển đổi định số không những ngay bây giờ mà cả mai sau hay các đời sau nữa. “Tâm mở ra, tâm tỏ ngộ ra, đó là điểm đi”!

3.2. Thí dụ 2: Phương tiện pháp tu tập:

Các giáo pháp mà Đức Ngài và Đức Thầy mở ban pháp hữu chúng ta là dành cho chúng sanh ở cõi này, ở cuộc đất này.

Ngay cả dòng điện quang ôm lấy cuộc đất này mà các vị thọ hưởng qua công phu tu tập cũng chỉ dành cho cuộc đất này.

Tất cả mọi sự việc, mọi phương tiện tu tập đều là phương tiện pháp giả lập ban cho chúng sanh, đều là phương tiện pháp nương thuận theo quy luật của ngũ hành mà chúng sanh đang hiện diện trong đó, như vậy chúng ta lấy gì mà thoát? Lấy cái thuận theo ngũ hành, bị ngũ hành chi phối mà thoát ngũ hành? Đức Thầy dạy: “Chỉ có tâm người ta tỏ ngộ, mở ra là thoát ra!”

Cho nên, dù pháp hữu chúng ta có thọ nhận giáo pháp cao siêu, thọ nhận giáo pháp Tối Thượng do Đức Ngài truyền ban nhưng tâm chưa tỏ ngộ, tâm chưa mở rộng ra vẫn phải nằm vào quy luật biến đổi sanh diệt của ngũ hành. Nói cách khác: Muốn đi ra khỏi ngũ hành chi phối thì đừng sống trong cân, đo, đong, đếm. Không sống trong cân, đo, đong, đếm thì tự động thoát ra vòng trầm luân sanh tử.

4. Vắn tắt:

Đức Thầy nhắc nhở vài nét vi tế về tâm cân, đo, đong, đếm mà pháp hữu chúng ta vướng phải, đồng thời mở ra hướng đi: Cái thiệt là tâm chuyên đổi! Cái thiệt là tâm không vướng bận! Cái thiệt là phát tâm rộng mở mở ra! Đó là điểm đi và là điểm thoát ra ngoài quy luật chi phối bởi ngũ hành, ra ngoài định số, chuyên đổi định số ngay trong hiện tại và mai sau.

PHƯƠNG DIỆN VI TẾ CHẤP TRONG THÓI QUEN CỦA TƯ TƯỞNG.

Những gì Đức Ngài ban dạy, ngày nay được tập hợp lại và in thành sách báo, khả năng hiểu biết của chúng ta dù có sáng suốt lắm cũng chỉ mở thấy được phần nào thôi. Cho nên, mặc dù lời dạy của Đức Ngài có nội dung thật thâm diệu và được TCQN lần lượt đăng lại trên các số báo, nhưng đôi khi chúng ta cảm thấy như không có gì mới mẻ cho lắm. Sự mở thấy chưa rộng sáng này, một phần do thói quen của tư tưởng chấp.

Trong bài này, chúng ta cùng tìm hiểu về “phương diện vi tế chấp” bằng cái nhìn lắng động, thấy ra chiều sâu “vi tế chấp trong thói quen của tư tưởng” mà lâu nay chúng ta vẫn cho là đúng:

1. Vài ý niệm về thói quen của tư tưởng:

1.1. Nhân diện thói quen của tư tưởng:

Đức Ngài hồi vị, để lại bộ Quy Nguyên Pháp: Có vị học thuộc, có vị nhớ từng chữ - từng câu làm kim chỉ nam trong sinh hoạt. Thật là quý! Ở đây, không đề cập đến việc học thuộc hay không, mà là tư tưởng đi vào hành động như định sẵn theo kim chỉ nam, trở thành định kiến nơi giáo pháp: Phô bày tinh thần chấp vào giáo pháp; đồng thời, mở bày hành động tu hành như vậy là đúng pháp - như vậy là đúng tôn ý Đức Ngài đã ban dạy, là thể hiện chấp ngã. Chỗ vướng phải không phải là hành giáo pháp mà Đức Ngài ban dạy, mà là thói quen ôm giữ lấy lời dạy, mở bày tư tưởng đi vào hành động chấp.

Trong thực tế, có vị càng tu học lâu chừng nào, khả năng chấp càng vững mạnh chừng đó; đồng thời, mức độ chạy theo thói quen chấp càng gia tăng thêm. Khi chúng tôi trình bày mấy điểm này, có thể có vị không đồng ý, bởi bản thân đã từng tu hành theo lời Đức Ngài dạy rõ ràng kia mà! Ngay nơi phóng ý (hay lời đáp trả) đã thể hiện định kiến chấp rồi đó!

1.2. Thói quen của tư tưởng đi vào hành động:

- Có vị, dụng công phu làm chính và ngày này qua ngày nọ luôn nắm lấy công phu theo thời khóa. Hôm nào bận việc hay quên, cảm thấy bồn khoăn - lo lắng.
- Có vị, tu hành là phải sửa mình, như: “Sửa các nét hạnh xấu thành tốt, tập phẩm hạnh nghiêm trang - lời nói từ tốn”. Mỗi khi phạm phải lỗi lầm, cảm thấy bứt rứt nhiều.

Tu phải hành! Dem giáo pháp ứng dụng vào đời - sống thật với những gì hiểu nơi giáo pháp, là một phương diện tri và hành. Cho nên, tất cả các phương diện tu tập này đều tốt cho trau dồi phẩm hạnh mà pháp hữu chúng ta nên hành và vun bồi. Nơi đây, thể hiện cái hạnh của người học đạo. Chỗ vướng phải của chúng ta không phải nội dung các phương diện tu tập, mà là: “Thói quen của tâm ý đi vào trau dồi phẩm hạnh - thói quen của tư tưởng trong hành động!” Tức, “tư tưởng đi vào hành động” mang tính chất lập đi lập lại như thói quen tái diễn là phải như vậy.

Giả như, nếu quên - nếu bỏ lỡ cơ hội - nếu phải làm một việc khác đi những gì bản thân đã hành thì cảm thấy lo lắng, bất ổn, không đồng ý hay phản ứng. Nhìn thẳng vào tâm thức: Ngay nơi đây, thể hiện thói quen

của tư tưởng đi vào hành động là phải như vậy, không thể làm khác! Thói quen này thể hiện tâm chấp, nuôi dưỡng tư tưởng chạy theo thói quen chấp trong mở bày phẩm hạnh.

2. Thói quen của tư tưởng có đem lại giác ngộ giải thoát không?

2.1. Thói quen của tư tưởng không đem lại giải thoát:

Thói quen của tư tưởng không đưa đến cứu cánh giác ngộ giải thoát. Việc làm của tư tưởng như thói quen có thể đem lại niềm an vui, sự thoải mái cho tâm hồn, nhưng đây chỉ là cảm giác. Cảm giác này nằm vào sự chi phối của giác quan.

Thói quen của tư tưởng có thể đem lại một nơi an thân, một nơi an trú trong tu hành, nhưng chắc chắn nó không mở bày chân lý giác ngộ giải thoát vì chính thói quen của tư tưởng mang lại tác phong tu hành hay nơi an thân - an trú đã là đối tượng cho tâm nắm giữ lấy thì làm gì có giải thoát?

Từ đây cho thấy: Thói quen của tư tưởng có thể đem lại nề nếp trong sinh hoạt, góp phần nào phát triển tác phong nhân cách theo thói quen, theo mẫu mực nào đó. Trong thực tế, với thói quen của tư tưởng dẫn dắt, chúng ta thử nhìn lại bản thân qua nhiều năm tu hành, có thể vài mươi năm hành pháp và trau dồi phẩm hạnh theo những gì Đức Ngài đã ban dạy nhưng vẫn chưa có thể khai mở giác ngộ giải thoát được.

Vì sao? Đừng nhầm lẫn, thí dụ như lập hạnh chẳng hạn, là cứu cánh, nó chỉ là phương tiện cũng như con đò để qua sông vậy thôi. Thói quen của tư tưởng áp đặt vào lập hạnh là tạo thêm gánh nặng cho tâm thức,

trường dưỡng cái tôi tư tưởng bước vào hành động. Như vậy, là tự khép kín cánh cửa giác ngộ, làm sao có giải thoát?

2.2. Thói quen của tư tưởng góp phần tự khép tâm trí!

Có vị, ngày qua ngày, cứ theo những gì mình đã học hiểu nơi Đức Ngài hay những gì biết được qua trao đổi với các vị pháp hữu và cố hành theo như vậy, vậy thôi. Được như vậy là tốt lắm rồi! Được thọ pháp và được hành lời dạy của Đức Ngài là quý biết bao! Người đời nhìn vào đây thấy được phẩm hạnh tốt của người tu, đánh giá pháp mình đang hành và có thể đến với mình thọ pháp. Qua hình ảnh tốt đẹp này thật là quý!

Nhưng nhìn vào tâm thức: Chính tư tưởng ôm lấy thói quen dụng phương tiện pháp tu hành là như vậy, chính thói quen của tư tưởng phóng hiện vào hành động một cách như “quán tính”, là một trở lực cho khai trí. “Tư tưởng ôm lấy, nắm lấy giáo pháp như một bài học sẵn có và như một việc làm phải làm, cứ lập đi lập lại có khác nào một dạng định kiến khởi phát từ tiềm thức - từ vô thức! Vì sao?

Chính thói quen của tư tưởng trong hành động là trở lực vì nó khởi phát gần như tự động trong vị thế bị động! Tự nó đóng bít khả năng sáng suốt linh hoạt! Khả năng sáng suốt linh hoạt, có chăng, là sáng suốt linh hoạt với vị thế bị động bởi thói quen. Nếu để cho tư tưởng đi vào thói quen thì đó chính là:

Tự giam bản thân vào “hướng đi phải đi”, tương tự như khép mình vào khuôn khổ đã định sẵn!

Giả như với thói quen này, nếu phải làm khác đi một chút thì cảm thấy khó chịu. Hoặc, nhìn vị pháp hữu với

“dáng vẻ bình dân” hay “xuề xòa”, trông không có gì là tu thân sửa mình cả, liền sanh ý không hay. Nơi đây, góp phần lụn bại tinh thần khai mở trong hành động, làm cùng kiệt trí tuệ linh hoạt khi gặp việc.

Mở bày tư tưởng giáo pháp với tinh thần sở hữu!

Giả như với thói quen này, nếu hôm nào đó có dịp mà không hành được thì cảm thấy hối tiếc không yên lòng vì bỏ mất cơ hội. Với người đời bình thường thì các vị là người có tinh thần luôn hướng đến tu học, nhưng với người học đạo thì đó là tinh thần ôm lấy mở bày chấp pháp và tự nâng cao cái tôi hành pháp.

Tự nuôi dưỡng thêm kinh nghiệm hiểu biết qua hành pháp!

Giả như với thói quen này, nếu phải bỏ đi một vài nội dung tư tưởng, hiểu biết hay kinh nghiệm thì tiếc uổng vì đó là cả một tiến trình đầy công tu hành mới có được. Trải qua thời gian tu hành có được “số vốn hành trang” vững chắc và lấy đây làm kim chỉ nam cho bước đường tiên tu thì quả thật là phô bày tinh thần chiếm hữu từ ý niệm vừa khởi và mở rộng lòng tham dục gia tăng.

Bên cạnh, chúng ta còn có thể gặp trường hợp như: Trải qua quá trình tu hành, càng thêm già dặn trên đường tu, càng có nhiều kinh nghiệm tu hành. Nhìn vào đây, có vị đánh giá là bậc đàn anh - là vị mới vào pháp, có vị thẩm định mức độ tiến tu qua chỗ này. Như vậy là vô tình tạo nên thói quen cho tư tưởng phân biệt trong “trau dồi đức hạnh”. Nơi đây, thể hiện tâm ý lệ thuộc vào tướng hạnh, tự đánh mất tâm hạnh. Vì sao? Tâm hạnh của người mới thọ pháp và tâm hạnh của người đã từng tu tập không có vấn đề mới hay cũ - già

dẫn hay non trẻ. Chỉ vì thói quen của tư tưởng đi vào hành động tự cô lập tâm trí và nuôi dưỡng phân biệt mà thôi. Như vậy, làm sao có thể mở bày trí giác ngộ?

3. Tự nhìn vài tác phong thường gặp qua thói quen của tư tưởng!

Bây giờ, tự nhìn vào “công phu - tu sửa - lập hạnh” trở thành “thói quen trong tư tưởng và hành động”, chúng ta có thể thấy được:

- Tinh thần tu tập như trả bài không bao giờ đem lại nội tâm an ổn thật sự, có chăng là cảm giác bởi thói quen tu tập như trả bài đem lại!
- Hay, phải tu tập như thế này - phải hành như thế này sẽ thành tựu kết quả như thế này, sẽ gặt hái tốt đẹp như thế này, sẽ đem lại điểm son tinh tấn như thế này là một cách gia tăng hoạt động cho mong muốn, ước ao ở ngày mai, trái ngược lại bỏ tâm ý và ý thức.
- Mang tâm ôm lấy, giữ lấy hay chiếm hữu là tạo cơ hội cho lưới dục vọng phát triển!
- Thói quen nhìn thấy, thói quen nhận hiểu, thói quen hành động khi gặp việc đều tạo cơ hội gia tăng hoạt động cho tiềm thức - cho vô thức phóng hiện ra bên ngoài là một cách nâng cao cái tôi đi vào phẩm hạnh, dù thật kín đáo như chỉ hiện qua ý niệm thôi!
- Những gì mà bản thân cảm thấy hài lòng, cảm thấy thỏa lòng trên bước đường tu tập hay những gì mà bản thân cảm thấy không hài lòng, không thỏa lòng đều là cảm giác từ giác quan đem lại. Thường tái diễn thời tạo nên thói quen cho bản tánh hài lòng hay không hài lòng, là một dạng hoạt động của cái tôi bản ngã.

- Những gì mà bản thân có thể tận hưởng với thành quả có được, cũng như những gì mà bản thân mong muốn - ước ao cho mai sau đều thể hiện dự vọng làm chủ.

Các hình ảnh trên đây đều thuộc một vài phản ứng của tâm ý trên từng bước tu hành, không có gì là giác ngộ giải thoát. Phản ứng của tâm ý tất nhiên hàm chứa cái tôi ý thức! Giả như loại bỏ vài phản ứng này, cũng chỉ là một dạng “phản ứng loại bỏ” mà thôi. Tất cả đều là hàng rào nâng cao cái tôi đáp trả, cái tôi tư tưởng, cái tôi hành động. Đồng thời, cũng từ cái tôi này mở ra vô số mong muốn thành tựu, ao ước giác ngộ giải thoát, đều là một dạng nâng cao cái tôi dự vọng, dù kín đáo hay thoáng hiện qua ý nghĩ.

Qua đây, mở rộng ra cho thấy: Tiến trình tu học là tiến trình thử thách! Đi từ thử thách này đến thử thách khác nhằm phát khởi các tạp niệm, phô bày các điểm kẹt hiện hành trong tâm thức, để tự thấy và tự thanh lọc: Mỗi sự việc trong sinh hoạt là một hoạt cảnh thử thách. Sự việc nơi thế sự thật đa dạng, từ đơn giản đến phức tạp, là phương tiện pháp thử thách thật phong phú. Chỗ gọi thói quen là hành vi thường tái diễn của tâm ý đi vào trau dồi phẩm hạnh - là hành vi thường tái diễn của ý nghĩ (đi vào hành động) đáp ứng với sự việc hay thử thách. Đây là một phương diện kín đáo phô bày vọng tưởng dẫn dắt trong “hành là hạnh, hành là đạo”.

4. Một phương diện tu tập:

4.1. Thí dụ: Từ “thói quen từ tốn” mà nhận ra chỗ mê lầm!

“Một người nói xấu mình, mình vẫn từ tốn như mọi hôm”. Đây là cái hạnh bình thường của người tu.

Nhưng chỗ vướng phải là thói quen của tư tưởng (hay ý nghĩ) áp đặt vào hạnh bình thường này, khởi phát đi vào hạnh bình thường này. Chỗ vướng như thế nào?

- Thói quen của “tư tưởng từ tốn”, “ý nghĩ từ tốn”, “phóng ý từ tốn” hiện ra chủ động khi gặp người nói xấu, tạo nên “trụ chấp” trong dụng hạnh bình thường, thể hiện tư tưởng chấp pháp.
- Thói quen từ tốn này thường tái diễn trở thành lẽ phải đương nhiên, là đúng theo chỗ thấy biết của bản thân, là thể hiện tư tưởng chấp ngã.
- Thói quen từ tốn này thường tái diễn, gia tăng thêm tiềm lực chấp trong nội thể ngày càng vững mạnh.

Cho nên, vấn đề ở đây không phải “cái hạnh bình thường”, mà điểm chính là thói quen của tư tưởng khởi dậy làm chủ cái hạnh bình thường, thói quen của tiềm lực chấp hiện hành trong “cái hạnh bình thường” này. Đồng thời, chính chỗ chạy theo thói quen là hành vi tự bảo vệ cho cái tôi từ tốn tồn tại và tái diễn. Đây là điểm tinh tế, thường thì khó nhận ra, cần lắng tâm mà tự soi biết.

Điểm chủ yếu là hóa giải thói quen trong phản ứng - thói quen trong hành vi thường tái diễn vì nó là cội rễ và là hạt mầm duy trì ngã pháp chấp hiện diện trong hành vi tu hành. Bằng như không, chúng ta vẫn vương vấn tư tưởng chạy theo thói quen đi vào phương tiện pháp tu hành. Như vậy, chúng ta có thể mở bày từ tư tưởng đến tướng hạnh theo ý muốn, theo cá tánh, theo sở thích, theo thói quen sẵn có, theo định hướng do mình áp đặt. Đây là một phương diện phô bày vọng tưởng dẫn dắt trong “hành là hạnh - hành là đạo”!

Với sự hiện diện thói quen của tư tưởng đi vào hành động khi gặp việc, khi sự việc đến, chúng ta nên nhắc nhở mình bằng lời dạy của Đức Ngài: “Khi ta vận dụng, ta còn mắc vào cảnh vì ta chưa lìa bỏ được sắc tướng. Ta có thể đưa cái tâm linh đến các cảnh theo ý muốn của mình. Như vậy, mê là quán dụng tâm linh.” (QNP. 56)

4.2. Một phương diện tư soi biết thói quen:

Qua hình ảnh từ tốn khi gặp người nói xấu mình, mở rộng vào sinh hoạt trong đời thường - trong trau dồi phẩm hạnh, chúng ta lắng tâm để có thể nhận ra:

- Nhận ra thói quen của tư tưởng khởi phát như sẵn có từ tiềm thức - từ vô thức và bước vào hành động như định sẵn. Tức, tự soi biết thấy thói quen áp đặt vào phẩm hạnh như vị chủ nhân sai khiến.
- Nhận ra thói quen của tư tưởng vừa khởi phát hay đi vào hành động vốn không thật, nó là vọng phát sanh khi gặp việc. Tức, tự soi biết được nội dung thói quen tái diễn trong nội tâm đi vào hành động mà mình phải hành, hoặc cho là phải - là đúng, là một dạng chấp vọng.

Tư tưởng còn dính mắc vào giác quan do sự việc chi phối là còn bị “áp lực giác quan” dẫn dắt, phô trần “cái tôi tư tưởng” áp đặt vào sự việc, gọi chung là vọng. Cho nên, “thói quen của tư tưởng” là một dạng phô bày tinh thần bảo thủ, cố chấp tận thâm tâm.

Trên bước đường tu tập: Đi vào sinh hoạt với tâm lắng động để có thể nhận ra thói quen tái diễn như vị chủ nhân mà nhận diện hành vi từ tư tưởng (hay ý nghĩ) đến việc làm thường bị động, bị làm chủ. Vừa nhận ra

liền không tiếp tục ngay - liền thôi ngay, thời “thói quen của tư tưởng” không có cơ hội hiện hành chi phối trong hành động. Đồng thời, thói quen của tư tưởng đi vào hành động không có cơ hội phát triển, tiềm lực chấp không có cơ hội diễn bày. Đây là một cách lìa bỏ sự hiện hành chi phối bởi “thói quen của tư tưởng” đi vào hành động hay trau dồi phẩm hạnh! Nói cách khác: Nhận biết thói quen của tư tưởng tức là nhận biết vọng, nhận biết liền thôi ngay!

4.3. Bài học của chúng ta:

Người học đạo cần Nhận biết nguyên nhân và diễn biến “thói quen của tư tưởng” diễn bày phẩm hạnh là chủ nhân. Tức là, “nhận biết được căn nguyên của thói quen - nhận biết được bản chất của thói quen, nhận biết với lòng lắng động - với tâm trí tĩnh lặng mà thấu triệt thì thói quen của tư tưởng tự nó tắt lịm”. Nhận biết này tạm gọi là Giác: (Xem thêm: Tinh Tấn trong tự chủ nội tâm, TCQN phát hành 2002).

Cái giác này “không thuộc thói quen của tư tưởng” mở ra, không thuộc “tiềm lực chấp trong nội thể” hiện bày, không thuộc “áp lực giác quan” chi phối, nhưng từ “thói quen của tư tưởng tắt lịm”, từ cái tôi phẩm hạnh do thói quen làm chủ lắng động”, từ tiềm lực thói quen chấp trong nội thể buông xả mà hiện bày.

Cái giác này không thể có được bằng đọc kinh sách, không thể có được bằng lời hướng dẫn của vị huynh trưởng, không thể có được bằng trao đổi kinh nghiệm, không thể có được bằng thói quen lập đi lập lại của tâm ý như quán tính. Tức, cái giác không thể có bằng bất cứ “vật ngoại thân” hay “vật trung gian” nào, mà cốt tủy là tự thấy biết - tự thân hành! Nếu như cái giác

hiện bày do “vật ngoại thân” hay “vật trung gian”, đó là cái giác của “cảm giác” giác! Sống với thấy biết bằng cõi lòng lắng động, sống với hành vi buông bỏ thói quen làm chủ là từng bước sống với phẩm hạnh trong sáng tự tâm. Người học đạo sống với thấy biết này thời “thói quen của tâm ý đi vào trau dồi phẩm hạnh - thói quen của tư tưởng trong hành động” diễn bày ngã pháp chấp tự hóa giải, là tự giải thoát vậy.

Chúng ta tự nhìn mình với cõi lòng lắng động, với tâm trí tĩnh lặng mà sáng suốt trong việc làm: Ai cũng có năng lực sáng suốt này cả! Năng lực sáng suốt này đi vào hành động là năng lực tri và hành, không phải năng lực do thói quen dẫn dắt. Sở dĩ chưa nhận ra, chưa thấy biết, chưa sống với nó được vì còn chạy theo áp lực của giác quan do bên ngoài dẫn, còn bị các phản ứng từ nội tâm làm chủ, mà “thói quen của tư tưởng, thói quen của ý nghĩ, của phóng ý” đi vào phẩm hạnh là một nguyên nhân tự mình trói buộc mình.

Chúng ta tự nhìn mình với cõi lòng lắng động, với tâm trí tĩnh lặng mà sáng suốt trong việc làm: Ai cũng có năng lực sáng suốt này cả! Cho nên, với hướng đi mà Đức Ngài dạy là “Đường đã vạch sẵn”, thì sự tiến bước trên đường tu học là tiến bước bằng tri và hành, không phải tiến bước do thói quen của tư tưởng áp đặt lên hành vi hay phẩm hạnh. Đức Ngài nhắc nhở thêm: “Phải thấy được mình từng phút, từng giây!”

5. Kết luận:

Thói quen của tư tưởng trong hành động, thói quen của tâm ý đi vào trau dồi phẩm hạnh là tiêu biểu cho tiềm lực chấp trong nội thể làm chủ:

- Về phương diện đời: Phẩm hạnh của người tu học mở ra trong trường hợp này có thể được tha nhân quý mến là người có tinh thần tu học, có tinh thần trau dồi phẩm hạnh.
- Về phương diện soi Tâm Thức: Phẩm hạnh của người tu học mở ra trong trường hợp này tiêu biểu cho tiềm lực chấp trong nội thể đi vào mọi hành vi từ ý nghĩ cho đến tướng hạnh. Người tu học phải nhận ra tiềm lực chấp này và đừng để dính mắc vào nữa, thời giải thoát được tư tưởng vọng chấp và thói quen chạy theo tư tưởng vọng chấp! Lòng sanh diệt tự hóa giải vì tâm không hề bị vướng bận vào các tạp niệm này.

Từ đây, chúng ta không ngại đi vào mọi môi trường hoàn cảnh sống, vẫn hiện diện cùng mọi sinh hoạt, vẫn bước vào hành pháp và trau dồi phẩm hạnh: Vào mà Thoát vì tâm không hề bị vướng bận!

Thưa các vị! Chúng ta vừa tìm hiểu về “thói quen của tâm ý đi vào trau dồi phẩm hạnh - thói quen của tư tưởng trong hành động” nhằm tạo cơ hội tự nhìn vào những gì bản thân đang hành, để nhận ra thói quen trong tu hành là hành vi ngăn cách giác ngộ giải thoát. Nhưng đồng thời cũng từ những gì đang hành để thấy được tự thân không bị vướng bận vì thói quen hay các tạp niệm dẫn dắt.

Nhận biết chỗ này là tự mở cánh cửa giác ngộ giải thoát: Giác ngộ giải thoát hiện diện ngay trong mỗi việc làm - ngay trong mỗi lời nói - ngay trong mỗi ý nghĩ!

THIÊN MA VÀ NGHIỆP QUẢ

Lắng tâm học lời dạy của Đức Thầy dành cho các vị hành pháp đối với “nhiệm vụ của thiên ma mà Thiêng Liêng giao”, chúng tôi xin phép cùng các vị pháp hữu ghi lại tôn ý Đức Thầy dạy với khả năng nhận hiểu của bản thân. Kính Đức Thầy từ bi ân xá ban dạy những thiếu sót do khả năng có giới hạn của chúng con.

1. Thiên ma là chuyện bình thường đối với người tu học chân chánh:

1.1. Có tinh tấn trong tu học thì có thiên ma nghịch phá:

Một người tu học bình thường hay tu cho có tu thì đạo hạnh chưa xứng đáng để thiên ma ra tay nghịch phá. Trái lại, một người quyết tâm tu học, trau dồi đạo hạnh, thường gặp một vài trở lực (hay còn gọi là chướng ma), trong đó có vai trò nghịch phá của thiên ma làm nhiệm vụ được Thiêng Liêng giao.

Thí dụ: Bên cạnh sinh hoạt đạo pháp thường ngày, có một số vị tuy mang danh pháp hữu nhưng đứng vào vai trò của thiên ma. Các vị này, nếu có cơ hội thuận tiện thì lộ diện nghịch phá, bằng như không thì ở vào vị trí tương tự như người học trò ngoan, chẳng hạn. Người dẫn dắt pháp đạo phải biết. Biết không phải để loại bỏ hay trừ khử, bởi vì nếu không có vị này làm nhiệm vụ thiên ma thì cũng có vị khác làm thay. Biết để mở cho mình hướng đi trong việc làm ngàn năm vì pháp đạo. Biết để mở cho các vị làm nhiệm vụ thiên ma có được “đường sinh lộ” hay “hướng giải thoát nghiệp lực nhân

quả” do việc làm cũng như căn cơ từ tiền kiếp mà các vị đang thọ nhận.

1.2. Một vài thành phần thường làm nhiệm vụ thiên ma trong giai đoạn hiện nay:

Nhìn vào pháp đạo hiện nay, chúng ta nhận thấy có một số vị làm nhiệm vụ thiên ma thuộc vài giới như: Có vị thuộc giới ma - quỷ, có vị thuộc giới thần, có vị thuộc giới người,... Trong thực tế, hành động nghịch phá của thiên ma thể hiện qua hai phương diện vô vi và hữu vi:

Về vô vi: Các vị ở vô vi hành động nghịch phá trực tiếp thẳng vào thể giới hữu vi như cắt đứt mọi liên lạc trong pháp đạo qua đường điện thoại - Fax - internet, trực tiếp tạo nên một vài tai nạn cho vị pháp hữu hay tạo nên hoàn cảnh sống khó khăn cho vị pháp hữu để không còn đủ khả năng - ý chí hoạt động cho pháp đạo chẳng hạn.

Về hữu vi: Các vị ở hữu vi với thân người thường hành động theo bản tánh của một chúng sanh sẵn có, đó là cái hạnh thuộc phàm tánh của một con người sống với phàm ngã. Bên cạnh, là hành động do các vị ở vô vi tác động. Sự tác động trong trường hợp này thường tạm gọi là nhập xác, thể hiện qua vài dạng như:

- Nương theo một phần thân xác để điều khiển một phần hoạt động.
- Cướp xác để điều khiển hành vi nghịch phá.
- Nhập vào theo luồng diễm để hành sử nghịch phá ngay lúc đó.
- Nhập vào theo tư tưởng để điều khiển tư tưởng và hành động đi theo chiều hướng của thiên ma, khi cần.

- Nhập vào theo hành động để điều khiển mọi hành vi hay cái tướng hạnh theo ý muốn của thiên ma. v.v...

Từ đây cho thấy, một vị tu hành chân chánh cần nên biết rằng thiên ma lúc nào cũng sẵn sàng bên cạnh chờ cơ hội thuận tiện thì đùa giỡn, phá phách, tính nghịch hay ra tay hành động đánh phá thẳng.

2. Đức Thầy nhắc nhở về vị trí của các vị hướng dẫn:

2.1. Đức Thầy nhắc nhở chung cho các vị hướng dẫn:
Mình đang ngồi ở vị trí đầu tàu, đối diện với thế nhân là bình thường. Do đó, phải coi chừng “từng chi tiết - từng chi tiết một” vì đối diện với đầu tàu không phải là sóng nhỏ.

Các vị ở đây là đầu tàu! Đầu tàu không phải tu cho mình không đâu, mà còn phải tu cho người nữa. Tuy luôn mở lòng thương người nhưng không thể dễ trôi nổi được. Trên đường hành pháp, trong hành sử nếu như thấy cần thiết thì trình Thầy để được chỉ dẫn đường đi nước bước.

Đối với hành vi nghịch phá của thiên ma, các vị không cần một phản ứng nào cả. Các vị cứ bình thường!

Với các vị học trò, nếu phạm lỗi vẫn “phạt” để làm gương cho các vị khác. Tình thương là “để trong tâm”. Sau đó tìm cách kéo lên!

2.2. Phải thấy được chỗ đứng của mình!
Với tuyển chọn người làm việc, cần thử thách nhiều. Bởi vì, mình làm việc cho ngàn năm, trong khi đời

người chỉ có mấy chục năm thôi. Phải có thử thách mới có cơ hội hiện bày “tâm tánh thật sự hiện có” nơi người.

Người ta đến, các vị phải khéo một chút để biết: Đến với tâm đạo hay đến với nhiệm vụ của thiên ma. Đến với tâm đạo là đến với tâm cầu đạo, khác đến với nhiệm vụ của thiên ma là đến với tâm đời. Thầy nói ra đây cho các vị thấy được chỗ đứng của mình.

Vả chăng, Đức Thầy đã từng nhắc nhở các vị: Đến với pháp đạo là đến với tâm đạo, đến với tâm cầu đạo! Đến với pháp đạo mà không có tâm đạo thì không phải là người đến để học đạo!

2.3. Phải có quyết tâm trong mọi hành sử!

Mình đứng trước cái núi, núi nó cứng đó, nhưng mình vẫn vững ý chí kiên quyết trước sau gì cũng phá được. Chính cái tâm mình định ra, phóng ra hành động như vậy. Không cần biết trước mặt mình là cái gì, mình phải có quyết tâm mới được, không nản lòng.

Lời Đức Thầy mở ra cho chúng ta thấy: Không ngại mọi khó khăn trên đường hành pháp! Bởi vì, có chạm với khó khăn, có gặp ngang trái mới có cơ hội mở trí hành sử, đạo lực càng phát triển, hạnh tín tâm càng vững chắc hơn.

Đối với một số vị pháp hữu dễ bị lay động, các vị làm nhiệm vụ thiên ma thường nương dựa vào đây để liên lạc, Đức Thầy nhắc nhở các vị: “Cần cứng một chút”. “Khi nào cần cứng thì phải cứng, đúng lúc đúng thời”. “Như Thầy đây, xuề xòa thì xuề xòa nhưng cắt thì cắt ngang. Thầy đã làm mẫu cho các vị thấy”.

Đối với một số vị pháp hữu “cả nê”, Đức Thầy nhắc nhở: “Dẫn dắt pháp đạo thì không cả nê”. “Nếu không thì tu một mình, không dẫn dắt”. “Còn dẫn dắt thì không cả nê trong đó”.

2.4. Cái hạnh của người ta là ngay đó!

Về phương diện hữu vi: Trong nhiều trường hợp, chúng ta thường có ý nghĩ các vị làm nhiệm vụ của thiên ma do các phần lực trong vô vi nhập hay tác động làm nên hành vi nghịch phá. Cho nên hành vi nghịch phá là hành vi của phần lực, cái hạnh của phần lực. Đức Thầy chỉ trực tiếp cho chúng ta thấy:

Trước mắt Thầy là người này! Không có phần lực nào hết! Coi ngay người bị nhập đó. Người bị nhập cũng phải có những nét hạnh hay cách sống tương tự như người nhập nên người ta mới nhập được. Cái hạnh của người ta là ngay đó!

Nếu như cho là do các phần lực nhập hay tác động làm nên thì cái hạnh của người ta ở đâu? Không lẽ các Chư Phật - các Chư Đại Tiên mượn người ta đóng vai à?! Không bao giờ có chuyện đó.

Cho nên, tuy có sự tác động của phần lực thật đó nhưng hành vi nghịch phá trong thực tế chủ yếu là do người ta, tức do “cái cách sống” của người ta là như vậy nên mới nhận sự tác động của phần lực dễ dàng như vậy.

Đức Thầy nhắc nhở: Ngày xưa Đức Phật Thích Ca có Ngài Đề Bà Đạt Đa, cho nên mình không có người này nói xấu thì cũng có người khác nói xấu, đó là chuyện đương nhiên. Đức Thầy chỉ cho các vị chìa khóa trên

đường tu học và hành pháp: Tỉnh queo! Tỉnh khô!
Trước tất cả các việc đến, coi như không có gì hết.

Vả chăng, Đức Ngài đã từng dạy chúng ta là phải rèn luyện bản thể cho mực thước nhún nhường, tuyệt đối đừng để lộ thần thông. Cần trau dồi thân - khẩu - ý được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh trong mọi công việc lành dữ, đó là điều cốt yếu nhất của người tu. Tôn ý lời dạy của Đức Ngài từng được các vị pháp hữu lấy làm khẩu quyết trong đối diện với tất cả các trở lực trên đường tu học.

Thực hành lời dạy của Đức Ngài, của Đức Thầy chúng ta thấy rằng dù đối tượng nghịch phá là thiên ma hay chúng sanh xấu tệ, dù đối tượng là thuận cảnh thuận tâm, tất cả đến với mình đều như nhau, đều là phương tiện trợ giúp tinh tấn trong trau dồi đức hạnh.

3. Đức Thầy nhắc nhở về hướng hành sử từ các vị hành pháp:

3.1. Thức tỉnh các phần lực làm nhiệm vụ trong vô vi:
Đừng nghĩ người ta bằng “đầu óc của mình”!

Đức Thầy dạy: Các phần lực tới với phần việc phải làm của các vị, các vị làm theo nhiệm vụ mà các vị nhận. Cho nên trong quá trình làm việc:

Như các vị (chỉ phần lực trong vô vi làm nhiệm vụ của thiên ma) hướng dẫn sai, người ta (chỉ người bị nhập, con người ở hữu vi làm nhiệm vụ của thiên ma) đi vào tà đạo tạo thêm ác nghiệp, các vị phải nhận lấy nghiệp quả này.

Cho nên, trước khi hướng dẫn người ta, các vị nên ngồi yên lại, đừng nghĩ người ta bằng “đầu óc của

mình”. Nếu không, hướng dẫn nhằm lẫn là nghĩ người ta bằng cái bản ngã của mình thì chỉ tạo thêm ác nghiệp.

Cần có cái đạo làm người:

Dù cho các vị là ma, quỷ, thần,... đều nên biết: Các vị hướng dẫn người ta, các vị tác động vào hành vi của người ta, tức là “các vị có ảnh hưởng đến với giới người”. Cho nên, điểm trước hết là các vị cần phải làm đúng lễ nghĩa của đạo làm người, cần phải có cái đạo làm người.

Thí dụ: Một phần lực quỷ khi đến với giới người, thường thì không cần biết chào hỏi, không cần biết lễ phép căn bản của một con người nơi cõi thế là gì. Người hướng dẫn phải khéo léo từng bước dẫn dắt cho phần lực hiểu được lễ phép - lễ nghĩa của đạo làm người. Phần lực hiểu, phần lực làm theo đó là cái hạnh của đạo làm người. Phần lực biết cái đạo làm người là phần lực này hơn các vị quỷ cùng giới.

3.2. Mở đường sinh lộ cho các vị: Thấy được hậu quả do hành vi tác động!

Các vị trong vô vi tác động hành vi người ta nhưng chưa hẳn là các vị này có đủ khả năng kiểm soát 100% cái hạnh của người ta. Cho nên, Đức Thầy dạy:

Người ta làm sai, giả dụ như “trồng cả một vườn cam chua” chẳng hạn, tức là tạo nghiệp quả xấu, các vị phải chịu hết.

Nói cách khác: Các vị tác động người ta làm việc, trong quá trình làm việc người ta đi quá đà, người ta làm lộ thêm nữa nên tạo thêm ác nghiệp, các vị phải

nhận lấy mọi hậu quả ác nghiệp này. Bởi vì, nếu như các vị không có tác động thì người ta đâu có dịp tạo thêm ác nghiệp khác nữa.

Người ta gieo hạt mầm trong xã hội loài người, mà hạt mầm này không phải là hạt mầm của người hay không phải là hạt mầm của đạo làm người, các vị phải gánh chịu hết mọi hậu quả vì các vị tác động người ta hành động mà. Người ta gây quả không lành, các vị nhận lãnh quả không lành đó.

Muốn hướng dẫn người ta, muốn tác động vào cái hạnh của người ta, trước phải tác động hướng dẫn người ta đạo làm người, để cho người ta làm tốt chút xíu. Đồng thời, để sau này các vị còn đi chớ. Tức là các vị còn giải thoát khỏi lớp áo thiên ma, giải thoát khỏi lớp áo quỷ.

3.3. Mở đường sinh lộ cho các vị: Phải có cái chánh trong cái tà!

Tuy rằng các vị làm nhiệm vụ của các vị nhưng khi đến với cõi thế, đến với giới người, các vị không thể tránh khỏi vướng mắc nơi đây. Các vị gây nhân lành tác động cho người ta hành động thì người ta cũng nhận được quả lành (thiện nghiệp). Các vị gây nhân ác tác động cho người ta hành động thì người ta cũng phải nhận quả ác (ác nghiệp). Cho nên, lời Đức Thầy dạy xoáy sâu vào tâm ý các vị thật thâm diệu:

“Các vị gây nhân lành cho người ta, để khi người ta nhận ác nghiệp do làm nhiệm vụ tạo nên, thì người ta còn có cái quả lành của người ta”. Tức là “trong cái tà có một chút cái chánh. Phải có cái chánh trong cái tà thì mới tồn tại”.

Ngày nay, các vị đang đưa người ta đi vào tạo nghiệp ác, người ta sẽ nhận quả ác, người ta phải chịu hậu quả ác nhưng hậu quả ác đó do chính mình (chỉ các vị trong vô vi) tác động.

Trong quá trình gây nghiệp ác (do hành vi nghịch phá) các vị nên tác động tạo nhân lành cho người ta, để khi nghiệp quả đến thì người ta có cái nhân lành mà nghiệm ra đó là bài học. Có một chút nhân lành giúp cho người ta thấy được đó là nghiệp quả. Có một chút nhân lành giúp cho người ta có đường đi, để cho người ta thấy được ác nghiệp đã làm. Chỉ cần thấy được một chút là người ta thoát ra khỏi trầm luân vì nghiệp quả. Còn như không có nhân lành, khi nghiệp quả đến người ta phải nhận lãnh. Tức là, trong quá trình gây ác nghiệp mà không tạo nhân lành, ác nghiệp đến là nhận ác quả đi vào cửa trầm luân.

Nói cách khác: Gieo nhân lành trong việc làm là một cách vun trồng công đức ngay trong nhiệm vụ, góp phần trưởng dưỡng căn lành - trưởng dưỡng tâm tánh thiện của các vị. Cho nên, “phải có cái chánh trong cái tà” thì tâm đạo mới thật sự mở dần và nhân lành là cánh cửa mở đường thoát trầm luân.

3.4. Mở đường sinh lộ cho các vị: Đừng để vướng vào vọng tưởng nơi cõi này!

Các vị làm nhiệm vụ của thiên ma, các vị làm phận sự của các vị, nhưng các vị nên biết rằng:

- Các vị còn phải thoát đi ra ngoài lớp áo thiên ma mà các vị đang vướng mắc.
- Các vị còn phải trở về với Thượng Đế.

- Đừng bao giờ chỉ nhìn việc làm trước mắt cho thỏa mãn theo ý muốn, theo vọng tưởng khởi mà đánh mất đi đường trở về của các vị!

Các vị (chỉ thiên ma, ma quỷ... làm nhiệm vụ của thiên ma) phải có lúc cũng cần giải thoát vậy. Tưởng là làm nhiệm vụ nhưng lại vướng vào đây, mắc kẹt vì nhiệm vụ thì làm sao mà đi? Vướng vào đây, mắc kẹt vì nhiệm vụ là vướng vào Vọng Tưởng nơi cõi này, thì làm sao mà thoát? Chính do vọng tưởng, chính chỗ dính mắc vào vọng tưởng nơi cõi này thì khi trái đất này diệt các vị cũng bị diệt theo. Nhân đây, Đức Thầy tặng các vị món quà: “Yên lại! Thanh tịnh lại!”

Đức Thầy ân cần nhắc nhở các vị một lần nữa: Các vị đang hành sử nhiệm vụ của Thượng Đế giao, Thầy đang chỉ cho các vị con đường sinh lộ là tạo nhân lành, để khi ác nghiệp đến, dù sao các vị cũng có nhân lành là con đường thoát. Đồng thời, có nhân lành các vị mới có cái trí mà nhận ra nghiệp lực đến với mình. Nếu như không có nhân lành, người ta bị tác động theo nhân ác của các vị, không những người ta không nhận ra đó là nghiệp lực mà chính nơi các vị cũng không còn đủ hiểu biết để nhận ra nghiệp lực nữa. Như vậy là cửa trầm luân đang mở chờ đó!

4. Kết luận: Bài học trên đường hành pháp:

4.1. Vài bài học dành cho pháp hữu chúng ta:

Nhìn sự việc đúng!

Đức Thầy dạy “yên lại, thanh tịnh lại”, “tĩnh khô, tĩnh queo”, là một cách mở cho chúng ta chìa khóa: “Vừa thanh lọc vọng khởi - ô trước nơi tâm, nếu có; đồng thời, vừa nhìn sự việc diễn ra đúng như sự việc diễn ra, không có bản ngã áp đặt vào”. Nói cách khác: Yên lại,

thanh tịnh lại thời tâm ý bình lặng mà hiện bày cái trí sáng suốt, cái thấy - cái nhìn thật khách quan, chân thật. Đó cũng là một phương diện an tịnh cái ý quán xét mọi sự, mọi việc đúng như thật.

Có được như vậy người hành pháp mới có thể thấy biết bản tánh của chúng sanh đang tác động làm nên hành động hay đang hiện diện cùng hành động, để theo đó mà mở phương tiện hướng dẫn thích ứng. Đó là một cách khai trí mở ra phương tiện cho người ta mà cũng là nuôi dưỡng thiện tâm thiện tánh - nuôi dưỡng tâm từ bi của người hành pháp đến với chúng sanh. Cho nên, hành vi nghịch phá của thiên ma là phương tiện trau dồi đức hạnh của người tu học, hành vi nghịch phá của thiên ma trở thành thiện pháp trên đường tu học và hành pháp.

Trưởng dưỡng nhân lành!

Từ các vị làm nhiệm vụ của thiên ma và nhân quả mà Đức Thầy mở ra, chúng ta nhận thấy:

Bản thân mình tuy đem hết khả năng nỗ lực tinh tấn trong tu học nhưng cũng cần xem lại việc làm của mình từ ngày trước. Điểm nào không tốt thì từ bỏ, điểm nào tốt thì phát huy nuôi dưỡng, nhất là các điểm vướng mắc vốn đã có trong mỗi chúng ta mà Đức Thầy từng nhắc nhở.

Song song với sửa mình, thanh lọc tâm thức là lập hạnh, tạo nhân lành vun bồi công đức, nhưng đồng thời đối diện với những việc làm xấu của thế nhân hay do thiên ma đem lại, bản thân pháp hữu chúng ta nên học lời Đức Ngài, Đức Thầy dạy là tâm thanh tịnh trong mọi công việc lành dữ, bình thường trước tất cả các việc. Có được như vậy mới có thể thấy biết các việc

xấu (hay tốt) đều là phương tiện pháp trưởng dưỡng nhân lành, trưởng dưỡng hạt giống lành.

Gieo nhân lành ngay trong nhân ác!

Trên đường nhập thế hành pháp, tất nhiên chúng ta phải đối diện với nhiều thành phần chúng sanh, mà thiên ma chỉ là một thành phần của chúng sanh, thể hiện một phương diện chúng sanh tánh của thiên ma. Nương vào từng loại chúng sanh tánh, người hành pháp mở đường sinh lộ thích ứng cho từng giới. Đó là một cách vừa rèn luyện tâm tánh chính mình khi đối diện với các loại chúng sanh, vừa mở tâm không phân biệt hòa vào các loại tâm thức của chúng sanh trong hướng dẫn, vừa phát huy phương tiện hành pháp thật đa dạng.

Cho nên, đối với nhân ác mà thiên ma tác động gây nên, chúng ta mở ra phương tiện pháp làm nhân lành ngay trong nhân ác đó. Tức là, không những lấy đây làm phương tiện rèn luyện bản thân người hướng dẫn mà còn mở sinh đường lộ cho thiên ma thoát phần ác quả do việc làm nghịch phá mang lại. Nói cách khác: Gieo mầm chuyển hóa dần lớp áo thiên ma, gieo mầm giải thoát khỏi dần từng lớp của thiên ma.

4.2. Vấn tắt: Lấy Bát Chánh làm căn bản học Đạo Làm Người!

Trước khi kết thúc lời giảng dạy về nhân quả nghiệp lực, Đức Thầy nhắc nhở chung các vị làm nhiệm vụ của thiên ma và các vị pháp hữu:

Sống cho có đạo đức. Sống cho có cái hạnh là cái đạo làm người. Kiến thức là chuyện cần có để hành sự khi cần nhưng cái hạnh là hàng đầu.

Gần người, muốn hướng dẫn người phải mặc áo người là cái hạnh làm người. Muốn cho người ta hiểu trước phải cho người ta hiểu cái tâm của mình, kể là cho người ta hiểu quyền lợi của người ta.

Sau này, các vị về trình Thượng Đế không cần biết các vị thuộc thành phần chúng sanh nào, mà cái hạnh của các vị là chính. Chỉ cần nhìn vào cái hạnh là biết được mức độ khai mở tiến hóa tâm linh của các vị.

Cái hạnh đó là cái đạo làm người. Bát Chánh Đạo là đạo làm người, mà pháp hữu chúng ta nên đem vào thân tâm nhuần nhuyễn làm cứu cánh cho mọi hành vi sinh hoạt trong cuộc sống thường ngày. Như pháp hữu chúng ta đều biết: Quy luật của Mẫu là mang đủ Tám Món Báu khi trở về, đó là mang đủ Bát Chánh Đạo vậy.

YÊN LẠI MÀ NHÌN SỰ VIỆC!

Vào tháng 5 năm 2002, Đức Thầy Từ Minh Đạt ban các vị pháp hữu bài làm mà nội dung liên quan đến sự hành pháp. Trong khi làm bài, Đức Thầy nhắc nhở:

- “Đừng lấy mình ra áp đặt vào cái nhìn! Đừng lồng cái của mình đem vào cái nhìn!”
- “Yên lại! Yên lại mà nhìn sự việc!”

Dưới đây, chúng ta cùng tìm hiểu lời Đức Thầy dạy qua vài phương diện sinh hoạt và kính Đức Thầy ân xá ban dạy cho những thiếu sót của chúng con:

1. Lấy mình ra áp đặt vào cái nhìn - Lồng cái của mình đem vào cái nhìn:

1.1. Thể hiện hành vi hạn hẹp:

Khi gặp sự việc chúng ta thường lấy “mình” ra mà nhìn vào sự việc, như: Lấy tâm ý so đo phân biệt áp đặt vào nhận xét - đánh giá - suy luận - giải bày, lấy tình cảm riêng tư áp đặt theo chiều hướng thích hợp cho mình. Đó là lấy mình (cái tôi) lồng vào cái nhìn hay hướng hành động, tự nó thể hiện hành vi hạn hẹp trong cái nhìn.

Khi gặp sự việc chúng ta lấy ý kiến của tha nhân làm thấy biết của mình đem vào sự việc, lấy kiến thức có được trong sách vở mà bản thân có dịp đọc qua rồi chọn lọc theo khả năng nhận hiểu và cho là đúng, đem ra làm “vốn” để nhìn - để đánh giá. Cho nên, ý kiến của tha nhân, kiến thức từ sách vở trở thành “vốn tích lũy” do mình chọn lọc đem vào định hướng cho cái

nhìn. Đó là lòng cái của mình đem vào cái nhìn, nó vừa thể hiện tinh thần lựa chọn lấy bỏ (cái tôi) và vừa thể hiện tinh thần chiếm hữu từ ngoại thân đem vào (cái của tôi). Cho nên, chưa có gì là thiệt của chính mình cả vì tự nó thể hiện “hành vi hướng ngoại” đem vào cái nhìn, đồng thời tự nó thể hiện hành vi hạn hẹp trong cái nhìn. Vì sao?

Về phương diện nhìn hay hành sử sự việc, đôi khi chúng ta cũng cần đến các hiểu biết từ bên ngoài, nhưng nên nhớ lời Đức Thầy đã dạy là các hiểu biết này như vật bỏ túi khi cần thì dùng như phương tiện, bằng như không thì thôi. Là phương tiện thì không có gì là thiệt của mình cả!

Về phương diện học đạo giác ngộ: Sao chúng ta không tự tin vào cái thấy, cái biết, cái sáng suốt tự thân là cái thật thấy, thật biết, thật sáng suốt của bản thân, mà lại đi mượn từ bên ngoài đem vào làm nên “thông thái tạm” đâu có ích gì cho hạnh giác ngộ khai mở tâm linh tiến hóa thật sự nơi chính mình.

1.2. Từ cái nhìn đến hành sử và kết quả là sản phẩm của vọng ngã:

Lấy mình, lấy cái của mình lồng vào cái nhìn thời một phóng ý, một niệm khởi hiện hành chỗ còn hạn hẹp làm chủ dẫn vào cái nhìn. Chỉ cần một tích tắc khởi ý trong trường hợp này đủ hiện bày từ nơi tâm (dù chưa hiện ra ngoài) hành vi hạn hẹp hiện hành. Hành vi hạn hẹp là hành vi của phàm ngã, của phàm tánh, đi vào hành sử thì kết quả đem lại tốt đẹp hay không đều là chỗ đánh giá của phàm ngã - phàm tánh làm tâm điểm đo lường trong mọi thành tựu.

Cho nên, hành sử hay kết quả là sản phẩm của vọng ngã. Nơi đây, tự nó phô bày nội tâm giao động vì hoạt động của vọng ngã, nội tâm có yên lại chẳng là cảm giác yên lại do tâm tưởng hay do đáp ứng thỏa mãn những gì mình (vọng ngã) mong muốn.

1.3. Nội tâm giao động mở ra thân khẩu ý nghiệp:

Nếu như không yên lại thời nội tâm với các niệm khởi - các ý tưởng hiện hành không dứt, đó là hình ảnh của nội tâm giao động (thường giao động) mà bản thân chưa làm chủ được. Nội tâm giao động thì ý chuyển hiện hành vào tư tưởng - vào lời nói - vào hành động và áp đặt vào cả sự việc, đó là vọng ngã khởi phát vào mọi hành vi của thân khẩu ý. Cho nên, một phóng ý trong trường hợp này đủ làm nên một ý nghiệp, tức là tiềm lực giao động trong nội tâm mở ra ý nghiệp. Đồng thời, một phóng ý này đi vào lời nói hay hành động đủ làm nên khẩu nghiệp hay thân nghiệp. Tất cả đều thể hiện tiềm lực giao động trong nội tâm chi phối mọi hành vi của thân khẩu ý tạo nghiệp.

1.4. Nội tâm giao động hiện bày các khuynh hướng vọng ngã:

Nếu như không yên lại mà lấy mình áp đặt vào cái nhìn, lòng cái của mình đem vào cái nhìn, thời cái nhìn này có quan hệ đến các căn (5 căn) và sự việc bên ngoài (trần cảnh):

Mỗi lần các căn (5 căn) tiếp xúc ngoại cảnh (trần cảnh) làm nên các thức (5 thức hay ngũ thức): Tiềm lực giao động trong nội tâm đi vào chỗ thấy biết của các thức, chi phối nội dung ý thức phát khởi (như lý trí so đo phân biệt, khen chê, lấy bỏ; như tình cảm thương ghét; như lòng ham muốn chẳng hạn), nên ý thức này còn

gọi là vọng thức. Chúng ta thường lầm nhận ý thức này là thật rồi ôm lấy - giữ lấy - chiếm lấy đem vào sự sống thể hiện nhiều khuynh hướng vọng ngã như : Kiến chấp, ái dục, ngã mạn, v.v...

1.5. Tương quan tiềm lực nội tâm giao động và nghiệp lực:

Với nội tâm giao động hiện bày các khuynh hướng vọng ngã, mở ra thân khẩu ý nghiệp, chúng ta thấy được mối tương quan giữa tiềm lực nội tâm giao động và tiềm lực nghiệp lực hiện hành trong nội tâm, như: Nếu như không yên lại tức là mở đường thỏa mãn tiềm lực giao động trong nội tâm làm chủ đi vào hành vi của thân khẩu ý, thì: Mỗi lần tiềm lực này được thỏa mãn là mỗi lần tạo thêm nghiệp mới, mà tạo thêm nghiệp mới là gia tăng thêm chủng tử nghiệp lực (nuôi dưỡng, huân trưởng, phát triển thêm lớn mạnh), tức là gia tăng thêm tiềm lực nghiệp lực hiện hành trong nội tâm (vì chủng tử nghiệp lực càng nhiều thì tiềm lực nghiệp lực trong nội tâm càng mạnh).

Nói cách khác: Mỗi lần ý thức vốn là vọng thức này phóng hiện như vậy, ngay nơi đây, nếu chúng ta đáp ứng thỏa mãn cho ý thức là tạo thêm nghiệp mới. Tạo thêm nghiệp mới là gia tăng thêm chủng tử nghiệp lực, tức là gia tăng tiềm lực giao động trong nội tâm vì nghiệp lực chi phối. Cho nên, tạo thêm nghiệp mới là món ăn nuôi dưỡng tiềm lực giao động trong nội tâm, tức là nuôi dưỡng gia tăng tiềm lực vọng thức hay vọng ngã phát triển mãi.

Nói chung: Vài nét vừa nêu là chỗ mà chúng ta thường hay mắc phải như lời Đức Ngài dạy: “Tâm có động, ý mới chuyển, thức mới hành, tốt xấu do tâm cả”.

(ASMP tập 1, 61). Đồng thời, Đức Ngài dạy thêm cái tốt cái xấu đều là vô minh.

2. Lời Đức Thầy dạy: “Yên Lại mà nhìn sự việc!”

Phần vừa trình bày nhằm dẫn đến lời Đức Thầy đã dạy: “Yên lại mà nhìn sự việc!”. Yên lại đây là tâm yên lại. Tâm yên lại phẳng lặng bình thân mà nhìn thì cái nhìn tự nó giải phóng “lấy mình ra áp đặt vào cái nhìn”, tự nó giải phóng “lấy cái của mình đem vào cái nhìn”, mà cũng là cái nhìn ung dung tự tại. Cho nên tiềm lực vọng chấp trong nội thể tự nó lắng xuống vì không có điểm dựa phô bày ra. Từ đây cho thấy:

2.1. Yên lại: Một phương diện hành mà thoát!

Học lời Đức Thầy dạy chúng ta nên tập cho mình yên lại trong mọi sinh hoạt! Yên lại mà nhìn sự việc như người vô tư vô sự; đồng thời, không dùng đến ý thức là vọng thức thời không tạo thêm nghiệp gia tăng tiềm lực giao động trong nội tâm. Do đó, trong sinh hoạt, nếu có ý thức vốn là vọng thức khởi phát tức là có tiềm lực giao động hiện hành ngay trong ý thức này như vị chủ nhân dẫn trong sinh hoạt: Vừa thấy biết liền “yên lại ngay”. Như vậy tự nó chuyển đổi dòng tâm thức sống mang tiềm lực vọng ngã mà lâu nay ta cho là thật.

Cho nên Đức Thầy dạy thêm: Việc đến, tâm phẳng lặng mà tiếp nhận. Việc đến, tâm bình thân mà tiếp nhận. Với các việc, tâm bình thân phẳng lặng thì không còn ảnh hưởng do các việc chi phối, như vậy là mình ra (ra đây là thoát - tự giải thoát) lúc nào không hay không biết.

2.2. Yên Lại: Một phương diện tu sửa và mở rộng tâm!

Khi gặp việc chúng ta thường phóng tâm áp đặt vào việc: Cái phóng tâm đầu tiên hiện ra này (chưa có tính toán, so đo lựa chọn hơn kém,...) là cái thiết hiện có được của người ta phóng ra (Theo lời Đức Thầy dạy). Nội dung hàm chứa trong cái phóng tâm này có thể hiện bày tâm ý còn nhỏ hẹp hay rộng mở, có thể hiện bày chiều sâu thâm tâm vị kỷ hay vị tha. Thấy được nội dung phóng tâm để tu sửa: Nếu thấy tâm ý còn nhỏ hẹp thì mở rộng dần ra, nếu thấy tâm ý còn vị kỷ thì nên hướng đến vị tha nhân nhiều hơn, chẳng hạn. Đó là một phương diện tự soi tâm để tu sửa và mở rộng tâm ngay từ một ý niệm vừa phát khởi hay ngay từ tánh hành động vừa chớm hiện nơi tâm.

Học lời Đức Thầy dạy chúng ta có được một hướng đi song hành trong tiếp nhận và rộng mở tâm: Tiếp nhận với tâm bình thản - phẳng lặng tự nhiên thì mọi hành động mở ra sẽ đúng vì không bị chi phối bởi các vọng hay giác quan. Với chúng ta trên đường tu tập thì nội dung hành động hiện bày chỗ chân thật hiện có của chính mình. Song song với tiếp nhận là tâm mở rộng ra - ban ra, tức là cái tâm tự nó tình nguyện đi vào hành động vì lợi ích tha nhân là một cách mở rộng tâm, mở rộng tâm trong bình thản phẳng lặng. (Theo lời Đức Thầy dạy).

2.3. Yên lại! Một phương diện giảm tiêu tiềm lực chấp trong nội thể và dư phần thực thi lời Đức Ngài dạy:
Đức Thầy dạy: “Yên lại mà nhìn sự việc”. Yên lại thì: Tiềm lực giao động trong nội tâm tự lắng, tiềm lực nghiệp lực không có nơi nương phát khởi. Cho nên “tiềm lực tác ý thành nghiệp” trong nội thể không những không có cơ hội phóng hiện vào hành vi của thân khẩu ý tạo nên nghiệp, mà cả tiềm lực vi tế chấp

từ vô thức cũng không có cơ hội khởi phát hiện hành từ tánh hành động nơi tâm đến tướng hạnh của thân khẩu (không có cơ hội khởi phát không có nghĩa là không còn).

Nói một cách khác: Về phương diện tu tập, chúng ta học giảm tiêu các tiềm lực này bằng cách không có sự tham dự của ý thức vốn là vọng thức như vị chủ nhân chỉ phối các căn (ngũ căn) trong mọi hành vi sinh hoạt. Vì sao? Không có sự tham dự của ý thức là vọng thức như vị chủ nhân chỉ phối thì: Ý an định - trong sáng và “Tiềm lực tác ý thành nghiệp” tự lắng xuống vì không có nơi dựa để hiện hành, các khuynh hướng chấp không có cơ hội hiện hành qua thân khẩu ý đi vào hành vi tạo nghiệp.

Song song trong tu tập là mở ra hạnh lành mà căn bản là hạnh vị tha (“Thương đời thủ nét vị tha cho bền”, lời Đức Ngài, QNP.312) không có sự hiện hành của ý thức này chỉ đạo là một cách mở rộng tâm và gia tăng chủng tử thiện, dự phần hoàn thiện A Lai Da Thức trong sáng dần.

Nói chung: Học lời Đức Thầy và lời Đức Ngài dạy đi vào sinh hoạt chúng ta thấy: Yên lặng bình thản trong tiếp nhận và hành động là một cách lắng đọng dần tiềm lực chấp trong nội thể, giảm tiêu dần tiềm lực tạo nghiệp cho thân khẩu ý; đồng thời, mở hạnh vị tha hoàn thiện A Lại Da Thức trong sáng dần. Đây là chỗ mà chúng ta nên học, học để có thể đi dần vào tiêu giảm hoàn toàn các tiềm lực tạp niệm hay phiền não, ngõ hầu dự phần thực thi dần lời Đức Ngài dạy ngay trong mọi sinh hoạt: “Tâm Toàn - Ý Tĩnh - Hành Động Đúng.”

3. Kết luận: Tâm yên lại mở ra cái nhìn “các việc đều như nhau”:

3.1. Tỏ ngộ các pháp đều như nhau:

“Đừng lấy mình ra áp đặt vào cái nhìn” thời tự tâm không vướng vào vọng khởi, không bị dẫn bởi các phiền muộn nội tâm. “Đừng lòng cái của mình đem vào sự việc” thời tự tâm bất nhiễm, không bị dẫn bởi giác quan tiếp xúc sự việc hay ngoại cảnh. Như vậy, tâm yên lại mà nhìn sự việc thời:

- Những so đo phân biệt, những lấy bỏ - khen chê - thương ghét - vui buồn... hay những diễn biến ở nội tâm đều như nhau.
- Tiếp nhận tất cả các việc đến với mình hay những diễn biến ở ngoại cảnh đến với mình đều như nhau.
- Hiện bày cái nhìn thanh thản như người vô sự, không lẫn tránh mà cũng không ôm lấy. Ngay nơi đây, “tâm yên lại” hay “tâm không yên lại” không còn đặt ra nữa vì các việc đến với mình đều như nhau. Ngay nơi đây mà tỏ ngộ các việc đều như nhau hay các pháp đều Như.

3.2. Đi vào hành động với tâm bình thản:

Về phương diện tu tập: Đây là một phương tiện pháp giúp chúng ta học “tự tâm không phân biệt”, đồng thời học đi vào cuộc đời, tiếp xúc - đón nhận - hòa mình, các thuận nghịch, vui buồn mà không vướng bận nào.

Về phương diện hành động: Nơi đây thể hiện dũng lực tiếp nhận các việc diễn biến từ nội tâm đến ngoại cảnh, dù thăng trầm, dù vinh nhục, dù khổ đau hay vui sướng đều như nhau.

Nói cách khác: Bình tâm trước diễn biến các việc từ nội tâm đi vào ngoại cảnh hay từ ngoại cảnh đi vào nội tâm, là thấy biết các pháp đều Như, đi vào hành động với cái hành đều Như. Ngay nơi đây sống với tâm bình tâm, mà cũng là tâm lực tự tại vậy.

3.3. Từ tâm yên lại mở ra tâm bi và công hạnh lành:

Cho nên, Đức Thầy dạy chúng ta “Yên lại mà nhìn sự việc” tức là dạy chúng ta học tâm bình tâm trước các việc. Cái học này có được do bắt tay vào hành động, do đối diện sự việc mà hành động. Từ cái học đi dần vào tâm bình tâm phẳng lặng tự nhiên. Như vậy là từ đối diện các việc đến với mình đều như nhau, chúng ta tổ ngộ các pháp đều Như hay các Pháp Như Như, bước vào hành động với cái Hành Như Như mà hội nhập Tâm Như Như, tất cả chỉ là Một Tâm mà thôi.

Điểm căn bản để có được “bình tâm phẳng lặng là định lực, từ định lực đi vào hành động đối diện các việc mà không một vương bận nào là thể hiện dũng lực. Có dũng lực mới có đủ lực đối diện mọi sự việc thuận nghịch trên từng bước đường hành pháp mà mở ra tâm bi - mở ra công hạnh lành.

Nói chung: Đức Thầy dạy pháp hữu chúng ta:

- “Với các việc, tâm bình tâm như như thì không còn bị ảnh hưởng do các việc, như vậy là mình ra lúc nào không hay”.
- “Tâm tịnh tự nhiên thì mọi hành động sẽ đúng”.

Sau hết, chúng ta cùng tịnh nghiệm câu chuyện: Một vị pháp hữu đang mong muốn tìm hiểu thấu đáo và làm hoàn tất một số việc cần thiết cho gia đình, Đức Thầy dạy: Khi nào vị này tịnh lại rồi mới chỉ cách làm.

ĐI ĐÚNG - HÀNH ĐÚNG!

Vào những ngày cuối tháng 01 năm 2003, các phân lực nhập xác người sống trong một gia đình có oán nghiệp. Qua lời thỉnh hỏi của các vị pháp hữu, Đức Thầy dạy về nhiều mặt. Trong bài này, TCQN. xin phép cùng các vị pháp hữu ghi lại tôn ý Đức Thầy dạy về phương diện làm việc sao cho đúng cách của một vị thầy, nhất là trường hợp mình chưa có khả năng nhìn thấy các phân lực trong vô vi. Bài viết được lấy ra từ các buổi giảng tại ĐHLĐ, tại ngôi gia vị pháp hữu vào các ngày 18.01, 24.01, 25.01 và 01.02. 2003. Chúng con kính Đức Thầy từ bi ân xá ban dạy cho những thiếu sót khi viết lại phần này:

1. Nhìn người sống giải quyết vấn đề:

1.1. Nhìn người sống biết phân lực và tiền kiếp:

Đứng trước việc nhập xác của các phân lực trong vô vi đang diễn ra, Đức Thầy dạy:

- Muốn nhìn mặt bên kia (phân lực trong vô vi) phải nhìn ngay người sống. Cái cách của người sống như thế nào? Các con trong gia đình như thế nào?
- Tế nhị hơn một chút: Kêu cả gia đình cầu nguyện. Hẹn cho cả gia đình cầu nguyện trong một ngày, hai ngày, ba ngày hay nhiều hơn nữa. Kêu cả nhà cầu nguyện trong mấy ngày để xem cái cách của người sống.
- Nắm người sống thì biết người bên kia. Nắm hiện kiếp của người sống thì biết tiền kiếp như thế nào. Từ đây, giải quyết toàn bộ vấn đề.

Sự liên hệ với tiền kiếp đã được Đức Thầy giải thích và chứng minh cho chúng ta hiểu được:

- Cái cách sống, cái hạnh trong hiện kiếp do vòng luân hồi tái diễn, nên so với tiền kiếp cũng tương tự như vậy.
- Đồng thời, cái cách sống, cái hạnh của mình là yếu tố mở cửa cho người ta nhập. Thường thì người nhập cũng có cái cách, cái hạnh tương tự như người sống vậy.

1.2. Tìm lý do chính đáng - cái hạnh xứng đáng để cứu giải:

Các phần lực nhập hành xác, nhập phá hoại thân xác, vì đối với họ là nợ oán và người sống phải trả nợ oán, đó là lý do chính đáng để họ nhập. Về điểm này, Đức Thầy dạy:

- Thật ra, cả hai bên (người sống và người chết) chưa thấy ra vấn đề, nên phần lực mới nhờ mình. Là vị thầy, mở ra cho họ (cả hai bên) thấy biết vấn đề.
- Bình thường, người sống thấy chậm - ngu muội hơn, người chết (phần lực) thấy nhanh hơn. Cả hai người sống và người chết (phần lực) đều cố chấp lắm.

Giả như người chết (phần lực) nhất quyết kéo đi, đòi nợ người sống, không chịu buông ra thì làm sao? Đức Thầy dạy:

- Phải coi người sống này có xứng đáng không? Có xứng đáng để có thể khuyên phần lực buông tha không?
- Ít ra người sống phải xứng đáng mới dùng Lệnh Pháp cứu sống.

- Còn như người sống chưa xứng đáng, hay người sống chưa thấy ra vấn đề, cao lắm là nên xin. Xin Ông Trên ân xá, xin Ông Trên cứu độ. Chỉ xin mà không dùng Lệnh Pháp.

Thí dụ: Một vị, tuy có oán nghiệp với phần lực trong vô vi, nhưng qua tiến trình sống - qua cái cách sống - qua làm việc có tu sửa mình, có tiến bộ một chút trong trau dồi phẩm hạnh so với trước đây (trong hiện kiếp), dù tiến bộ ít. Chỗ tiến bộ đó là “phần xứng đáng” mà mình có thể giải thích cho phần lực hiểu để họ buông bỏ ý định đòi nợ hay hoãn lại thời gian đòi nợ, giúp vị này (người sống) có cơ hội tu sửa tốt đẹp hơn. Chỗ tiến bộ là “phần xứng đáng” mà một vị thầy có lý do chính đáng để chuyển Lệnh cứu sống.

2. Nhìn người sống biết hướng đi của phần lực:

2.1. Người nào có phước phần nhiều thì ít có chuyện:

Trong gia đình có nhiều người, phần lực muốn nhập xác, muốn thanh toán oán hận với các thành viên trong gia đình, tất nhiên phải chọn theo thứ tự ưu tiên ra tay hành động. Nhìn vào các vị trong gia đình, Đức Thầy chỉ ra:

- Người nào có phước phần nhiều thì ít có chuyện (ít có chuyện là ít bị phần lực ra tay hành động).
- Muốn quan sát, phán đoán có phước phần nhiều hay ít, vị thầy phải bỏ cái tình riêng ra, xem cách sống của người đó.
- Dù người đó từ lâu nay chưa làm phước nhiều, không làm hạnh bố thí nhiều, nhưng vẫn có phước phần. Phước phần đó là cái cách sống của người đó.

Nơi đây, đứng về phương diện tu học, Đức Thầy dạy: Người nào có phần đạo, có phần đức hạnh, tức có phần thức tâm tu sửa, là có Thiêng Liêng giúp đỡ. Cho nên, mặc dù người sống có “oán nghiệp” nhưng phần lực cũng chưa đặng tới. Các phần lực ngại các vị có phần đạo đức.

2.2. Người nào đốt phước đức gia đình thì ít có chuyên:

Nhìn vào việc làm của Đức Thầy trước đây chúng ta đều biết: Khi cần thiết muốn cứu giúp một người nào, Đức Thầy thường nhìn vào âm đức của người hay gia đình của người. Nếu như phần âm đức kém thì Đức Thầy khuyên bảo hay tạo cơ hội làm phước để có thể cứu giúp. Ngày nay, với sự việc vừa xảy ra trong gia đình này, Đức Thầy Từ Minh Đạt dạy:

- ĐIỂM quan trọng là âm đức trong gia đình. Trong gia đình biết tu sửa, có chuyển tâm là nhân tố tạo thêm âm đức, là nhân tố để gia đình đi lên.
- Nếu trong gia đình có người làm nhiều việc tổn hại phước đức, như: Xem thường Thiêng Liêng, nói lời phỉ báng Thiêng Liêng, khinh thường hiếu hạnh của đạo làm con đối với cha mẹ, v.v... đó là một cách đốt phước đức của gia đình.
- Về mặt tình cảm, việc làm của người con đem lại mất hết tình cha con - tình mẹ con - tình anh em trong gia đình, nhưng vẫn còn liên hệ về phước đức. Người con làm tổn hại phước đức, không những đốt phước đức cho bản thân mà còn đốt phước đức cho gia đình nữa. Cho nên, phần lực (người chết) không cần ra tay, cứ để cho người con này góp phần phá gia đình là

một cách tiếp tay với các phần lực. Phước đức gia đình càng tiêu tán là càng đi mau.

2.3. Người có ảnh hưởng vào vị đầu não trong gia đình bị đưng trước:

Trong một gia đình, người đầu não (hay đầu tàu) không hẳn là ông, bà, cha, mẹ, mà là người có ảnh hưởng nhiều về mặt tinh thần - về mặt đạo đức trong gia đình. Đức Thầy dạy:

- Trong cùng một gia đình, các phần lực đưng vào người có ảnh hưởng nhiều nhất, vào vị đầu não trước và cũng là người có phẩm hạnh đạo đức kém hơn hết. Khi người có ảnh hưởng đi, thì vị đầu não (hay đầu tàu) hướng dẫn cả gia đình về phần đức hạnh bị sụp.
- Thí dụ như: Trong gia đình, vị đầu tàu dẫn dắt phần tinh thần đạo đức là người con. Khi gia đình có chuyện, vị đầu tàu bảo cả nhà quỳ trước ngôi Tam Bảo nguyện xin Ông Trên ân xá. Người cha do bản ngã quá lớn nên không làm theo lời của vị hướng dẫn về tinh thần đạo đức. Người hướng dẫn là con trong gia đình, vì “ngại” là cha mình, nên không giữ đúng vai trò của vị đầu tàu. Đó là lỗi thiên vị về tình cảm, nặng về phần đời, nhẹ về phần đạo.

Điểm này, pháp hữu chúng ta nên học cách hành pháp của Đức Thầy về đời là đời, đạo là đạo, đã được phép phổ biến rộng trên TCQN.

2.4. Người có nhiều nợ oán bị ra tay trước:

Trong hiện kiếp, do có cùng oán nghiệp nên các vị gặp lại nhau trong một gia đình. Oán nghiệp trong gia đình do nhiều vị làm nên nhưng mỗi vị nhiều ít, nặng nhẹ là

tùy theo cách hành động trong tiền kiếp. Ngày nay, phần lực đến và chú ý ra tay trước với các vị có nhiều nợ oán hơn.

2.5. Một cách thử tác phong hành xử của vị thầy:

Trong đại gia đình đông anh em và con cháu: Có vị tu tập tinh tấn, có vị tu tập cho lấy có, có vị lơ là không mấy chú ý.

- Với các vị tu tập tinh tấn: Các phần lực không đụng tới vì vị này có phần đạo lực và được sự giúp đỡ của vị hướng dẫn, của Đức Thầy và có thể cả Thiên Liêng nữa.
- Với các vị lơ là trong tu tập, phẩm hạnh không có, các phần lực ra tay thì rút ngay. Vị hướng dẫn không đỡ kịp.
- Với các vị có phần thức tâm tu sửa nên được vị hướng dẫn quan tâm. Đồng thời, có phần tinh tấn nên được Đức Thầy ban Bảo Pháp trợ lực tu tập và cũng được Đức Thầy chú ý qua từng bước đi. Các phần lực đến với vị này là một cách thử tác phong hành xử của vị hướng dẫn, đồng thời xem chừng cách làm việc của Đức Thầy.

Qua đây cho thấy: Trong đại gia đình có nhiều gia đình của các anh chị em cùng các con cháu. Phần lực có thể đến với một gia đình để thử cách phản ứng, thử tác phong hành xử của vị thầy như thế nào. Đây cũng là cách đánh giá năng lực tu tập và hướng dẫn của vị đầu tàu.

Giả sử như: Nếu có gia đình tuy được nhiều lần hướng dẫn nhắc nhở tu học nhưng không chịu tu sửa, vị đầu tàu không ngại một vài mất mát khi phần lực ra tay. Vì

sao? Đứng về phương tâm linh, có bị mất mát, các vị còn lại trong gia đình mới thức tỉnh tu tập. Cho nên, tuy mất mát nhưng thật ra không mất mát, vì cứu được các vị còn lại trong gia đình, vẫn hơn là để cả gia đình không thức tỉnh tu tập.

2.6. Bài học chung cho pháp hữu chúng ta:

Qua lời phân tích giảng giải về hướng đi của các phần lực trong trường hợp này, Đức Thầy dạy chung:

- Người hướng dẫn phải nắm được lãnh địa làm việc của mình. Kế đến, suy nghiệm ra hướng người ta (phần lực) đi, nghĩ ra cách giải.
- Nếu cần, dòm người đi trước: Xem thân thức người ta mà tìm hướng đi. Cho nên, không thấy được phần âm thì dùng bộ đầu của mình suy nghĩ.
- Tất cả các việc, cái gì các vị gặp, thầy đã giải hết rồi, thầy đã dạy hết rồi.

Sau hết, Đức Thầy thay đổi không khí cho các vị vui: Nếu bí hết rồi, hay bị đóng hết rồi, không còn gì để thấy ra, mở lá số ra xem.

3. **Hành đúng: Hợp lý và công bằng!**

3.1. Tìm hiểu lý do gia đình bị nhập!

Có nhiều vị trong “gia đình bị nhập” này là pháp hữu, mặc dù các vị trong gia đình đã từng làm hạnh lành giúp nhiều người, nhiều nơi, có vị hờ ra là nói công đức. Đức Thầy dạy:

- Công đức hay trả nợ? Nếu có công đức thì sao gia đình bị nhập?
- Làm việc gì làm ơn đừng có tính trong đó. Như xây chùa, nhà thờ, cái cao quý không tính bằng

chỗ lắt nhắt. Cái chính qua việc làm là sửa mình.

- Hiểu công đức là làm bằng tâm mở ra. Làm công hạnh, tạo công đức, tạo âm đức là một cách thay đổi cái mạng của mình. Công đức không tính được. (Xem thêm lời Đức Thầy giảng trong: “Phương diện vi tế tâm thức trong phát tâm” - TCQN số 104).
- Chỉ có đức hạnh của mình là trên hết. Mình giữ đúng đức hạnh, giữ đúng cương vị. Khi hành sử không thiên vị, nếu thiên vị là tự đánh mất vị trí của mình và tự làm không có hiệu lực.

Qua lời dạy của Đức Thầy chúng ta hiểu được: Gia đình này “trước đây” từng tạo nhiều việc thất đức nên ngày nay phải trả. Việc làm hạnh lành của các vị chẳng qua là một cách trả nợ quá khứ. Công đức không phải ở việc làm lành mà công đức là tâm mở ra ngay trong việc làm lành này.

3.2. Hoãn thời gian để đổi lại cách sống tốt đẹp hơn:

Phần lực đòi nợ vốn đã oán hận sâu nặng từ mấy trăm năm nay không chịu buông tha, nay có dịp họ quyết định thanh toán nợ nần. Là gia đình của pháp hữu, đồng thời để hành sử không thiên vị và xoa dịu các phần lực, sau khi hỏi ra để biết rõ đầu đuôi câu chuyện, Đức Thầy dạy:

- Thầy cho vị này (người sống) một năm để đổi lại cách sống. Thầy cho một năm, rán sống cho đẹp, làm lại cuộc đời, chuyển đổi cuộc đời cho tốt, đừng để phạm một lỗi nào. Trong một năm, nếu người ta làm sai, các vị (phần lực) có quyền hành sử.

- Thầy cho các vị (phần lực) một năm. Trong một năm này, nếu người sống làm sai, không sửa đổi cách sống tốt hơn, các vị có quyền hành xử bất cứ lúc nào. Đồng thời, qua quá trình sống một năm, các vị (phần lực) giúp người ta tiến bộ, sống tốt đẹp hơn, mà cũng là một năm để các vị tu dưỡng.
- Cả hai bên cùng tiến bộ là tốt rồi. Thầy tạo cơ hội cho các vị cùng tu dưỡng (nếu các vị muốn). Thỉnh thoảng Thầy đến thăm đệ tử nhưng Thầy không đụng vô chuyện của các vị.

Qua đây, chúng ta học được: Nếu như không thể giải quyết ngay được thì “thương lượng” để đi đến điểm chung nhằm trì hoãn để hai bên có cơ hội tu dưỡng, cùng có lợi. Đây cũng là một cách mà Đức Thầy dạy: “Tiên lễ hậu binh!”

3.3. Phải biết nhân quả là định luật!

Nhìn vào cách làm của Đức Thầy trong nhiều trường hợp trước đây, nay có dịp học lại trong trường hợp này, pháp hữu chúng ta thấy được lời Đức Thầy đã dạy:

- Thầy rất công bằng, Thầy không phân định ai phải ai trái. Phải biết nhân quả là định luật.
- Hôm nay, Thầy tới gia đình này, thầy tới với các vị cũng đang hiện diện trong gia đình, là tạo cơ hội cho cả hai bên tu sửa. Thầy không đụng vào chuyện của các vị, vì có vay phải có trả. Không trả bây giờ thì sau này mất đi, xuống địa ngục cũng phải trả.

Lời Đức Thầy dạy giúp chúng ta ghi nhớ lời Đức Ngài: Định luật nhân quả là tuyệt đối đúng!

3.4. Phải biết cái sai của mình!

Một vị hướng dẫn cả gia đình nhưng có tình cảm thiên vị với người thân và hành theo tình cảm thiên vị, nên không giữ đúng vị trí của vị thầy dẫn dắt trong pháp đạo. Một vị pháp hữu đứng ra kính trình Đức Thầy từ bi ân xá. Đức Thầy hỏi vị hướng dẫn về việc làm vừa rồi, vị hướng dẫn kính trình Đức Thầy xin được nhận lỗi của mình. Đức Thầy dạy:

- Một vị đầu tàu, một vị “làm lớn”: Làm sai phải chịu trách nhiệm, không xin ân xá.
- Làm sai thì đứng ra chịu lỗi (chịu trách nhiệm, chịu phạt).

Sau đó, Đức Thầy phạt một roi tượng trưng và dạy: Thầy phạt! Bỏ hết từ đây về trước. Làm lại một vị thầy tốt. Coi như thời gian qua là tập sự. Bắt đầu làm lại.

Ngoài ra, để có thể tránh sai lầm và thiên vị về sau này, Đức Thầy dạy:

- Lắng nghe trước. Lắng nghe cả hai bên hữu vi (người sống) và vô vi (người chết). Lắng nghe, phân tích ra cho rõ, rồi hỏi cho ra lẽ, hỏi cho biết đầu đuôi.
- Tác phong của mình là quan trọng. Vị thầy hành sự không thiên vị. Vị thầy hành sự phải biết công - biết tư, biết quang minh chính đại. Mình làm đúng, không cần ra lệnh, một lời nói giá đáng ngàn cân.
- Trái lại, bản ngã càng lên cao thì càng bị té. Bởi vì, từ bản ngã phát sanh riêng tư, mất công bằng. Thí dụ như: Lái tàu chỉ chở người nhà, không chở các pháp hữu khác.

4. Bài học mẫu về đi đúng hướng - hành đúng pháp:

4.1. Liên chính và công bằng:

Đối với người thân trong đại gia đình:

Buổi tối ngày 01.02. 2003, các vị pháp hữu cùng tháp tùng theo Đức Thầy viếng thăm gia đình một vị pháp hữu vào đầu năm. Nhân dịp này, Đức Thầy triệu người thân đã mất từ lâu nay, trong đại gia đình của Đức Thầy. Vị này ở địa ngục lâu lắm, Đức Thầy cho lên sớm và cho phép làm việc trong vô vi. Đức Thầy dạy:

- Thầy cho phép làm việc để có công hạnh điểm, mà làm việc cũng là một cách trả nợ.
- Thầy không vì người thân mà vị nể. Thầy làm việc liên chính.

Ngoài ra, trước đây khoảng một tuần, vào tháng 01.2003, Đức Thầy đã nhắc nhở các vị pháp hữu khi gặp sự việc, dù có liên hệ đến người thân trong gia đình:

- Mình đến đây làm việc thì cũng có thiên ma đến đây làm việc của thiên ma. Cái khuyết điểm của thiên ma là vọng tưởng.
- Cho nên, phải hành cho đúng, đừng có lệch quá. Mình phải hành đúng, phải đi đúng.

Đối với các vị có cuộc sống không liên chính:

Nhân dịp này, qua lời Đức Thầy dạy chúng ta được hiểu thêm:

- Trong cuộc sống, có vị giàu có quá thường thì cái ta lớn lắm, có vị liên với gia đình nhưng không liên với xã hội.
- Nhất là các vị làm về quan thuế, làm về hải quan: Các vị không liên để cho người ta qua, các hậu quả về sau này do việc làm xấu có

được của người ta bởi chỗ không liêm đó, các vị phải nhận lãnh hết.

- Các vị có cuộc sống không liêm, đã có chỗ dành sẵn cho các vị ở dưới (chỉ cho địa ngục) rồi đó.

Đức Ngài dạy: “Đừng vì lợi lộc riêng tư, tạo việc không hay cho kẻ khác, mình tự dẫn thân vào đường ngạ quỷ mà thôi.” (QNP. 362).

Ngoài ra, trước đây vào ngày 18 tháng 01 năm 2003, trong một buổi sinh hoạt đạo, tôn ý Đức Thầy đã nhắc nhở chung cho pháp hữu chúng ta:

- Mình phải chân thật, phải có phẩm hạnh, có giá trị của mình. Cái chân thật - cái phẩm hạnh - cái giá trị là nhân tố để đi ra ngoài, để người ta đánh giá mình, để người ta nhận ra mình, nhất là trong thời kỳ mạt pháp này có nhiều phần lực từ các nơi đến tự xưng là Phật - là Trời - là Chúa - là làm việc cứu độ chúng sanh. Mình phải đi từ cái chân thật nhất để đi ra ngoài đời.
- Trong thời tranh tối tranh sáng này chỉ có đức hạnh là trên hết. Mình phải giữ đức hạnh là trên hết. Người ta biết mình qua đức hạnh. Mình phải sáng thì người ta mới nhận ra ánh sáng.

4.2. Đức Thầy dạy về có học thì phải có thi - thi để học:

- Khi chuyện xảy đến, chuyện của mấy vị (chỉ các phần lực) tính là chuyện của mấy vị tính, chuyện Thiêng Liêng tính thì Thiêng Liêng tính.
- Khi làm thầy là dạy học trò. Khi làm giám khảo thì khác. Với Thầy, có học phải có thi. Cái cách

của Thầy, cho dù thi mà không qua được không có nghĩa là thoái chuyển, mà là thi để học và học để đi lên.

- Còn sống chết là số mạng của người ta, không phải là việc của Thầy.

4.3. Đặc ân của Thiêng Liêng để cho người đời tiến bộ:

Về nguyên tắc chung của thiên ma, Đức Thầy dạy: Minh có một, thiên ma tới với mình là một rười hay hai. Minh vượt qua được, mình có hai, thiên ma tới với mình là hai rười hay ba. Thiên ma, bài học hay bài thi tới nhích hơn một chút xiu thôi. Đó là ân điển của Thiêng Liêng để cho người đời tiến bộ.

5. Vắn tắt: Đức hạnh là trên hết!

Đức Ngài đã mở ban đệ tử Từ Tôn “đường đi đã vạch sẵn”. Đức Thầy từng bước dẫn dắt chúng ta mở thông khai sáng “đường đi đã vạch sẵn”. Bồn phận của chúng ta là đi đúng đường, hành đúng pháp. Vào đêm Giao Thừa 2003, tại Đại Hùng Linh Điện, Đức Thầy nhắc nhở các pháp hữu trên toàn thế giới:

“Các pháp hữu phải sống để trở thành những con người bình thường nhất và đạo đức nhất. Sống để làm người, có đầy đủ cái đạo làm người. Sống phải có Nhân, sống phải có Nghĩa, sống phải có sự khiêm cung, lễ độ và ích lợi. Đó là điểm duy nhất để nhân sanh thấy được các vị, để phân biệt được các vị trong sự lẫn lộn giữa cái tối và ánh sáng.” TCQN. ghi lại.

MỤC LỤC

1	Thư gửi Đức Thầy Từ Minh Đạt	2
2	Thọ Pháp với Đức Thầy	3
3	Bước đầu mở hướng khai tâm	12
4	Dụng Pháp chuyển tâm	33
5	Điều Pháp	45
6	Phương diện cứu khổ trên đường hành Pháp	60
7	Phương diện tình thương trên đường hành Pháp	72
8	Phương diện quảng đại trên đường hành Pháp	85
9	Phương diện vi tế tâm thức trong phát tâm	97
10	Phương diện vi tế chấp trong thói quen của tư tưởng	104
11	Thiên ma và nghiệp quả	117
12	Yên lại mà nhìn sự việc	130
13	Đi đúng - Hành đúng	139